TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí (CK)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2117030081	Ngô Văn	Đạt	13/03/1999	Nam	CCQ1703B	TP.HCM	90	6.23	Trung Bình				
2	2117030118	Trịnh Văn	Sỹ	06/07/1999	Nam	CCQ1703B	Bình Định	90	6.78	Khá				
3	2117030124	Nguyễn Minh	Thuận	02/12/1999	Nam	CCQ1703B	Bình Định	90	6.40	Khá				
4	2117030158	Trần Văn	Lâm	24/11/1999	Nam	CCQ1703C	Phú Yên	91	6.51	Khá				
5	2117030185	Đỗ Ngọc	Thủ	30/07/1999	Nam	CCQ1703C	Phú Yên	90	6.73	Khá				
6	2117030205	Lê Thành	Đạt	03/12/1999	Nam	CCQ1703D	Sóc Trăng	90	6.77	Khá				
7	2117030211	Ngô Quang	Huy	20/07/1999	Nam	CCQ1703D	Brvt	90	6.65	Khá				
8	2117030223	Nguyễn Quang	Nhẫn	09/02/1999	Nam	CCQ1703D	Long An	90	6.41	Khá				
9	2117030236	Nguyễn	Tài	08/12/1999	Nam	CCQ1703D	Brvt	90	6.38	Khá				
10	2117030252	Nguyễn Nhật	Trường	12/09/1999	Nam	CCQ1703D	Bình Định	90	6.79	Khá				
11	2117030267	Phan Ngọc	Hiếu	21/11/1999	Nam	CCQ1703E	Phú Yên	90	6.89	Khá				
12	2117030269	Nguyễn Kinh	Kha	05/07/1998	Nam	CCQ1703E	An Giang	90	6.26	Khá				
13	2117030275	Phạm Hữu	Linh	06/11/1997	Nam	CCQ1703E	Bình Phước	90	6.43	Khá				
14	2117030278	Tống Văn	Long	14/11/1995	Nam	CCQ1703E	BRVT	90	6.38	Khá				
15	2117030307	Lê Quốc	Tiến	30/05/1999	Nam	CCQ1703E	Long An	90	6.39	Khá				
16	2117040078	Huỳnh Văn	Lại	13/07/1999	Nam	CCQ1704B	Phú Yên	90	6.97	Khá				
17	2117040090	Đỗ Thanh	Phương	04/10/1999	Nam	CCQ1704B	Gia Lai	90	6.98	Khá				
18	2117140014	Nguyễn Khôi	Hiệu	16/12/1996	Nam	CCQ1714A	Quảng Ngãi	90	6.11	Trung Bình				
19	2117140075	Nguyễn Minh	Hưỡng	10/10/1997	Nam	CCQ1714B	Vĩnh Long	90	6.81	Khá				
20	2117140095	Đỗ Chí	Thanh	30/10/1999	Nam	CCQ1714B	Bình Định	90	6.66	Khá				
21	2118030014	Nguyễn Minh	Hiếu	30/06/2000	Nam	CCQ1803A	Bình Định	92	6.97	Khá				
22	2118030018	Đỗ Ngọc	Hộp	14/01/2000	Nam	CCQ1803A	Bình Định	92	7.38	Khá				
23	2118030021	Lê Văn	Huy	06/12/2000	Nam	CCQ1803A	Phú Yên	92	7.12	Khá				
24	2118030224	Sok Mông	Khánh	07/08/2000	Nam	CCQ1803A	Long An	92	7.02	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí (CK)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118030027	Nguyễn Đình	Khương	20/02/2000	Nam	CCQ1803A	Bình Định	92	7.10	Khá				
26	2118030035	Phạm Nhật	Phi	21/10/2000	Nam	CCQ1803A	Bình Thuận	93	6.82	Khá				
27	2118030043	Trần Minh	Tâm	29/07/1997	Nam	CCQ1803A	Long An	92	7.39	Khá				
28	2118030051	Lê Trường	Thịnh	05/07/2000	Nam	CCQ1803A	Trà Vinh	92	7.36	Khá				
29	2118030055	Nguyễn Thiện	Toàn	30/05/2000	Nam	CCQ1803A	Đồng Nai	92	6.85	Khá				
30	2118030057	Huỳnh Quang	Trung	06/10/1999	Nam	CCQ1803A	Quảng Ngãi	92	6.96	Khá				
31	2118030070	Huỳnh Hửu	Ái	29/11/2000	Nam	CCQ1803B	Long An	93	7.28	Khá				
32	2118030067	Nguyễn Đức	An	06/03/2000	Nam	CCQ1803B	Đồng Nai	92	6.70	Khá				
33	2118030074	Nguyễn Văn	Cảnh	25/04/2000	Nam	CCQ1803B	Bình Định	92	7.49	Khá				
34	2118030076	Nguyễn Hữu	Dư	27/04/2000	Nam	CCQ1803B	Tiền Giang	93	6.83	Khá				
35	2118030085	Nguyễn Quang	Hưng	02/11/2000	Nam	CCQ1803B	BRVT	92	7.38	Khá				
36	2118030086	Huỳnh Đăng	Kha	11/03/2000	Nam	CCQ1803B	Bình Định	92	6.82	Khá				
37	2118030337	Trần Văn	Nhất	02/08/2000	Nam	CCQ1803B	Bình Định	92	7.37	Khá				
38	2118030103	Bùi Thanh	Nhựt	19/05/2000	Nam	CCQ1803B	Tiền Giang	92	7.45	Khá				
39	2118030111	Nguyễn Tuấn	Thanh	18/09/2000	Nam	CCQ1803B	Tiền Giang	92	7.16	Khá				
40	2118030115	Nguyễn Chí	Thật	01/05/2000	Nam	CCQ1803B	Bình Định	92	6.66	Khá				
41	2118030135	Cao Phúc	Bình	08/02/2000	Nam	CCQ1803C	Bến Tre	92	6.88	Khá				
42	2118030141	Lê Kim	Đồng	29/08/2000	Nam	CCQ1803C	Phú Yên	92	6.49	Khá				
43	2118030142	Nguyễn Thành	Giang	22/09/2000	Nam	CCQ1803C	Bình Định	92	6.75	Khá				
44	2118030145	Phan Văn	Hiền	17/04/2000	Nam	CCQ1803C	Đồng Nai	92	6.69	Khá				
45	2118030146	Nguyễn Huy	Hoàng	21/08/2000	Nam	CCQ1803C	Phú Yên	92	6.53	Khá				
46	2118030155	Trần Phúc	Khang	10/10/2000	Nam	CCQ1803C	Bình Định	92	6.66	Khá				
47	2118030163	Nguyễn Quang	Lực	26/02/2000	Nam	CCQ1803C	Bình Định	92	7.27	Khá				
48	2118030165	Trần Bá	Nghĩa	27/10/2000	Nam	CCQ1803C	Bình Định	92	6.73	Khá				
49	2118030176	Phạm Tiến	Sỹ	18/06/2000	Nam	CCQ1803C	Bình Định	92	7.24	Khá				
50	2118030177	Nguyễn Hữu	Tài	29/11/1997	Nam	CCQ1803C	Vĩnh Long	92	7.31	Khá				
51	2118030183	Đỗ Hữu	Trọn	12/07/1999	Nam	CCQ1803C	Bình Định	93	6.91	Khá				
52	2118030191	Đào Duy	Tuấn	16/12/2000	Nam	CCQ1803C	Bình Định	92	7.14	Khá				
53	2118030217	Trần Đức	Hội	01/07/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	7.02	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí (CK)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118030225	Bùi Chí	Kiên	26/12/2000	Nam	CCQ1803D	Ninh Thuận	92	7.10	Khá				
55	2118030226	Nguyễn Dĩnh	Kỳ	10/11/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	7.61	Khá				
56	2118030227	Phạm Văn	Lâm	16/05/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Thuận	92	7.18	Khá				
57	2118030230	Ngô Tùng	Luân	16/02/1999	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	6.73	Khá				
58	2118030252	Võ Ngọc	Trận	28/07/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	7.87	Khá				
59	2118030253	Hồ Minh	Trình	28/03/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	6.85	Khá				
60	2118030262	Châu Minh	Tú	14/12/2000	Nam	CCQ1803D	Quảng Ngãi	92	7.33	Khá				
61	2118030261	Bùi Huỳnh Thanh	Tùng	28/01/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	7.54	Khá				
62	2118030260	Lưu Công	Tuyền	16/01/2000	Nam	CCQ1803D	Bình Định	92	7.03	Khá				
63	2118030266	Diệp Minh	Yên	10/06/2000	Nam	CCQ1803D	Ninh Thuận	92	7.29	Khá				
64	2118030267	Bùi Công	Anh	04/04/2000	Nam	CCQ1803E	Quảng Ngãi	92	7.22	Khá				
65	2118030270	Bùi Ngọc	Doanh	13/08/2000	Nam	CCQ1803E	Lâm Đồng	92	7.75	Khá				
66	2118030273	Nguyễn Văn	Điệp	21/07/2000	Nam	CCQ1803E	Bình Định	101	7.42	Khá				
67	2118030278	Đỗ Anh	Hào	17/11/2000	Nam	CCQ1803E	Bình Định	92	6.68	Khá				
68	2118030288	Nguyễn Hồ Nhật	Huy	14/09/2000	Nam	CCQ1803E	Bình Định	92	7.25	Khá				
69	2118030289	Nguyễn Công	Khải	01/01/1999	Nam	CCQ1803E	Bình Định	94	6.99	Khá				
70	2118030294	Dương Đô	La	23/01/2000	Nam	CCQ1803E	Ninh Thuận	92	7.15	Khá				
71	2118030326	Lê Minh	Tiến	03/01/2000	Nam	CCQ1803E	Đăk Nông	92	6.85	Khá				
72	2118030335	Nguyễn Quốc	Việt	15/01/2000	Nam	CCQ1803E	Đồng Nai	92	6.88	Khá				
73	2118040009	Nguyễn Thanh	Du	23/12/2000	Nam	CCQ1804A	Tây Ninh	92	7.13	Khá				
74	2118040011	Nguyễn Trường	Giang	23/04/2000	Nam	CCQ1804A	Bình Định	92	7.31	Khá				
75	2118040042	Võ Đức	Thế	16/02/2000	Nam	CCQ1804A	Đồng Nai	92	7.05	Khá				
76	2118140002	Lê Tuấn	Anh	02/02/1999	Nam	CCQ1814A	Tiền Giang	92	7.00	Khá				
77	2118140012	Nguyễn Đăng	Hiếu	02/01/2000	Nam	CCQ1814A	Đồng Nai	92	7.12	Khá				
78	2118140014	Đào Việt	Hoàng	28/06/2000	Nam	CCQ1814A	Phú Thọ	92	6.78	Khá				
79	2118140021	Nguyễn Đức	Kiên	13/06/2000	Nam	CCQ1814A	Bình Định	92	6.68	Khá				
80	2118140024	Châu Nguyễn Hoài	Nam	07/07/2000	Nam	CCQ1814A	TP.HCM	92	7.59	Khá				
81	2118140034	Huỳnh Thanh	Sang	04/07/2000	Nam	CCQ1814A	TP.HCM	92	7.23	Khá				
82	2118140052	Nguyễn Minh	Tuấn	24/02/2000	Nam	CCQ1814A	TP.HCM	92	7.21	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí (CK)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118140057	Hồ Sỹ	Bá	08/08/2000	Nam	CCQ1814B	Hà Tĩnh	92	6.49	Khá				
84	2118140059	Nguyễn Minh	Chiến	20/07/1999	Nam	CCQ1814B	Đăk Lăk	92	6.67	Khá				
85	2118140065	Nguyễn Thế	Đô	02/10/2000	Nam	CCQ1814B	Nghệ An	92	6.74	Khá				
86	2118140066	Lê Hoàng	Đức	10/08/2000	Nam	CCQ1814B	Phú Yên	92	6.45	Khá				
87	2118140068	Đỗ Đình	Giảng	15/08/2000	Nam	CCQ1814B	Quảng Ngãi	92	6.60	Khá				
88	2118140070	Bùi	Hải	14/04/2000	Nam	CCQ1814B	Bình Thuận	93	7.09	Khá				
89	2118140071	Nguyễn Chí	Hải	25/08/1995	Nam	CCQ1814B	Tiền Giang	92	7.55	Khá				
90	2118140075	Lương Văn	Hiếu	30/05/2000	Nam	CCQ1814B	Phú Yên	92	7.10	Khá				
91	2118140081	Trịnh Xuân	Khánh	02/04/1999	Nam	CCQ1814B	Đăk Lăk	92	7.70	Khá				
92	2118140086	Nguyễn Hữu	Lộc	19/11/2000	Nam	CCQ1814B	Đồng Nai	92	7.31	Khá				
93	2118140088	Dương Công	Minh	06/07/2000	Nam	CCQ1814B	Bình Phước	92	7.68	Khá				
94	2118140095	Trần Tài	Phương	08/03/2000	Nam	CCQ1814B	Quảng Nam	92	7.88	Khá				
95	2118140098	Lê Ngọc	Sơn	18/09/2000	Nam	CCQ1814B	Phú Yên	92	7.25	Khá				
96	2118140104	Huỳnh Đặng	Tính	25/06/2000	Nam	CCQ1814B	Bình Định	92	6.90	Khá				
97	2119030054	Nguyễn Trần Đình	Phương	20/07/2001	Nam	CCQ1903B	Phú Yên	92	6.92	Khá				
98	2119030061	Trần Quốc	Tiến	16/08/2001	Nam	CCQ1903B	Bình Định	92	6.86	Khá				
99	2119030059	Võ Nguyễn Đức	Tiến	23/10/2001	Nam	CCQ1903B	Đồng Nai	92	7.34	Khá				
100	2119030064	Đinh Ngọc Hoàn	Tú	13/07/2001	Nam	CCQ1903B	Bình Định	92	6.88	Khá				
101	2119030074	Dương Khắc	Huy	20/06/2001	Nam	CCQ1903C	Tiền Giang	92	7.21	Khá				
102	2119030084	Nguyễn Đỗ	Nhật	04/11/2001	Nam	CCQ1903C	Bình Định	92	7.88	Khá				
103	2119030094	Giáp Tấn	Thi	20/01/2001	Nam	CCQ1903C	Bình Định	92	7.11	Khá				
104	2119030121	Lê Văn	Phúc	13/09/2001	Nam	CCQ1903D	Lâm Đồng	92	7.66	Khá				
105	2119030136	Võ Hoàng	Vỹ	14/01/2001	Nam	CCQ1903D	Quảng Ngãi	92	7.54	Khá				
106	2119030145	Nguyễn Hoàng	Hải	26/09/2001	Nam	CCQ1903E	Phú Yên	92	8.21	Giỏi				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2116050178	Nguyễn Đức	Uy	11/04/1998	Nam	CCQ1605C	Bình Định	105	6.28	Trung Bình				
2	2116180076	Bùi Anh	Tuấn	17/11/1998	Nam	CCQ1618A	TP.HCM	105	7.30	Khá				
3	2117050003	Huỳnh Linh	Ân	01/06/1997	Nam	CCQ1705A	Tiền Giang	90	7.43	Khá				
4	2117050024	Võ Thanh	Khang	01/10/1999	Nam	CCQ1705A	Long An	90	6.16	Trung Bình				
5	2117050028	Mai Nhật	Lâm	27/05/1999	Nam	CCQ1705A	Bình Thuận	90	6.31	Khá				
6	2117050079	Nguyễn Văn	Cảnh	15/10/1998	Nam	CCQ1705B	Long An	91	6.22	Trung Bình				
7	2117050094	Phan Thạch	Đính	12/04/1999	Nam	CCQ1705B	Tiền Giang	91	6.06	Trung Bình				
8	2117050098	Đinh Trường	Giang	19/03/1999	Nam	CCQ1705B	Bình Thuận	90	6.42	Khá				
9	2117050187	Nguyễn Tùng	Lâm	17/07/1997	Nam	CCQ1705C	Khánh Hòa	90	6.44	Khá				
10	2117060006	Võ Đức Phương	Chung	30/05/1999	Nam	CCQ1706A	Phú Yên	90	6.40	Khá				
11	2117060024	Hồ Dĩ	Khang	15/09/1999	Nam	CCQ1706A	Bến Tre	91	6.78	Khá				
12	2117060034	Hồ Trung	Nguyên	07/05/1999	Nam	CCQ1706A	Bình Định	90	6.75	Khá				
13	2117060046	Lê Văn	Thuận	11/12/1999	Nam	CCQ1706A	Bình Phước	91	6.49	Khá				
14	2117060055	Nguyễn Công	Tứ	12/04/1999	Nam	CCQ1706A	Bình Định	91	6.69	Khá				
15	2117150012	Nguyễn Thành	Đạt	20/02/1997	Nam	CCQ1715A	Long An	91	6.25	Khá				
16	2117180019	Trần Minh	Hiếu	25/10/1999	Nam	CCQ1718A	Đồng Nai	90	6.15	Trung Bình				
17	2117180067	Đinh Quốc	Hưng	10/06/1999	Nam	CCQ1718B	Bình Thuận	91	6.30	Khá				
18	2117180088	Võ Ngọc	Thạch	24/07/1998	Nam	CCQ1718B	Bình Định	91	6.62	Khá				
19	2117230007	Nguyễn Trần Phúc	Huy	10/12/1999	Nam	CCQ1723A	Bình Định	90	6.17	Trung Bình				
20	2117230009	Phạm Anh	Khoa	30/05/1999	Nam	CCQ1723A	TP.HCM	91	6.45	Khá				
21	2117230025	Mai Yến	Thoa	01/10/1999	Nữ	CCQ1723A	Phú Yên	90	6.77	Khá				
22	2118050001	Trịnh Hùng	Anh	13/11/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Định	92	6.52	Khá				
23	2118050004	Nguyễn Phan Thế	Bảo	29/10/2000	Nam	CCQ1805A	Đồng Nai	90	6.78	Khá				
24	2118050006	Nguyễn Khánh	Bình	30/08/2000	Nam	CCQ1805A	Long An	92	6.69	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118050007	Đinh Cao	Cường	07/02/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Thuận	92	6.67	Khá				
26	2118050014	Lê Quang	Hân	08/06/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Thuận	92	6.33	Khá				
27	2118050015	Lê Công	Hậu	04/09/2000	Nam	CCQ1805A	Long An	92	7.00	Khá				
28	2118050027	Trượng Ngọc	Lễ	21/07/2000	Nam	CCQ1805A	Ninh Thuận	92	6.82	Khá				
29	2118050028	Đặng Quang	Linh	30/04/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Định	92	6.56	Khá				
30	2118050029	Đặng Ngọc	Lĩnh	06/09/2000	Nam	CCQ1805A	Phú Yên	92	6.53	Khá				
31	2118050044	Đỗ	Tài	15/08/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Thuận	92	6.39	Khá				
32	2118050045	Hồng Châu	Thanh	09/03/2000	Nam	CCQ1805A	TP.HCM	92	6.83	Khá				
33	2118050049	Đỗ Minh	Thiện	20/01/2000	Nam	CCQ1805A	Bình Định	92	6.80	Khá				
34	2118050053	Lương Quang	Thông	01/10/2000	Nam	CCQ1805A	Đồng Nai	92	6.80	Khá				
35	2118050058	Lê Đức	Tín	01/03/2000	Nam	CCQ1805A	Phú Yên	92	6.14	Trung Bình				
36	2118050062	Trần Minh	Tuấn	15/07/2000	Nam	CCQ1805A	Quảng Trị	92	6.74	Khá				
37	2118050066	Trần Văn Han	Ty	03/03/2000	Nam	CCQ1805A	Đồng Nai	92	6.41	Khá				
38	2118050071	Nguyễn Thái	Bảo	10/08/2000	Nam	CCQ1805B	Bình Định	92	7.12	Khá				
39	2118050083	Trần Minh	Hoàng	06/04/2000	Nam	CCQ1805B	Đồng Nai	92	6.39	Khá				
40	2118050085	Phan Huỳnh Bảo	Huy	16/10/2000	Nam	CCQ1805B	Tiền Giang	92	6.43	Khá				
41	2118050104	Nguyễn Đức	Nghĩa	17/02/2000	Nam	CCQ1805B	Lâm Đồng	92	6.21	Trung Bình				
42	2118050121	Phạm Minh	Thêm	11/02/2000	Nam	CCQ1805B	Đồng Nai	92	6.52	Khá				
43	2118050126	Đặng Văn	Tiến	10/07/2000	Nam	CCQ1805B	Quảng Ngãi	92	6.72	Khá				
44	2118050130	Nguyễn Kim	Toàn	19/03/2000	Nam	CCQ1805B	Phú Yên	92	6.69	Khá				
45	2118050136	Phạm Quang	Tú	02/04/2000	Nam	CCQ1805B	Bình Định	92	6.71	Khá				
46	2118050137	Lê Thanh	Việt	30/10/2000	Nam	CCQ1805B	Tây Ninh	92	6.52	Khá				
47	2118050138	Huỳnh Thanh	Vỹ	03/07/2000	Nam	CCQ1805B	Lâm Đồng	92	6.75	Khá				
48	2118050155	Đào Minh	Hiếu	08/08/2000	Nam	CCQ1805C	Tây Ninh	92	7.10	Khá				
49	2118050154	Nguyễn Chí	Hiếu	24/06/2000	Nam	CCQ1805C	Phú Yên	92	6.91	Khá				
50	2118050161	Nguyễn Phục	Hồi	27/11/2000	Nam	CCQ1805C	Bình Định	92	6.70	Khá				
51	2118050167	Hà Quang	Lâm	01/03/2000	Nam	CCQ1805C	Đồng Nai	92	7.17	Khá				
52	2118050173	Ngụy Anh Vũ	Luân	04/04/1999	Nam	CCQ1805C	Ninh Thuận	92	7.26	Khá				
53	2118050177	Nguyễn Hoàng	Nam	27/08/2000	Nam	CCQ1805C	Bình Phước	92	6.63	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118050179	Võ Kế	Nhựt	26/09/2000	Nam	CCQ1805C	Bình Định	92	7.08	Khá				
55	2118050184	Lương Thế	Tài	27/05/2000	Nam	CCQ1805C	Nghệ An	92	6.73	Khá				
56	2118050195	Phạm Minh	Trí	20/12/2000	Nam	CCQ1805C	Bình Định	92	6.50	Khá				
57	2118060002	Huỳnh Quang	Bảo	18/01/2000	Nam	CCQ1806A	Quảng Ngãi	92	6.71	Khá				
58	2118060008	Thập Văn	Hà	15/07/1998	Nam	CCQ1806A	Ninh Thuận	92	6.22	Trung Bình				
59	2118060024	Lê Chí	Nguyện	24/07/2000	Nam	CCQ1806A	Quảng Ngãi	92	6.45	Khá				
60	2118060025	Nguyễn Thị Yến	Nhi	27/01/2000	Nữ	CCQ1806A	Ninh Thuận	92	6.58	Khá				
61	2118060038	Đỗ Nguyễn Thùy	Trang	26/07/2000	Nữ	CCQ1806A	Ninh Thuận	92	6.91	Khá				
62	2118060042	Nguyễn Quốc	Vinh	10/01/2000	Nam	CCQ1806A	Bến Tre	92	7.02	Khá				
63	2118060044	Võ Trình Tuấn	Anh	21/11/2000	Nam	CCQ1806B	Khánh Hòa	92	7.16	Khá				
64	2118060051	Lê Thị Thu	Hiền	02/10/2000	Nữ	CCQ1806B	Lâm Đồng	92	7.33	Khá				
65	2118060066	Đặng Văn	Phụng	18/08/2000	Nam	CCQ1806B	Bình Định	92	6.71	Khá				
66	2118150017	Nguyễn Long	Đức	04/12/2000	Nam	CCQ1815A	TP.HCM	92	7.24	Khá				
67	2118150026	Lê Văn	Hiếu	27/01/2000	Nam	CCQ1815A	BRVT	92	6.80	Khá				
68	2118150030	Nguyễn Chánh	Hưng	06/03/2000	Nam	CCQ1815A	Bình Định	93	6.61	Khá				
69	2118150031	Nguyễn Văn	Khá	12/09/2000	Nam	CCQ1815A	Bình Định	92	7.28	Khá				
70	2118150046	Đặng Lê Hoài	Nam	01/11/2000	Nam	CCQ1815A	Bình Định	92	6.84	Khá				
71	2118150045	Mai Duy	Nam	20/05/2000	Nam	CCQ1815A	Bình Dương	92	6.85	Khá				
72	2118040035	Nguyễn Ngọc	Sơn	28/05/2000	Nam	CCQ1815A	Đồng Nai	92	6.79	Khá				
73	2118150067	Nguyễn Trần Chí	Tân	11/11/2000	Nam	CCQ1815A	TP.HCM	92	6.98	Khá				
74	2118150071	Nguyễn Ích	Thành	15/07/2000	Nam	CCQ1815A	Nghệ An	92	7.22	Khá				
75	2118150077	Đỗ Trung	Tín	02/12/2000	Nam	CCQ1815A	Bình Định	92	6.79	Khá				
76	2118150080	Nguyễn Văn	Trọng	25/09/2000	Nam	CCQ1815A	Phú Yên	92	6.73	Khá				
77	2118180001	Nguyễn Chí	An	24/01/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	93	6.69	Khá				
78	2118180002	Huỳnh Nghĩa	Ân	02/11/2000	Nam	CCQ1818A	Tiền Giang	92	6.67	Khá				
79	2118180006	Trần Thanh	Bình	20/03/2000	Nam	CCQ1818A	Đồng Nai	92	7.10	Khá				
80	2118180008	Trần Khánh	Duy	25/01/2000	Nam	CCQ1818A	Tiền Giang	92	6.60	Khá				
81	2118180015	Nguyễn Tấn	Hào	13/11/2000	Nam	CCQ1818A	Phú Yên	92	7.17	Khá				
82	2118180019	Trần Thanh	Hiền	24/07/2000	Nam	CCQ1818A	Tiền Giang	92	7.56	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118180022	Lương Phi	Hồng	29/09/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	94	7.42	Khá				
84	2118180034	Phan Hữu	Nghĩa	21/03/2000	Nam	CCQ1818A	Tiền Giang	92	6.70	Khá				
85	2118180036	Huỳnh Thanh	Nhã	12/03/2000	Nam	CCQ1818A	Tiền Giang	92	6.93	Khá				
86	2118180045	Trương Hữu	Trọng	30/03/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	92	6.56	Khá				
87	2118180046	Hà Ngọc	Trung	09/05/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	92	7.19	Khá				
88	2118180048	Tào Tấn	Tú	06/10/2000	Nam	CCQ1818A	Bình Định	92	7.51	Khá				
89	2118180055	Vũ Đinh Xuân	Đạt	15/11/2000	Nam	CCQ1818B	Bình Dương	92	7.23	Khá				
90	2118180056	Võ Công	Được	20/11/2000	Nam	CCQ1818B	Bình Định	92	7.07	Khá				
91	2118180063	Huỳnh Văn	Luân	05/06/1999	Nam	CCQ1818B	Quảng Ngãi	92	7.27	Khá				
92	2118180073	Hồ Đức	Quý	15/12/2000	Nam	CCQ1818B	Bình Định	92	6.41	Khá				
93	2118230002	Võ Văn	Hậu	12/12/2000	Nam	CCQ1823A	Bình Định	93	7.32	Khá				
94	2118230009	Lâm Tấn	Thuận	15/05/2000	Nam	CCQ1823A	Long An	93	6.90	Khá				
95	2119060002	Đỗ Tuấn Hoàng	Anh	10/01/1997	Nam	CCQ1906A	Đồng Nai	92	7.93	Khá				
96	2119060009	Phan Duy	Hiếu	30/08/2001	Nam	CCQ1906A	Khánh Hòa	92	7.00	Khá				
97	2119060025	Nguyễn Chí	Tài	10/11/1998	Nam	CCQ1906A	Phú Yên	92	8.46	Giỏi				
98	2119150003	Đặng Hồ Ngọc	Bảo	30/08/2001	Nam	CCQ1915A	Phú Yên	93	7.43	Khá				
99	2119150006	Nguyễn Mạnh	Cường	20/04/2001	Nam	CCQ1915A	Bình Định	93	7.45	Khá				
100	2119150013	Nguyễn Thúy	Hằng	08/08/2000	Nữ	CCQ1915A	Quảng Ngãi	93	7.93	Khá				
101	2119150015	Trần Thái	Hiệp	25/12/2001	Nam	CCQ1915A	Bình Định	93	7.58	Khá				
102	2119150016	Nguyễn Văn	Hoan	12/09/2001	Nam	CCQ1915A	Bình Định	93	7.50	Khá				
103	2119150018	Đoàn Bạch	Kim	20/03/2001	Nam	CCQ1915A	Tây Ninh	93	7.22	Khá				
104	2119150019	Đặng Thị	Luyến	15/11/2001	Nữ	CCQ1915A	Bình Định	93	7.69	Khá				
105	2119150021	Hồ Quang	Nhật	03/04/2001	Nam	CCQ1915A	Bình Định	93	7.78	Khá				
106	2119150023	Lê Thanh	Phương	23/10/2000	Nam	CCQ1915A	Đồng Tháp	93	6.88	Khá				
107	2119150025	Phan Quốc	Thống	02/04/2001	Nam	CCQ1915A	Tiền Giang	93	6.99	Khá				
108	2119150026	Nguyễn Thanh	Thuyền	15/05/2001	Nữ	CCQ1915A	Quảng Ngãi	93	7.12	Khá				
109	2119150027	Phạm Ngoại	Thương	13/08/2001	Nam	CCQ1915A	TP.HCM	93	7.26	Khá				
110	2119150028	Nguyễn Ngọc	Tín	24/09/2001	Nam	CCQ1915A	Bình Định	93	7.10	Khá				
111	2119150029	Nguyễn Trung	Tín	22/03/2001	Nam	CCQ1915A	Bình Thuận	93	6.68	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Điện - Điện tử (DD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2119150032	Trần Triệu Quốc Anh	Vương	26/07/1999	Nam	CCQ1915A	Tiền Giang	93	8.28	Giỏi				
113	2119150033	Lê Ngọc	Chiến	03/12/2001	Nam	CCQ1915B	Thanh Hóa	93	8.10	Giỏi				
114	2119150034	Lê Viết	Đông	05/10/1998	Nam	CCQ1915B	Nghệ An	93	8.81	Giỏi				
115	2119150038	Lê Mỹ	Hiếu	03/08/2000	Nam	CCQ1915B	Quảng Ngãi	93	7.19	Khá				
116	2119150043	Nguyễn Hoàng	Linh	27/05/2001	Nam	CCQ1915B	TP.HCM	93	6.55	Khá				
117	2119150052	Trần Như	Quỳnh	10/12/2001	Nữ	CCQ1915B	Bình Định	93	7.47	Khá				
118	2119150054	Huỳnh Tấn	Thành	27/06/2001	Nam	CCQ1915B	Quảng Ngãi	93	7.00	Khá				
119	2119150056	Trần Phúc	Thiện	06/04/2001	Nam	CCQ1915B	Đồng Tháp	93	7.48	Khá				
120	2119150057	Nguyễn Văn	Thinh	14/12/2001	Nam	CCQ1915B	Phú Yên	93	7.81	Khá				
121	2119150060	Đỗ Văn	Tiến	25/06/2001	Nam	CCQ1915B	Bình Thuận	93	7.15	Khá				
122	2119150059	Trương Minh	Tiến	23/12/2001	Nam	CCQ1915B	TP.HCM	93	7.44	Khá				
123	2119180002	Nguyễn Tuấn	Anh	16/05/2001	Nam	CCQ1918A	BRVT	92	7.51	Khá				
124	2119180008	Trần Quốc	Đạt	22/08/2001	Nam	CCQ1918A	Bình Thuận	92	7.53	Khá				
125	2119180010	Lê Hồng	Hào	15/08/2001	Nam	CCQ1918A	Bình Định	92	7.58	Khá				
126	2119180032	Nguyễn Văn	Tiến	11/07/2000	Nam	CCQ1918A	Tây Ninh	92	7.19	Khá				
127	2119180033	Nguyễn Trung	Tính	20/10/2001	Nam	CCQ1918A	Bình Định	92	7.13	Khá				
128	2119180034	Trương Đình	Trung	27/03/2001	Nam	CCQ1918A	BRVT	92	7.35	Khá				
129	2119180039	Nguyễn Quang	Tùng	09/02/2001	Nam	CCQ1918A	Bình Định	92	7.08	Khá				
130	2119180038	Trần Trọng	Tuyến	20/03/2001	Nam	CCQ1918A	Bình Định	92	6.93	Khá				
131	2119180041	Trần Ngọc	Vinh	30/05/2001	Nam	CCQ1918A	Phú Yên	92	7.55	Khá				
132	2119230006	Nguyễn Vĩnh	Khang	17/09/2000	Nam	CCQ1923A	An Giang	92	7.71	Khá				
133	2119230017	Nguyễn Lê Quan	Trọng	23/01/2001	Nam	CCQ1923A	Đồng Nai	92	7.15	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Da giày (DG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2117070075	Châu Thị Thùy	Dương	29/06/1997	Nữ	CCQ1707B	Ninh Thuận	90	6.02	Trung Bình				
2	2118070008	Nguyễn Thị	Hậu	28/05/2000	Nữ	CCQ1807A	BRVT	94	6.44	Khá				
3	2118070049	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	16/12/2000	Nữ	CCQ1807A	Bình Định	94	7.45	Khá				
4	2118070067	Phan Lệ	Huyền	25/02/2000	Nữ	CCQ1807B	Đồng Nai	94	7.40	Khá				
5	2118070070	Nguyễn Thị Thanh	Lan	18/02/2000	Nữ	CCQ1807B	Đồng Nai	95	6.99	Khá				
6	2118070074	Đinh Thị	Mai	15/10/2000	Nữ	CCQ1807B	Phú Yên	94	6.81	Khá				
7	2118070081	Thái Thị Như	Quỳnh	22/06/2000	Nữ	CCQ1807B	Bình Định	94	6.88	Khá				
8	2118070092	Bùi Văn	Tính	10/02/1999	Nam	CCQ1807B	Gia Lai	94	6.66	Khá				
9	2118070094	Nguyễn Thị Bích	Trâm	29/04/2000	Nữ	CCQ1807B	Long An	94	7.33	Khá				
10	2118070102	Nguyễn Thị Thanh	Yên	11/01/2000	Nữ	CCQ1807B	Quảng Nam	94	7.02	Khá				
11	2119070001	Phan Thị Kim	Bằng	10/10/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.88	Khá				
12	2119070002	Nguyễn Thị Mộng	Đào	02/02/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.59	Khá				
13	2119070003	Nguyễn Hoàng	Đức	01/09/2001	Nam	CCQ1907A	Đồng Nai	92	6.97	Khá				
14	2119070004	Đoàn Thị Minh	Giang	21/10/2001	Nữ	CCQ1907A	Đồng Nai	92	7.32	Khá				
15	2119070007	Lâm Thị Tuyết	Hạnh	16/03/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.16	Khá				
16	2119070009	Lê Vũ	Hân	26/09/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	6.94	Khá				
17	2119070008	Phạm Thị	Hân	10/03/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.72	Khá				
18	2119070011	Châu Nữ Thu	Hiền	20/10/2001	Nữ	CCQ1907A	Ninh Thuận	92	7.07	Khá				
19	2119070012	Nguyễn Thị Tuyết	Loan	16/05/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.98	Khá				
20	2119070015	Dương Thị Kiều	Mến	09/07/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.17	Khá				
21	2119070021	Phạm Thị Thanh	Nhàn	24/03/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	8.20	Giỏi				
22	2119070022	Đặng Công	Quốc	20/10/2001	Nam	CCQ1907A	Bình Định	92	7.08	Khá				
23	2119070023	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	22/01/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.55	Khá				
24	2119070025	Phạm Thị Anh	Thư	21/05/2001	Nữ	CCQ1907A	Ninh Thuận	92	6.63	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Da giày (DG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2119070026	Trần Thị Diệu	Thư	10/02/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	8.12	Giỏi				
26	2119070027	Nguyễn Thị Sông	Thương	17/08/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.40	Khá				
27	2119070028	Trần Thị Thủy	Tiên	01/08/2000	Nữ	CCQ1907A	Bình Dương	92	8.09	Giỏi				
28	2119070030	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/03/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.76	Khá				
29	2119070031	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/09/2001	Nữ	CCQ1907A	Long An	92	7.96	Khá				
30	2119070034	Nguyễn Thị Hồng	Vy	20/09/2001	Nữ	CCQ1907A	Bình Định	92	7.34	Khá				
31	2119070036	Lê Hồng	Diễm	01/10/2001	Nữ	CCQ1907B	Bình Định	92	7.75	Khá				
32	2119070066	Nguyễn Thị Thùy	Dung	10/10/2001	Nữ	CCQ1907B	BRVT	92	7.25	Khá				
33	2119070038	Lý Thị Cẩm	Giang	28/09/2001	Nữ	CCQ1907B	Bình Định	92	7.68	Khá				
34	2119070039	Biện Thị	Hà	25/10/2001	Nữ	CCQ1907B	Bình Định	92	7.79	Khá				
35	2119070068	Lê Thị Mỹ	Hảo	20/09/2001	Nữ	CCQ1907B	Bình Định	92	7.44	Khá				
36	2119070040	Tạ Thị Thanh	Hằng	12/10/2001	Nữ	CCQ1907B	Bình Định	92	7.99	Khá				
37	2119070041	Nguyễn Thanh	Hân	07/12/2001	Nữ	CCQ1907B	Bình Định	92	7.50	Khá				
38	2119070043	Nguyễn Thị Thu	Hương	31/03/2001	Nữ	CCQ1907B	Khánh Hòa	92	7.46	Khá				
39	2119070046	Nguyễn Thị	Linh	15/12/2000	Nữ	CCQ1907B	Nghệ An	92	8.52	Giỏi				
40	2119070047	Nguyễn Ngọc	Long	28/01/2001	Nam	CCQ1907B	Lâm Đồng	92	7.59	Khá				
41	2119070048	Đặng Thị Thanh	Ngân	17/12/2001	Nữ	CCQ1907B	Bình Định	92	7.78	Khá				
42	2119070050	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	12/07/2001	Nữ	CCQ1907B	Bình Định	92	7.10	Khá				
43	2119070052	Lê Thị Hồng	Quê	20/05/2001	Nữ	CCQ1907B	Khánh Hòa	92	7.88	Khá				
44	2119070053	Thái Bình	Quyên	26/03/2001	Nam	CCQ1907B	Bình Định	92	7.41	Khá				
45	2119070067	Nguyễn Ngọc Thu	Tâm	22/08/2001	Nữ	CCQ1907B	Long An	92	7.81	Khá				
46	2119070056	Phạm Phúc	Thịnh	20/10/2001	Nam	CCQ1907B	Tiền Giang	92	7.39	Khá				
47	2119070057	Phạm Thị	Thùy	18/09/2001	Nữ	CCQ1907B	Gia Lai	92	7.33	Khá				
48	2119070058	Đặng Thị Lệ	Thủy	06/06/2001	Nữ	CCQ1907B	Bình Định	92	8.15	Giỏi				
49	2119070061	Trần Thị Ngọc	Trinh	15/02/2001	Nữ	CCQ1907B	Phú Yên	92	7.20	Khá				
50	2119070062	Bùi Thị	Tuyết	27/10/2001	Nữ	CCQ1907B	Đăk Lăk	92	8.41	Giỏi				
51	2119070063	Hoàng Thị	Tuyết	24/04/2001	Nữ	CCQ1907B	Thanh Hóa	92	7.23	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Da giày (DG)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2117170009	Tô Đình	Duy	14/05/1999	Nam	CCQ1717A	Bình Định	90	6.84	Khá				
2	2117170017	Trịnh Minh	Đức	17/06/1999	Nam	CCQ1717A	Đồng Nai	90	6.23	Trung Bình				
3	2117170025	Nguyễn Quý	Hoàng	27/01/1998	Nam	CCQ1717A	Đăk Lăk	92	6.38	Khá				
4	2117170107	Đặng Văn	Lan	12/02/1999	Nam	CCQ1717B	Phú Yên	90	6.46	Khá				
5	2117170149	Nguyễn Tấn	Vin	26/06/1999	Nam	CCQ1717B	Phú Yên	90	6.31	Khá				
6	2117170150	Trần Đại	Vinh	20/10/1999	Nam	CCQ1717B	Đăk Lăk	90	6.35	Khá				
7	2117170161	Trần Bình	Đông	25/12/1999	Nam	CCQ1717C	Long An	91	7.05	Khá				
8	2117170173	Bùi Duy	Khánh	08/06/1999	Nam	CCQ1717C	TP.HCM	90	6.30	Khá				
9	2117170174	Trương Hữu Quốc	Khánh	10/05/1999	Nam	CCQ1717C	Đồng Nai	90	6.31	Khá				
10	2117170177	Lưu Chí	Lộc	05/06/1998	Nam	CCQ1717C	Tây Ninh	90	6.49	Khá				
11	2117170183	Huỳnh Kim	Lưu	26/05/1999	Nam	CCQ1717C	Phú Yên	90	6.34	Khá				
12	2117170196	Nguyễn Trường	Sinh	18/09/1999	Nam	CCQ1717C	Bình Định	90	6.57	Khá				
13	2117170232	Ngô Minh	Bảo	24/07/1999	Nam	CCQ1717D	Bình Định	90	6.16	Trung Bình				
14	2117170233	Nguyễn Tấn	Bảo	11/07/1999	Nam	CCQ1717D	BRVT	90	6.32	Khá				
15	2117170237	Nguyễn Thành	Duy	15/11/1998	Nam	CCQ1717D	TP.HCM	90	6.76	Khá				
16	2117170265	Huỳnh Thanh	Lực	02/04/1999	Nam	CCQ1717D	Bình Định	90	6.38	Khá				
17	2117170274	Lê Nguyễn Hoài	Phúc	18/05/1999	Nam	CCQ1717D	Long An	90	6.71	Khá				
18	2117170281	Huỳnh Công	Thành	21/04/1999	Nam	CCQ1717D	Long An	90	7.04	Khá				
19	2117170287	Nguyễn Công	Thiện	15/09/1999	Nam	CCQ1717D	Bình Thuận	90	7.01	Khá				
20	2117170331	Đan Trần Khắc	Huy	25/05/1999	Nam	CCQ1717E	TP.HCM	90	6.81	Khá				
21	2117170390	Nguyễn Bá	Cường	16/10/1999	Nam	CCQ1717F	Bình Định	92	6.29	Khá				
22	2117170428	Trần Trung	Nghĩa	08/03/1999	Nam	CCQ1717F	An Giang	94	6.39	Khá				
23	2117170447	Võ Văn	Thoại	16/01/1999	Nam	CCQ1717F	Bình Định	90	6.00	Trung Bình				
24	2117170490	Nguyễn Thế	Hùng	29/03/1999	Nam	CCQ1717G	Bình Phước	90	6.27	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2117170515	Trương Như	Sinh	18/11/1998	Nam	CCQ1717G	Thanh Hóa	90	6.34	Khá				
26	2117170577	Nguyễn Thành	Luân	19/03/1999	Nam	CCQ1717H	Bình Định	90	6.49	Khá				
27	2117170583	Võ Diệp	Ngọc	04/05/1999	Nam	CCQ1717H	Đăk Lăk	90	6.69	Khá				
28	2117170620	Nguyễn Hoàng	Đông	25/07/1999	Nam	CCQ1717I	Hải Dương	90	6.60	Khá				
29	2117170631	Nguyễn Quốc	Khánh	02/10/1999	Nam	CCQ1717I	An Giang	91	6.16	Trung Bình				
30	2117170649	Tạ Thanh	Nguyên	20/05/1998	Nam	CCQ1717I	Bình Định	90	6.68	Khá				
31	2117170651	Hồ Hạnh	Phúc	05/05/1999	Nam	CCQ1717I	Bình Định	90	7.01	Khá				
32	2117170664	Bá Ngọc	Sướng	07/08/1999	Nam	CCQ1717I	Bình Thuận	90	6.55	Khá				
33	2117170671	Phạm Minh	Thắng	13/01/1999	Nam	CCQ1717I	Ninh Thuận	92	6.56	Khá				
34	2118170003	Nguyễn Văn	Ảnh	25/02/2000	Nam	CCQ1817A	Bình Định	92	7.92	Khá				
35	2118170013	Phạm Văn	Dương	13/11/2000	Nam	CCQ1817A	Tây Ninh	92	6.69	Khá				
36	2118170018	Cao Trọng	Đức	16/08/2000	Nam	CCQ1817A	Cà Mau	92	6.84	Khá				
37	2118170032	Võ Hoàng Anh	Khang	19/08/2000	Nam	CCQ1817A	TP.HCM	92	6.30	Khá				
38	2118170042	Đỗ Thanh	Long	13/10/2000	Nam	CCQ1817A	Bình Phước	92	6.63	Khá				
39	2118170048	Đỗ Văn	Nhã	21/01/2000	Nam	CCQ1817A	An Giang	92	6.48	Khá				
40	2118170050	Phan Tấn	Phát	26/11/2000	Nam	CCQ1817A	Tiền Giang	92	7.65	Khá				
41	2118170051	Nguyễn Hoài	Phong	04/02/2000	Nam	CCQ1817A	Tiền Giang	92	7.55	Khá				
42	2118170056	Nguyễn Thanh	Sơn	15/05/2000	Nam	CCQ1817A	Phú Yên	94	7.88	Khá				
43	2118170062	Đặng Ngọc	Thiên	30/01/2000	Nam	CCQ1817A	Bình Thuận	92	6.98	Khá				
44	2118170064	Phạm Đức	Thịnh	13/02/2000	Nam	CCQ1817A	An Giang	92	7.41	Khá				
45	2118170066	Lê Hoàng	Thức	23/09/1999	Nam	CCQ1817A	TP.HCM	92	6.98	Khá				
46	2118170090	Nguyễn Bá	Dư	20/02/2000	Nam	CCQ1817B	Bình Định	92	7.56	Khá				
47	2118170106	Nguyễn Văn	Hòa	23/12/1999	Nam	CCQ1817B	Bình Định	92	7.15	Khá				
48	2118170142	Tăng Minh	Tiến	30/09/1999	Nam	CCQ1817B	Đồng Nai	92	6.61	Khá				
49	2118170145	Nguyễn Văn	Toàn	17/11/2000	Nam	CCQ1817B	Bình Định	92	7.23	Khá				
50	2118170156	Nguyễn Ngọc	Ấn	20/08/2000	Nam	CCQ1817C	Tây Ninh	94	6.53	Khá				
51	2118170157	Lê Chí	Bảo	03/09/2000	Nam	CCQ1817C	Tiền Giang	92	6.72	Khá				
52	2118170189	Hồ Văn	Khải	21/09/2000	Nam	CCQ1817C	Gia Lai	92	7.54	Khá				
53	2118170200	Nguyễn Ngọc Phương	Nam	16/12/1999	Nam	CCQ1817C	BRVT	92	7.14	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118170202	Lê Kim	Nhựt	25/12/2000	Nam	CCQ1817C	Phú Yên	92	6.71	Khá				
55	2118170208	Nguyễn Nhật	Tân	20/01/2000	Nam	CCQ1817C	Khánh Hòa	92	7.14	Khá				
56	2118170211	Hứa Văn	Thạch	23/11/2000	Nam	CCQ1817C	Lâm Đồng	92	7.06	Khá				
57	2118170212	Lê Chí	Thịnh	16/05/2000	Nam	CCQ1817C	Bình Định	92	6.86	Khá				
58	2118170217	Vũ Tuấn	Thương	04/04/2000	Nam	CCQ1817C	Bình Phước	92	6.94	Khá				
59	2118170227	Đinh Quốc	Trực	03/08/2000	Nam	CCQ1817C	Đồng Nai	92	6.86	Khá				
60	2118170244	Võ Đức	Dũng	13/02/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Định	92	6.56	Khá				
61	2118170246	Huỳnh Minh	Đạt	01/06/2000	Nam	CCQ1817D	Long An	92	6.93	Khá				
62	2118170257	Hồ Minh	Huy	08/11/2000	Nam	CCQ1817D	Bến Tre	92	6.96	Khá				
63	2118170260	Nguyễn Văn	Huy	15/02/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Định	92	7.18	Khá				
64	2118170256	Phan Khắc	Huy	16/03/2000	Nam	CCQ1817D	Tiền Giang	92	6.58	Khá				
65	2118170266	Nguyễn Hoàng Tường	Lâm	07/11/2000	Nam	CCQ1817D	Ninh Thuận	92	7.14	Khá				
66	2118170274	Nguyễn Công	Phát	18/10/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Định	92	6.60	Khá				
67	2118170279	Nguyễn Xuân	Phương	06/06/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Định	92	7.18	Khá				
68	2118170283	Đào Thanh	Tâm	05/01/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Định	92	6.77	Khá				
69	2118170286	Trần Thanh	Thanh	20/02/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Phước	92	6.86	Khá				
70	2118170289	Nguyễn Thanh	Thảo	25/05/2000	Nam	CCQ1817D	Quảng Ngãi	92	7.19	Khá				
71	2118170228	Nguyễn Văn	Tuấn	28/03/2000	Nam	CCQ1817D	Bình Định	92	6.71	Khá				
72	2118170305	Nguyễn Đình	Văn	06/05/2000	Nam	CCQ1817D	Tiền Giang	92	6.99	Khá				
73	2118170315	Trần Anh	Cường	20/01/1999	Nam	CCQ1817E	Bình Dương	92	6.84	Khá				
74	2118170338	Nguyễn Tấn	Huy	30/01/2000	Nam	CCQ1817E	TP.HCM	92	7.12	Khá				
75	2118170349	Nguyễn Thanh	Long	24/04/2000	Nam	CCQ1817E	Quảng Ngãi	92	7.17	Khá				
76	2118170352	Đào Vĩnh	Lộc	28/03/2000	Nam	CCQ1817E	Phú Yên	92	6.73	Khá				
77	2118170361	Ngô Tấn	Nguyên	12/04/2000	Nam	CCQ1817E	Đồng Tháp	92	7.20	Khá				
78	2118170362	Ngô Anh	Phát	10/01/2000	Nam	CCQ1817E	TP.HCM	92	6.77	Khá				
79	2118170363	Nguyễn Mạnh	Phát	29/08/2000	Nam	CCQ1817E	Phú Yên	92	6.69	Khá				
80	2118170275	Võ Hoàng	Phoa	17/01/2000	Nam	CCQ1817E	Tiền Giang	92	6.82	Khá				
81	2118170766	Phan Đình	Phú	15/02/2000	Nam	CCQ1817E		92	7.03	Khá				
82	2118170377	Nguyễn Quốc	Tín	17/02/2000	Nam	CCQ1817E	Bình Thuận	92	6.55	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118170406	Bùi Văn	Hoàng	09/09/2000	Nam	CCQ1817F	Đồng Tháp	92	7.27	Khá				
84	2118170419	Nguyễn Đình	Lân	10/10/2000	Nam	CCQ1817F	Bình Định	92	6.93	Khá				
85	2118170424	Nguyễn Văn	Nhân	20/03/2000	Nam	CCQ1817F	Khánh Hòa	98	7.45	Khá				
86	2118170434	Huỳnh Hữu	Phước	12/08/2000	Nam	CCQ1817F	Bình Định	92	6.60	Khá				
87	2118170436	Đặng Quốc	Sĩ	06/01/2000	Nam	CCQ1817F	Tiền Giang	92	7.28	Khá				
88	2118170441	Dương Minh	Tâm	08/08/1999	Nam	CCQ1817F	Bình Thuận	94	6.51	Khá				
89	2118170445	Lê Tấn	Thiên	28/07/2000	Nam	CCQ1817F	Lâm Đồng	92	6.91	Khá				
90	2118170463	Huỳnh Trần Minh	Xuân	22/11/2000	Nam	CCQ1817F	Bình Thuận	92	7.18	Khá				
91	2118170466	Lê Thành	Danh	19/01/2000	Nam	CCQ1817G	Đồng Nai	92	6.87	Khá				
92	2118170476	Lê Trường	Huy	23/07/2000	Nam	CCQ1817G	Ninh Thuận	92	6.60	Khá				
93	2118170485	Phan Hoàng	Long	09/10/2000	Nam	CCQ1817G	Cà Mau	92	7.32	Khá				
94	2118170506	Phạm Thành	Quân	17/10/1999	Nam	CCQ1817G	Tây Ninh	92	6.73	Khá				
95	2118170510	Nguyễn Chí	Thanh	19/11/2000	Nam	CCQ1817G	Phú Yên	92	6.58	Khá				
96	2118170552	Nguyễn Hửu	Đại	16/09/1999	Nam	CCQ1817H	Quảng Ngãi	92	7.18	Khá				
97	2118170558	Nguyễn Thái	Hiển	30/06/1999	Nam	CCQ1817H	Đăk Lăk	92	6.87	Khá				
98	2118170569	Phan Văn	Khải	31/12/2000	Nam	CCQ1817H	Đồng Nai	92	6.68	Khá				
99	2118170579	Trần Trọng	Nghĩa	24/09/2000	Nam	CCQ1817H	BRVT	92	7.16	Khá				
100	2118170596	Nguyễn Văn	Tây	07/10/2000	Nam	CCQ1817H	Bình Định	92	6.37	Khá				
101	2118170601	Nguyễn Ngọc	Thắng	10/08/2000	Nam	CCQ1817H	Bình Định	92	6.93	Khá				
102	2118170605	Hàng Thanh	Tiến	29/07/2000	Nam	CCQ1817H	BRVT	92	7.06	Khá				
103	2118170606	Nguyễn Văn	Trọng	14/03/2000	Nam	CCQ1817H	Quảng Ngãi	92	6.97	Khá				
104	2118170621	Huỳnh Văn	Cường	20/12/2000	Nam	CCQ1817I	Bình Định	92	7.01	Khá				
105	2118170622	Hồ Ngọc	Danh	25/10/2000	Nam	CCQ1817I	Bình Thuận	92	6.59	Khá				
106	2118170633	Nguyễn Công	Hậu	22/12/2000	Nam	CCQ1817I	Khánh Hòa	92	7.00	Khá				
107	2118170642	Trần Duy	Minh	05/07/2000	Nam	CCQ1817I	Ninh Thuận	92	6.68	Khá				
108	2118170650	Lê Quốc	Phong	16/12/2000	Nam	CCQ1817I	Bình Định	92	7.03	Khá				
109	2118170654	Nguyễn Văn	Phượng	30/10/2000	Nam	CCQ1817I	Phú Yên	92	6.84	Khá				
110	2118170669	Đỗ Minh	Thuận	07/05/2000	Nam	CCQ1817I	Bạc Liêu	92	7.00	Khá				
111	2118170674	Hà Mạnh	Trí	04/04/2000	Nam	CCQ1817I	Bình Định	92	6.45	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2118170684	Bùi Công	Tự	11/08/1999	Nam	CCQ1817I	Quảng Ngãi	92	6.72	Khá				
113	2118170696	Ngô Thanh	Danh	10/06/1998	Nam	CCQ1817J	Kiên Giang	95	7.63	Khá				
114	2118170700	Nguyễn Vĩnh	Dũng	11/11/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Phước	92	6.71	Khá				
115	2118170701	Phan Minh	Dương	20/02/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Định	92	6.97	Khá				
116	2118170725	Dương Thanh	Phương	26/10/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Định	92	7.61	Khá				
117	2118170737	Nguyễn Quốc	Thắng	26/07/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Định	92	6.30	Khá				
118	2118170751	Lê Minh	Trạng	11/01/2000	Nam	CCQ1817J	Bình Định	92	8.03	Giỏi				
119	2119170008	Dương Công	Hiếu	10/10/2001	Nam	CCQ1917A	Bình Thuận	92	7.31	Khá				
120	2119170009	Nguyễn Văn	Hiếu	21/08/2001	Nam	CCQ1917A	Bình Định	92	6.88	Khá				
121	2119170011	Nguyễn Văn	Hy	26/04/2001	Nam	CCQ1917A	Bình Định	92	6.92	Khá				
122	2119170023	Đoàn Văn	Tài	11/03/2001	Nam	CCQ1917A	Bình Thuận	92	6.91	Khá				
123	2119170028	Hà Ngọc	Thảo	20/03/2001	Nam	CCQ1917A	Bình Thuận	92	7.60	Khá				
124	2119170037	Nguyễn Văn	Dũng	10/04/2001	Nam	CCQ1917B	Bình Định	92	7.40	Khá				
125	2119170040	Nguyễn Ngọc	Hạ	16/06/2001	Nam	CCQ1917B	Bình Thuận	92	6.93	Khá				
126	2119170602	Hồ Minh	Hiếu	10/09/2001	Nam	CCQ1917B	Bình Định	92	7.06	Khá				
127	2119170051	Trần Văn	Nhật	15/09/2000	Nam	CCQ1917B	Gia Lai	92	7.86	Khá				
128	2119170066	Nguyễn Văn	Tự	20/07/2001	Nam	CCQ1917B	Bình Định	92	6.77	Khá				
129	2119170070	Võ Hồng	Ân	19/11/2001	Nam	CCQ1917C	TP.HCM	92	6.79	Khá				
130	2119170160	Huỳnh Ngọc	Thọ	02/07/2001	Nam	CCQ1917E	Quảng Ngãi	92	7.38	Khá				
131	2119170165	Huỳnh Viết	Trường	16/10/2001	Nam	CCQ1917E	Đăk Lăk	92	7.83	Khá				
132	2119170299	Nguyễn Trọng	Tình	12/08/2000	Nam	CCQ1917I	Phú Yên	92	6.71	Khá				
133	2119170319	Nguyễn Trung	Lộc	25/03/2001	Nam	CCQ1917J	Quảng Ngãi	92	7.16	Khá				
134	2119170339	Phạm Huỳnh	Vương	15/06/2001	Nam	CCQ1917J	Phú Yên	92	6.72	Khá				
135	2119170573	Nguyễn Văn Trường	Giang	17/05/2001	Nam	CCQ1917Q	Lâm Đồng	94	8.41	Giỏi				
136	2119170578	Nguyễn Minh	Hiếu	14/02/2001	Nam	CCQ1917Q	Bình Định	94	7.78	Khá				
137	2119170586	Trần Trung	Kiên	14/10/2001	Nam	CCQ1917Q	Bình Định	94	8.51	Giỏi				
138	2119170587	Lê Nhật	Lâm	16/11/2001	Nam	CCQ1917Q	Long An	94	8.19	Giỏi				
139	2119170601	Phan Văn	Vỹ	03/07/2001	Nam	CCQ1917Q	Bình Định	94	7.02	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Cơ khí động lực (DL)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2117130041	Phan Thị	Sâm	03/09/1999	Nữ	CCQ1713A	Bình Định	90	6.60	Khá				
2	2117130108	Huỳnh Thị Hạnh	Nguyên	12/11/1999	Nữ	CCQ1713B	Đồng Tháp	90	7.04	Khá				
3	2117130130	Cao Thị Ánh	Tuyết	20/04/1999	Nữ	CCQ1713B	Đồng Nai	90	6.30	Khá				
4	2117130134	Nguyễn Thị Thúy	Vi	08/03/1999	Nữ	CCQ1713B	Long An	90	6.39	Khá				
5	2117130185	Đặng Thị Thu	Hảo	10/12/1999	Nữ	CCQ1713C	Phú Yên	90	7.03	Khá				
6	2117130155	Đỗ Thị	Kiều	18/06/1999	Nữ	CCQ1713C	Bình Định	90	6.71	Khá				
7	2117130164	Phạm Thị Lệ	My	18/02/1999	Nữ	CCQ1713C	Phú Yên	90	6.59	Khá				
8	2117130174	Cao Văn Hiền	Nhi	27/10/1999	Nữ	CCQ1713C	Quảng Ngãi	90	6.99	Khá				
9	2117130179	Trần Thị Bích	Phượng	30/03/1999	Nữ	CCQ1713C	Đồng Nai	90	7.14	Khá				
10	2117130193	Nguyễn Thị Kim	Tiền	04/10/1999	Nữ	CCQ1713C	Bình Thuận	90	6.59	Khá				
11	2117130195	Vũ Hoàng Khả	Trâm	22/05/1999	Nữ	CCQ1713C	Kiên Giang	90	7.36	Khá				
12	2117130199	Nguyễn Thị Hồng	Vân	02/11/1999	Nữ	CCQ1713C	Bình Định	90	6.31	Khá				
13	2117130276	Nguyễn Thị Kỳ	Dung	05/01/1999	Nữ	CCQ1713E	Phú Yên	90	6.84	Khá				
14	2117130279	Đinh Vũ Thị Bích	Hà	10/01/1999	Nữ	CCQ1713E	Kiên Giang	92	6.41	Khá				
15	2117130294	Lương Thị Hồng	Linh	14/05/1999	Nữ	CCQ1713E	Bình Thuận	90	6.41	Khá				
16	2117130376	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15/09/1999	Nữ	CCQ1713F	Đồng Nai	90	6.85	Khá				
17	2117130385	Đỗ Thị Kim	Oanh	09/11/1999	Nữ	CCQ1713F	Phú Yên	92	6.30	Khá				
18	2118120637	Lê Thị Thu	Hiền	06/10/2000	Nữ	CCQ1801A	Bình Định	92	6.89	Khá				
19	2118130012	Lê Thị Thu	Hiền	12/11/2000	Nữ	CCQ1813A	Bình Thuận	92	6.59	Khá				
20	2118130013	Trần Thị	Hòa	26/02/2000	Nữ	CCQ1813A	Đăk Lăk	92	7.09	Khá				
21	2118130021	Lê Đồng Yến	My	03/10/2000	Nữ	CCQ1813A	Bình Định	92	6.63	Khá				
22	2118130023	Nguyễn Thị Huyền Cầm	Ngân	10/02/2000	Nữ	CCQ1813A	Vĩnh Long	92	6.84	Khá				
23	2118130024	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	07/07/2000	Nữ	CCQ1813A	Tiền Giang	92	7.34	Khá				
24	2118130026	Lê Thị	Nhạn	05/02/2000	Nữ	CCQ1813A	Đồng Nai	92	6.85	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118130027	Hồ Thảo	Nhi	01/06/2000	Nữ	CCQ1813A	Đồng Nai	92	8.18	Khá				
26	2118130030	Trần Thị Yến	Như	01/01/2000	Nữ	CCQ1813A	Tiền Giang	92	6.92	Khá				
27	2118130033	Nguyễn Thị Trúc	Phương	01/12/2000	Nữ	CCQ1813A	Tiền Giang	92	6.86	Khá				
28	2118130035	Cao Thị	Quyên	19/03/2000	Nữ	CCQ1813A	Hà Tĩnh	92	6.48	Khá				
29	2118130036	Văn Như	Quỳnh	26/11/2000	Nữ	CCQ1813A	Phú Yên	92	7.33	Khá				
30	2118130039	Cao Thị Hồng	Sang	28/09/2000	Nữ	CCQ1813A	Quảng Ngãi	92	7.09	Khá				
31	2118130041	Phan Đặng Ngọc	Tâm	03/12/1999	Nữ	CCQ1813A	TP.HCM	92	7.13	Khá				
32	2118130043	Trần	Thanh	01/08/2000	Nam	CCQ1813A	Bình Thuận	93	6.52	Khá				
33	2118130046	Châu Thị Minh	Thùy	22/09/2000	Nữ	CCQ1813A	Bình Định	92	7.28	Khá				
34	2118130048	Nguyễn Thị Thu	Thủy	13/05/2000	Nữ	CCQ1813A	Phú Yên	92	7.31	Khá				
35	2118130052	Dương Thị Minh	Thư	10/08/2000	Nữ	CCQ1813A	Bình Định	92	6.57	Khá				
36	2118130055	Châu Thị Mỹ	Trang	22/09/2000	Nữ	CCQ1813A	Bình Định	92	7.31	Khá				
37	2118130058	Phạm Thị Hồng	Xuân	12/06/2000	Nữ	CCQ1813A	Đồng Nai	92	7.59	Khá				
38	2118130061	Phạm Nguyễn Thành	An	07/09/2000	Nam	CCQ1813B	Tây Ninh	92	6.64	Khá				
39	2118130065	Trương Thị Bích	Chi	06/01/2000	Nữ	CCQ1813B	Đồng Nai	92	6.67	Khá				
40	2118130066	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	09/05/2000	Nữ	CCQ1813B	Khánh Hòa	92	7.76	Khá				
41	2118130068	Lê Thị Kim	Đài	17/10/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Thuận	92	7.20	Khá				
42	2118130070	Đinh Thị Cẩm	Giang	27/07/2000	Nữ	CCQ1813B	Tiền Giang	92	7.38	Khá				
43	2118130073	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	17/08/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Định	92	7.28	Khá				
44	2118130082	Đinh Vũ Thiên	Linh	27/02/2000	Nữ	CCQ1813B	Đồng Nai	92	7.20	Khá				
45	2118130084	Phan Thị Ngọc	Mai	02/07/2000	Nữ	CCQ1813B	Tây Ninh	92	7.00	Khá				
46	2118130086	Đoàn Thị Thu	Mỷ	19/01/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Định	92	7.22	Khá				
47	2118130087	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/12/2000	Nữ	CCQ1813B	Đồng Nai	92	6.75	Khá				
48	2118130088	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	28/12/2000	Nữ	CCQ1813B	Tiền Giang	92	6.91	Khá				
49	2118130089	Nguyễn Thị Thanh	Nguyên	23/06/2000	Nữ	CCQ1813B	Long An	92	7.14	Khá				
50	2118130092	Nguyễn Kim Ý	Nhi	07/03/2000	Nữ	CCQ1813B	Đồng Tháp	92	6.65	Khá				
51	2118130096	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	25/09/2000	Nữ	CCQ1813B	Tiền Giang	92	7.02	Khá				
52	2118130098	Trịnh Như	Phương	18/06/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Thuận	92	7.78	Khá				
53	2118130105	Nguyễn Thị	Thã	18/06/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Định	92	6.99	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118130101	Trần Thị Cẩm	Thanh	29/01/2000	Nữ	CCQ1813B	Tiền Giang	92	6.84	Khá				
55	2118130107	Nguyễn Trần Phương	Thủy	29/02/2000	Nữ	CCQ1813B	Ninh Thuận	92	6.94	Khá				
56	2118130111	Huỳnh Nguyễn Thủy	Tiên	06/08/2000	Nữ	CCQ1813B	Bến Tre	92	7.61	Khá				
57	2118130114	Đoàn Thị Thùy	Trang	17/02/2000	Nữ	CCQ1813B	BRVT	92	6.98	Khá				
58	2118130115	Huỳnh Thị Thùy	Trang	26/03/2000	Nữ	CCQ1813B	Tiền Giang	92	7.46	Khá				
59	2118130112	Tô Thị Mỹ	Trang	19/09/1999	Nữ	CCQ1813B	Bình Thuận	92	6.95	Khá				
60	2118130119	Lê Thu	Uyên	20/07/2000	Nữ	CCQ1813B	Bình Định	92	7.33	Khá				
61	2118130130	Trịnh Thị	Hằng	26/06/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Phước	93	6.56	Khá				
62	2118130134	Nguyễn Thị Thu	Hồng	26/06/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	6.70	Khá				
63	2118130138	Thái Thị	Liễu	20/03/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	6.89	Khá				
64	2118130142	Phạm Thị Thúy	Mơ	10/09/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	7.58	Khá				
65	2118130143	Trương Thị Trúc	My	05/11/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	93	7.77	Khá				
66	2118130148	Lê Thị Quỳnh	Như	12/02/2000	Nữ	CCQ1813C	Long An	92	6.37	Khá				
67	2118130149	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	06/12/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	6.86	Khá				
68	2118130152	Nguyễn Thị Thanh	Phước	05/05/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	6.92	Khá				
69	2118130154	Trương Thị	Phượng	08/02/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	6.58	Khá				
70	2118130155	Đoàn Thị Kiều	Quanh	18/03/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	7.58	Khá				
71	2118130159	Trần Thị Thùy	Sương	15/09/2000	Nữ	CCQ1813C	Đăk Nông	92	7.00	Khá				
72	2118130162	Phạm Thị Thu	Thảo	04/06/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	92	7.02	Khá				
73	2118130163	Nguyễn Thị Kim	Thoa	08/08/2000	Nữ	CCQ1813C	Phú Yên	92	6.86	Khá				
74	2118130164	Ngô Thị Thu	Thuận	11/10/2000	Nữ	CCQ1813C	Phú Yên	92	7.17	Khá				
75	2118130167	Võ Thị Minh	Thư	27/05/1998	Nữ	CCQ1813C	Lâm Đồng	92	7.88	Khá				
76	2118130173	Lê Bảo	Trân	25/09/2000	Nữ	CCQ1813C	Bình Định	93	7.72	Khá				
77	2118130180	Huỳnh Thị Như	Ý	19/04/2000	Nữ	CCQ1813C	Đăk Lăk	92	6.73	Khá				
78	2118130187	Trương Thị	Diễm	02/06/2000	Nữ	CCQ1813D	Quảng Ngãi	92	6.55	Khá				
79	2118130191	Lê Thị Lệ	Duyên	11/10/1999	Nữ	CCQ1813D	Bình Định	92	6.21	Trung Bình				
80	2118130192	Nguyễn Hồng	Đào	06/03/2000	Nữ	CCQ1813D	Đồng Nai	93	7.04	Khá				
81	2118130197	Trần Thị Thu	Hiền	24/08/2000	Nữ	CCQ1813D	Bình Định	92	6.41	Khá				
82	2118130202	Lê Thị Trúc	Hương	21/04/2000	Nữ	CCQ1813D	Bến Tre	93	7.07	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118130210	Trần Trà	My	27/10/2000	Nữ	CCQ1813D	Bình Định	92	7.37	Khá				
84	2118130226	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	19/05/2000	Nữ	CCQ1813D	TP.HCM	92	7.73	Khá				
85	2118130228	Trần Thị	Thương	20/04/2000	Nữ	CCQ1813D	Bình Định	92	7.35	Khá				
86	2118130230	Ung Thị Phương	Trà	09/10/2000	Nữ	CCQ1813D	Bình Định	92	7.43	Khá				
87	2118130237	Nguyễn Thị	Uyên	02/02/2000	Nữ	CCQ1813D	Hà Tĩnh	92	7.21	Khá				
88	2118130245	Phạm Thị Ngọc	Ánh	29/04/2000	Nữ	CCQ1813E	TP.HCM	93	6.66	Khá				
89	2118130252	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/09/2000	Nữ	CCQ1813E	Đăk Lăk	92	7.43	Khá				
90	2118130267	Trần Đặng Hồng	Nhi	13/11/2000	Nữ	CCQ1813E	Bình Thuận	92	6.92	Khá				
91	2118130268	Trần Hồng	Nhi	30/04/2000	Nữ	CCQ1813E	Bình Định	92	6.57	Khá				
92	2118130270	Nguyễn Xuân	Nhiên	19/10/2000	Nữ	CCQ1813E	Long An	92	6.90	Khá				
93	2118130277	Võ Thanh	Phương	26/04/2000	Nữ	CCQ1813E	TP.HCM	92	8.03	Khá				
94	2118130279	Cái Hồng	Quyên	13/03/2000	Nữ	CCQ1813E	Bình Thuận	92	8.04	Giỏi				
95	2118210043	Trương Ngân	Tâm	21/02/2000	Nữ	CCQ1813E	Tiền Giang	92	6.67	Khá				
96	2118130285	Lê Thị Mộng	Thư	01/12/2000	Nữ	CCQ1813E	Tiền Giang	92	7.03	Khá				
97	2118130294	Trương Thị Huệ	Trúc	10/07/2000	Nữ	CCQ1813E	Tiền Giang	92	6.71	Khá				
98	2118130296	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	08/01/2000	Nữ	CCQ1813E	Tiền Giang	92	7.23	Khá				
99	2118130300	Lê Uyên Tường	Vy	24/08/1999	Nữ	CCQ1813E	TP.HCM	92	6.87	Khá				
100	2118130299	Vũ Phan Thụy	Vy	21/08/2000	Nữ	CCQ1813E	Long An	92	7.19	Khá				
101	2118130303	Lê Thị Mỹ	Ý	16/11/2000	Nữ	CCQ1813E	Bình Định	92	6.58	Khá				
102	2119010001	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	19/09/2001	Nữ	CCQ1901A	Bình Định	92	7.53	Khá				
103	2119010004	Huỳnh Tuyết	Ngân	06/01/2001	Nữ	CCQ1901A	Bình Thuận	92	7.60	Khá				
104	2119010003	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	04/01/2001	Nữ	CCQ1901A	Bình Thuận	92	7.42	Khá				
105	2119010005	Trần Thị Kiều	Oanh	03/06/2001	Nữ	CCQ1901A	Bình Định	92	7.21	Khá				
106	2119010007	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	28/11/2001	Nữ	CCQ1901A	Quảng Ngãi	92	7.90	Khá				
107	2119010008	Nguyễn Đào Diễm	Quỳnh	07/11/2001	Nữ	CCQ1901A	Gia Lai	92	7.93	Khá				
108	2119130012	Huỳnh Thị Cẩm	Loan	16/09/2001	Nữ	CCQ1913A	Bến Tre	92	7.17	Khá				
109	2119130028	Phạm Thị Huyền	Trang	10/03/2001	Nữ	CCQ1913A	Đồng Nai	92	7.19	Khá				
110	2119130035	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	01/06/2001	Nữ	CCQ1913B	Bình Định	92	8.27	Giỏi				
111	2119130061	Phạm Thu	Hảo	25/08/2001	Nữ	CCQ1913C	Quảng Ngãi	92	6.79	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2119130067	Trần Thị Kim	Ngân	09/04/2001	Nữ	CCQ1913C	Tiền Giang	92	7.06	Khá				
113	2119130068	Lê Thị Ánh	Ngọc	15/09/2001	Nữ	CCQ1913C	Bình Định	92	6.99	Khá				
114	2119130070	Phạm Thị Quỳnh	Nhi	23/03/2001	Nữ	CCQ1913C	Đồng Nai	92	7.45	Khá				
115	2119130072	Phạm Thị Yến	Nhi	23/03/2001	Nữ	CCQ1913C	Đồng Nai	92	7.28	Khá				
116	2119130069	Trần Ngọc Phương	Nhi	07/02/2001	Nữ	CCQ1913C	BRVT	92	7.03	Khá				
117	2119130076	Lê Thị Thảo	Sương	04/03/2001	Nữ	CCQ1913C	Tiền Giang	92	7.46	Khá				
118	2119130078	Ngô Thị Thanh	Thảo	09/10/2001	Nữ	CCQ1913C	Quảng Ngãi	92	7.71	Khá				
119	2119130080	Lê Thị	Thuận	06/03/2001	Nữ	CCQ1913C	Bình Định	92	7.67	Khá				
120	2119130086	Nguyễn Thị Như	Ý	15/12/2001	Nữ	CCQ1913C	Long An	92	8.11	Giỏi				
121	2119130085	Đặng Thị Mỹ	Yến	06/06/2001	Nữ	CCQ1913C	Bến Tre	92	7.12	Khá				
122	2119130088	Đặng Thị Thùy	Dương	22/06/2001	Nữ	CCQ1913D	Đồng Tháp	92	7.49	Khá				
123	2119130089	Dương Thị Ý	Dy	08/08/2000	Nữ	CCQ1913D	Trà Vinh	92	7.97	Khá				
124	2119130093	Dương Thị Diệu	Hiền	29/12/2001	Nữ	CCQ1913D	Đồng Nai	94	7.32	Khá				
125	2119130095	Nguyễn Thị Thu	Hồng	03/08/2001	Nữ	CCQ1913D	Hà Nam	92	7.60	Khá				
126	2119130094	Phan Thị	Hồng	17/11/2000	Nữ	CCQ1913D	Nghệ An	92	8.15	Giỏi				
127	2119130096	Phạm Thị Hòa	Hợp	03/07/2001	Nữ	CCQ1913D	Bình Định	92	7.34	Khá				
128	2119130097	Hoàng Thị Trúc	Ly	25/06/2001	Nữ	CCQ1913D	Bình Thuận	92	6.89	Khá				
129	2119130098	Đoàn Thị Ánh	Ngọc	26/02/2001	Nữ	CCQ1913D	Đồng Nai	92	7.55	Khá				
130	2119130100	Huỳnh Thị	Nhẹ	26/03/2001	Nữ	CCQ1913D	Tiền Giang	92	7.01	Khá				
131	2119130102	Đinh Thị Quỳnh	Như	12/05/2001	Nữ	CCQ1913D	Quảng Ngãi	92	8.13	Giỏi				
132	2119130103	Nguyễn Ngọc Trinh	Nữ	21/07/2001	Nữ	CCQ1913D	Bình Định	92	7.33	Khá				
133	2119130108	Đỗ Thị Thu	Trang	08/09/2001	Nữ	CCQ1913D	Bình Định	92	7.17	Khá				
134	2119130107	Lê Quỳnh Thu	Trang	31/05/2001	Nữ	CCQ1913D	Cần Thơ	92	7.23	Khá				
135	2119130109	Phạm Thị Diễm	Trinh	03/06/2001	Nữ	CCQ1913D	Đồng Nai	92	6.89	Khá				
136	2119130111	Bùi Thị Bích	Vân	22/08/2001	Nữ	CCQ1913D	Bình Thuận	92	6.79	Khá				
137	2119130112	Lê Thị Tường	Vi	10/07/2001	Nữ	CCQ1913D	Phú Yên	92	6.89	Khá				
138	2119130115	Vũ Thị Kim	An	09/09/2001	Nữ	CCQ1913E	Đồng Nai	92	8.52	Giỏi				
139	2119130121	Trần Thị Kim	Khánh	05/06/2001	Nữ	CCQ1913E	Đăk Lăk	92	8.16	Giỏi				
140	2119130128	Trần Thị Hồng	Nhung	15/04/2001	Nữ	CCQ1913E	Ninh Bình	92	7.08	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Dệt may (DM)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
141	2119130129	Đinh Thị Quỳnh	Như	21/04/2001	Nữ	CCQ1913E	Bình Định	92	7.71	Khá				
142	2119130134	Nguyễn Thị Ý	Thức	02/04/2001	Nữ	CCQ1913E	Bình Định	92	7.48	Khá				
143	2119130136	Huỳnh Thị Mỹ	Trang	22/11/2001	Nữ	CCQ1913E	Bình Định	92	7.22	Khá				
144	2119130137	Phan Ngọc Bích	Trâm	10/04/2001	Nữ	CCQ1913E	Bến Tre	92	6.79	Khá				
145	2119130141	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	04/07/2001	Nữ	CCQ1913E	Bình Định	92	7.61	Khá				
146	2119130142	Hồ Tiểu	Yến	30/08/2001	Nữ	CCQ1913E	Đăk Lăk	92	7.77	Khá				
147	2119130150	Phạm Thị	Nga	11/09/2001	Nữ	CCQ1913F	Đồng Nai	92	7.73	Khá				
148	2119130158	Nguyễn Thị Thúy	Vi	15/10/2001	Nữ	CCQ1913F	Long An	92	7.53	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ hóa học (HH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2117160002	Đinh Thị Hương	Dung	06/10/1999	Nữ	CCQ1716A	TP.HCM	90	6.59	Khá				
2	2117160027	Trần Thùy	Dương	20/10/1999	Nữ	CCQ1716A	Đồng Tháp	90	6.54	Khá				
3	2117160005	Nguyễn Văn	Hùng	10/11/1998	Nam	CCQ1716A	Bến Tre	90	6.81	Khá				
4	2117160010	Trương Ngọc Thu	Ngân	20/08/1999	Nữ	CCQ1716A	BRVT	90	6.76	Khá				
5	2117210050	Nguyễn Ngọc Thục	Quyên	22/02/1999	Nữ	CCQ1721A	Đồng Nai	91	6.67	Khá				
6	2117210078	Nguyễn Thùy Lan	Anh	15/10/1999	Nữ	CCQ1721B	Đồng Nai	91	6.52	Khá				
7	2117210084	Nguyễn Thị	Dung	12/08/1999	Nữ	CCQ1721B	Phú Yên	92	6.74	Khá				
8	2117210086	Dương Triều	Duyên	10/07/1999	Nữ	CCQ1721B	Ninh Thuận	92	6.18	Trung Bình				
9	2117210105	Nguyễn Thị Thanh	Loan	25/08/1999	Nữ	CCQ1721B	BRVT	91	6.72	Khá				
10	2117210106	Đinh Thị Thu	Lý	22/04/1999	Nữ	CCQ1721B	Bình Định	91	6.39	Khá				
11	2117210110	Đặng Thị Thùy	My	12/07/1999	Nữ	CCQ1721B	Lâm Đồng	93	7.33	Khá				
12	2117210118	Bùi Thị Thảo	Nhi	01/12/1999	Nữ	CCQ1721B	Bình Định	91	6.84	Khá				
13	2117210131	Trần Thị Phương	Thảo	30/06/1999	Nữ	CCQ1721B	Tiền Giang	91	6.54	Khá				
14	2117210181	Trần Xuân	Lâm	28/01/1999	Nam	CCQ1721C	Đồng Nai	91	6.65	Khá				
15	2117210213	Đặng Thị Thanh	Thúy	12/05/1996	Nữ	CCQ1721C	Bình Định	91	6.63	Khá				
16	2117210215	Lê Hoàng Anh	Thư	25/11/1999	Nữ	CCQ1721C	Bình Định	91	6.50	Khá				
17	2117210228	Nguyễn Võ Hải	Trình	26/07/1999	Nam	CCQ1721C	Đồng Nai	93	7.02	Khá				
18	2117210272	Đào Thị Tuyết	Nhung	25/12/1999	Nữ	CCQ1721D	TP.HCM	91	7.36	Khá				
19	2117210273	Phạm Thị Tuyết	Nhung	12/08/1999	Nữ	CCQ1721D	Bình Định	91	6.59	Khá				
20	2117210282	Trần Thị	Thảo	09/05/1999	Nữ	CCQ1721D	Hà Tĩnh	91	6.55	Khá				
21	2117210293	Ngô Thị Anh	Thư	09/10/1999	Nữ	CCQ1721D	Đồng Nai	90	6.44	Khá				
22	2117210306	Phạm Ngọc	Tú	19/11/1999	Nam	CCQ1721D	Bình Định	91	6.58	Khá				
23	2117210308	Lê Thị Ánh	Tuyết	24/07/1999	Nữ	CCQ1721D	Phú Yên	90	7.34	Khá				
24	2117210309	Lương Diệu	Uyên	01/01/1999	Nữ	CCQ1721D	Quảng Ngãi	91	7.11	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ hóa học (HH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118160009	Huỳnh Thị Thu	Hà	08/12/2000	Nữ	CCQ1809A	Bình Định	95	7.26	Khá				
26	2118210172	Nguyễn Thị Yến	Nhi	11/02/2000	Nữ	CCQ1809A	BRVT	92	7.06	Khá				
27	2118160030	Lê Anh	Thư	17/11/2000	Nữ	CCQ1809A	BRVT	93	8.06	Giỏi				
28	2118160033	Bùi Thị Mỹ	Trinh	23/08/2000	Nữ	CCQ1809A	Bình Định	92	6.64	Khá				
29	2118160010	Từ Ngọc	Hân	03/11/2000	Nữ	CCQ1816A	Đồng Nai	93	7.39	Khá				
30	2118160036	Phan Thanh	Tùng	29/07/2000	Nam	CCQ1816A	Bình Định	93	6.47	Khá				
31	2118210001	Hoàng Lê Như	Bảo	12/06/2000	Nữ	CCQ1821A	Bình Thuận	92	6.88	Khá				
32	2118210013	Đỗ Thị Thu	Hồng	14/04/2000	Nữ	CCQ1821A	Bình Định	92	6.91	Khá				
33	2118210023	Phạm Văn	Long	01/04/2000	Nam	CCQ1821A	Bình Định	92	6.95	Khá				
34	2118210032	Trần Thành	Nhân	09/12/2000	Nam	CCQ1821A	TP.HCM	92	6.96	Khá				
35	2118210044	Lê Thị	Tâm	17/03/2000	Nữ	CCQ1821A	Phú Yên	92	6.62	Khá				
36	2118210050	Dương Thị Hồng	Thắm	27/04/2000	Nữ	CCQ1821A	Bình Định	92	7.47	Khá				
37	2118210061	Trần Thị Thanh	Trúc	07/10/2000	Nữ	CCQ1821A	Long An	92	7.19	Khá				
38	2118210076	Ngô Thị Ngọc	Bích	06/02/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Thuận	92	8.19	Giỏi				
39	2118210075	Tôn Thị Mỹ	Bình	10/04/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	6.99	Khá				
40	2118210084	Nguyễn Trọng	Đức	06/10/2000	Nam	CCQ1821B		92	7.11	Khá				
41	2118210086	Lưu Thị	Hà	06/09/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	7.47	Khá				
42	2118210093	Lê Thị	Hiền	09/05/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	6.39	Khá				
43	2118210094	Trần Thị	Hiếu	19/12/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	7.36	Khá				
44	2118210097	Huỳnh Tấn	Liêm	20/03/2000	Nam	CCQ1821B	Trà Vinh	94	7.46	Khá				
45	2118210101	Cù Thị Mỹ	Lý	21/05/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	7.00	Khá				
46	2118210103	Nguyễn Thị Cẩm	My	12/02/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	7.53	Khá				
47	2118210117	Nguyễn Duy	Thanh	25/06/1999	Nam	CCQ1821B	Long An	92	6.94	Khá				
48	2118210124	Trần Quốc	Thông	08/04/1999	Nam	CCQ1821B	An Giang	92	7.72	Khá				
49	2118210125	Nguyễn Thị Mỹ	Thuận	30/11/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	6.90	Khá				
50	2118210127	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	11/11/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	7.11	Khá				
51	2118210128	Đỗ Thị Bích	Thủy	06/12/2000	Nữ	CCQ1821B	Phú Yên	92	6.73	Khá				
52	2118210137	Phan Thị	Tuyết	08/03/2000	Nữ	CCQ1821B	Bình Định	92	6.82	Khá				
53	2118210138	Trần Thị Phương	Uyên	14/12/2000	Nữ	CCQ1821B	BRVT	92	6.94	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ hóa học (HH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118210151	Trần Thị Mỹ	Dung	25/06/2000	Nữ	CCQ1821C	Bình Định	92	7.09	Khá				
55	2118210153	Nguyễn Thị Trang	Đài	29/04/2000	Nữ	CCQ1821C	Bình Định	92	6.74	Khá				
56	2118210214	Trần Thị Ngân	Giang	10/02/1999	Nữ	CCQ1821C	Đồng Nai	92	7.35	Khá				
57	2118210162	Đồng Thị Mỹ	Liễu	13/11/1997	Nữ	CCQ1821C	Ninh Thuận	92	6.71	Khá				
58	2118210179	Nguyễn Thị Mỹ	Quyên	13/08/2000	Nữ	CCQ1821C	Tiền Giang	92	7.43	Khá				
59	2118210180	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	22/04/2000	Nữ	CCQ1821C	TP.HCM	92	7.74	Khá				
60	2118210185	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	22/10/2000	Nữ	CCQ1821C	Bình Định	92	6.96	Khá				
61	2118210188	Trần Quý	Thảo	08/02/2000	Nữ	CCQ1821C	Đồng Tháp	92	7.56	Khá				
62	2118150074	Nguyễn Quốc	Thiện	16/07/2000	Nam	CCQ1821C	Bình Định	92	6.32	Khá				
63	2118210212	Trịnh Nguyễn Tường	Vy	23/09/2000	Nữ	CCQ1821C	Bình Định	92	7.06	Khá				
64	2118210213	Nguyễn Thị Ngọc	Xuyến	10/02/2000	Nữ	CCQ1821C	Tiền Giang	92	6.52	Khá				
65	2119160010	Hứa Thanh	Hải	25/12/2001	Nam	CCQ1916A	Sóc Trăng	92	7.43	Khá				
66	2119160001	Lương Thị Bích	Ly	14/07/2001	Nữ	CCQ1916A	Phú Yên	92	7.66	Khá				
67	2119160003	Phan Ngọc	Quyến	18/05/2001	Nam	CCQ1916A	Phú Yên	92	7.27	Khá				
68	2119160004	Nghiêm Vũ	Thăng	01/01/2001	Nam	CCQ1916A	Bình Phước	92	6.51	Khá				
69	2119160006	Đỗ Thị Mỹ	Tiên	20/07/2001	Nữ	CCQ1916A	Đồng Nai	92	7.59	Khá				
70	2119160007	Võ Thị Thủy	Tiên	28/09/2001	Nữ	CCQ1916A	Tiền Giang	92	7.20	Khá				
71	2119160008	Nguyễn Thị Minh	Uyên	07/01/2001	Nữ	CCQ1916A	Bình Phước	92	7.90	Khá				
72	2119160009	Trương Ngọc Hạ	Vy	21/03/2001	Nữ	CCQ1916A	BRVT	92	8.02	Giỏi				
73	2119210003	Huỳnh Thị Thúy	Hiền	17/04/2001	Nữ	CCQ1921A	Gia Lai	92	7.41	Khá				
74	2119210005	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	25/11/2000	Nữ	CCQ1921A	Đồng Nai	92	8.05	Giỏi				
75	2119210006	Tô Thị Minh	Kiều	27/12/2001	Nữ	CCQ1921A	Bình Định	92	7.51	Khá				
76	2119210008	Mai Hoàng	Lộc	05/03/2001	Nam	CCQ1921A	Long An	92	7.53	Khá				
77	2119210010	Nguyễn Bá	Minh	10/06/1996	Nam	CCQ1921A	Bình Định	92	8.18	Giỏi				
78	2119210011	Bùi Thị Kiều	My	11/10/2001	Nữ	CCQ1921A	Bình Định	92	7.62	Khá				
79	2119210013	Lê Thị Bích	Ngân	04/04/2001	Nữ	CCQ1921A	Kiên Giang	92	6.89	Khá				
80	2119210014	Nguyễn Hiếu	Ngân	30/05/2001	Nữ	CCQ1921A	Bình Định	92	7.23	Khá				
81	2119210015	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	27/12/2001	Nữ	CCQ1921A	Trà Vinh	92	7.72	Khá				
82	2119210016	Hồ Hoàng Thảo	Nguyên	01/01/2001	Nữ	CCQ1921A	Đồng Nai	92	7.07	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ hóa học (HH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2119210017	Đào Thị Cẩm	Nhung	28/10/2001	Nữ	CCQ1921A	Bình Định	92	7.48	Khá				
84	2119210019	Nguyễn Thị	Quệ	20/01/2001	Nữ	CCQ1921A	Bình Định	92	7.59	Khá				
85	2119210020	Trần Thị Bé	Quyên	02/05/2001	Nữ	CCQ1921A	Long An	92	7.64	Khá				
86	2119210023	Trần Thị Thu	Thảo	24/09/2001	Nữ	CCQ1921A	Bình Định	92	7.45	Khá				
87	2119210024	Nguyễn Thị Kim	Thoa	21/08/2001	Nữ	CCQ1921A	Bình Định	92	7.43	Khá				
88	2119210025	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	17/07/2001	Nữ	CCQ1921A	Bình Định	92	7.29	Khá				
89	2119210029	Trương Hà Bảo	Trân	02/10/2000	Nữ	CCQ1921A	TP.HCM	92	7.42	Khá				
90	2119210030	Nguyễn Thị Tiết	Trinh	11/06/2001	Nữ	CCQ1921A	Bình Định	92	7.23	Khá				
91	2119210033	Trần Thị Diễm	Ái	10/10/2001	Nữ	CCQ1921B	Bình Định	92	7.05	Khá				
92	2119210070	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	31/01/2001	Nữ	CCQ1921B	Đồng Nai	92	7.13	Khá				
93	2119210071	Nguyễn Thị Hồng	Đào	05/10/2001	Nữ	CCQ1921B	Lâm Đồng	92	7.30	Khá				
94	2119210037	Nguyễn Hoàng Thiên	Đức	31/10/1996	Nam	CCQ1921B	BRVT	92	7.69	Khá				
95	2119210038	Trần Thị	Hà	11/08/2000	Nữ	CCQ1921B	Bình Định	92	7.12	Khá				
96	2119210072	Đỗ Thị Bích	Hạnh	23/01/2001	Nữ	CCQ1921B	Long An	92	7.35	Khá				
97	2119210048	Ngô Thị Kim	Ngân	08/02/2001	Nữ	CCQ1921B	Tiền Giang	92	7.09	Khá				
98	2119210081	Nguyễn Thị Yến	Như	24/03/2001	Nữ	CCQ1921B	Bình Định	92	7.00	Khá				
99	2119210054	Trần Thị Thúy	Quỳnh	14/10/2000	Nữ	CCQ1921B	Tiền Giang	92	7.28	Khá				
100	2119210055	Trương Quang	Tài	05/08/2001	Nam	CCQ1921B	Bình Thuận	92	7.24	Khá				
101	2119210096	Trần Thị Cẩm	Tú	09/04/2001	Nữ	CCQ1921B	Tiền Giang	92	7.35	Khá				
102	2119210068	Đoàn Thị Mỹ	Cẩm	18/05/2001	Nữ	CCQ1928A	Quảng Ngãi	92	6.81	Khá				
103	2119210041	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/10/2001	Nữ	CCQ1928A	Bình Định	92	7.53	Khá				
104	2119210042	Đỗ Trần Hồng	Hiếu	05/08/2001	Nữ	CCQ1928A	Bình Định	92	6.99	Khá				
105	2119210075	Đoàn Thị Hoài	Linh	10/07/2001	Nữ	CCQ1928A	Bình Thuận	92	7.83	Khá				
106	2119210007	Lê Thị Trúc	Linh	25/12/2001	Nữ	CCQ1928A	Bình Định	92	6.98	Khá				
107	2119210080	Bùi Thị Huỳnh	Như	26/03/2001	Nữ	CCQ1928A	TP.HCM	92	7.56	Khá				
108	2119210051	Đỗ Thị	Nở	20/12/2001	Nữ	CCQ1928A	Bình Định	92	7.12	Khá				
109	2119210052	Trần Thị Hoàng	Oanh	01/10/2001	Nữ	CCQ1928A	Quảng Ngãi	92	7.56	Khá				
110	2119210058	Lê Thị Phương	Thảo	14/02/2001	Nữ	CCQ1928A	Long An	92	7.36	Khá				
111	2119210056	Thái Kim	Thảo	18/09/2001	Nữ	CCQ1928A	Đồng Tháp	92	6.94	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ hóa học (HH)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2119210060	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	22/02/2001	Nữ	CCQ1928A	Bình Định	92	7.46	Khá				
113	2119210063	Đặng Thị	Trang	20/11/2001	Nữ	CCQ1928A	Bình Định	92	7.13	Khá				
114	2119210094	Võ Thị Mộng	Trinh	14/08/2001	Nữ	CCQ1928A	Long An	92	7.73	Khá				
115	2119210065	Nguyễn Kiều	Vân	10/09/2001	Nữ	CCQ1928A	Bình Thuận	92	6.92	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2117100024	Vũ Thị Thanh	Mai	12/09/1999	Nữ	CCQ1710A	Tây Ninh	80	5.95	Trung Bình				
2	2117100040	Phan Như	Quỳnh	17/11/1998	Nữ	CCQ1710A	Tây Ninh	80	6.25	Khá				
3	2117100057	Nguyễn Ngọc Thùy	Trang	25/01/1999	Nữ	CCQ1710A	Đồng Nai	80	7.13	Khá				
4	2117100084	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	08/04/1999	Nữ	CCQ1710B	Bình Phước	80	6.34	Khá				
5	2117100096	Lương Thị Thảo	Nguyên	08/05/1999	Nữ	CCQ1710B	Ninh Thuận	80	7.17	Khá				
6	2117100157	Võ Thị Thu	Hiền	23/07/1999	Nữ	CCQ1710C	TP.HCM	80	6.57	Khá				
7	2117100272	Bạch Thị	Yến	10/04/1997	Nữ	CCQ1710D	Hà Tĩnh	80	6.43	Khá				
8	2117100296	Nguyễn Thị Thu	Hương	21/08/1998	Nữ	CCQ1710E	TP.HCM	80	6.11	Trung Bình				
9	2117100317	Phan Võ Hồng	Nhung	20/04/1999	Nữ	CCQ1710E	TP.HCM	80	6.78	Khá				
10	2117100321	Hồ Trần Nữ Nhã	Phương	27/10/1999	Nữ	CCQ1710E	Bình Định	80	6.32	Khá				
11	2117100380	Trần Thị	Phước	28/08/1999	Nữ	CCQ1710F	Bình Phước	80	6.52	Khá				
12	2117190022	Dương Nguyễn Thư	Kỳ	14/03/1999	Nữ	CCQ1719A	Tây Ninh	81	6.18	Trung Bình				
13	2117190028	Cao Bá	Ngôn	12/08/1999	Nam	CCQ1719A	Phú Yên	81	6.04	Trung Bình				
14	2117190035	Nguyễn Hồng	Sơn	06/07/1999	Nam	CCQ1719A	Lâm Đồng	81	5.72	Trung Bình				
15	2117190078	Phan Thị Kim	Hoa	18/10/1999	Nữ	CCQ1719B	Gia Lai	80	8.19	Giỏi				
16	2117190098	Ngô Thị	Nhiệm	10/12/1999	Nữ	CCQ1719B	Gia Lai	80	6.37	Khá				
17	2117190101	Lê Thị	Như	02/05/1999	Nữ	CCQ1719B	Gia Lai	80	6.06	Trung Bình				
18	2117190107	Nguyễn Dương	Phú	29/06/1999	Nam	CCQ1719B	Tây Ninh	81	6.37	Khá				
19	2118100011	Đinh Thị Thu	Hà	30/12/2000	Nữ	CCQ1810A	Bình Thuận	82	6.94	Khá				
20	2118100029	Trịnh Thị Kim	Ngân	19/10/2000	Nữ	CCQ1810A	Tây Ninh	82	6.88	Khá				
21	2118100035	Lê Nguyễn Hoài	Như	11/09/2000	Nữ	CCQ1810A	Long An	82	7.82	Khá				
22	2118100075	Trần Thị Lan	Vy	12/03/2000	Nữ	CCQ1810A	Tiền Giang	82	6.10	Trung Bình				
23	2118100083	Nguyễn Thị	Của	24/09/1999	Nữ	CCQ1810B	TP.HCM	84	6.70	Khá				
24	2118100100	Nguyễn Thị Diễm	Hương	14/01/2000	Nữ	CCQ1810B	Tiền Giang	83	6.79	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2118100108	Trần Thị Thanh	Ngân	21/08/2000	Nữ	CCQ1810B	Bình Phước	82	6.38	Khá				
26	2118100123	Nguyễn Thị Y	Phụng	16/07/2000	Nữ	CCQ1810B	Quảng Ngãi	82	6.53	Khá				
27	2118100137	Đinh Thu	Thủy	05/02/2000	Nữ	CCQ1810B	Lâm Đồng	82	6.43	Khá				
28	2118100150	Lê Thị Nhã	Trúc	28/03/2000	Nữ	CCQ1810B	Long An	82	6.61	Khá				
29	2118100162	Đinh Thị Ngọc	Diễm	15/08/2000	Nữ	CCQ1810C	Tiền Giang	82	7.50	Khá				
30	2118100166	Trần Thị Mỹ	Duyên	22/03/2000	Nữ	CCQ1810C	Ninh Thuận	82	6.63	Khá				
31	2118100172	Dương Thị Ngọc	Hà	09/12/2000	Nữ	CCQ1810C	TP.HCM	84	6.58	Khá				
32	2118100179	Đỗ Thị Thanh	Hoa	09/11/2000	Nữ	CCQ1810C	Ninh Thuận	82	7.15	Khá				
33	2118100192	Võ Thị Thùy	Linh	29/05/2000	Nữ	CCQ1810C	Đồng Nai	82	7.70	Khá				
34	2118100224	Nguyễn Thị Thảo	Trang	03/08/2000	Nữ	CCQ1810C	Bình Dương	82	6.06	Trung Bình				
35	2118100237	Quảng Nữ Quỳnh	Anh	19/05/2000	Nữ	CCQ1810D	Ninh Thuận	82	6.40	Khá				
36	2118100257	Nguyễn Thị Thanh	Hương	01/03/2000	Nữ	CCQ1810D	Bình Định	82	6.80	Khá				
37	2118100267	Trần Thị	My	01/11/2000	Nữ	CCQ1810D	Bình Thuận	82	6.44	Khá				
38	2118100311	Huỳnh Thị Thanh	Yến	17/03/2000	Nữ	CCQ1810D	TP.HCM	82	6.45	Khá				
39	2118100315	Hoàng Kim	Chi	30/05/1999	Nữ	CCQ1810E	Lâm Đồng	82	6.32	Khá				
40	2118100316	Trần Thị	Chính	29/10/2000	Nữ	CCQ1810E	Quảng Ngãi	82	6.45	Khá				
41	2118100337	Trần Thị Diệu	Linh	05/12/2000	Nữ	CCQ1810E	Quảng Ngãi	82	6.89	Khá				
42	2118100353	Võ Hoàng	Sa	11/11/1999	Nữ	CCQ1810E	Phú Yên	82	7.45	Khá				
43	2118100355	Lê Thị Thanh	Tâm	25/06/2000	Nữ	CCQ1810E	Đồng Nai	82	6.76	Khá				
44	2118100356	Trương Thị Tiến	Thanh	16/04/2000	Nữ	CCQ1810E	Ninh Thuận	82	7.37	Khá				
45	2118100366	Trần Thị Ngọc	Thương	01/05/2000	Nữ	CCQ1810E	Đồng Nai	82	7.16	Khá				
46	2118100367	Phạm Thị Thủy	Tiên	25/01/2000	Nữ	CCQ1810E	Bình Phước	82	6.70	Khá				
47	2118100369	Hoàng Thị	Trang	13/08/2000	Nữ	CCQ1810E	Hà Tĩnh	82	7.15	Khá				
48	2118100371	Nguyễn Võ Thùy	Trang	22/01/2000	Nữ	CCQ1810E	Quảng Ngãi	82	6.47	Khá				
49	2118100380	Hán Thị Hồng	Vân	20/01/2000	Nữ	CCQ1810E	Ninh Thuận	82	6.55	Khá				
50	2118100394	Trần Quang	Đạt	20/10/1999	Nam	CCQ1810F	Bình Phước	82	6.54	Khá				
51	2118100397	Lê Thị	Hạnh	16/01/2000	Nữ	CCQ1810F	Bình Phước	82	6.94	Khá				
52	2118100401	Hồ Thị	Hiếu	08/07/2000	Nữ	CCQ1810F	Đăk Nông	82	6.18	Trung Bình				
53	2118100405	Võ Thị Kim	Hồng	05/03/2000	Nữ	CCQ1810F	Khánh Hòa	82	7.40	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118100411	Đoàn Thị Thanh	Lam	16/12/2000	Nữ	CCQ1810F	Phú Yên	82	8.14	Giỏi				
55	2118100422	Nguyễn Thị Thùy	My	18/02/2000	Nữ	CCQ1810F	Phú Yên	82	6.62	Khá				
56	2118100442	Võ Thị Minh	Thanh	07/04/2000	Nữ	CCQ1810F	Bình Thuận	82	7.73	Khá				
57	2118100451	Lê Thị Kiều	Trang	03/03/2000	Nữ	CCQ1810F	Bình Định	82	6.88	Khá				
58	2118100456	Lâm Văn	Tuấn	26/04/2000	Nam	CCQ1810F	Bến Tre	82	7.50	Khá				
59	2118100460	Nguyễn Thị Nhật	Vy	06/04/2000	Nữ	CCQ1810F	Quảng Ngãi	82	6.37	Khá				
60	2118100472	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	14/11/1999	Nữ	CCQ1810G	Đăk Lăk	82	7.04	Khá				
61	2118100473	Phạm Thị	Duyên	14/09/2000	Nữ	CCQ1810G	Nam Định	82	6.84	Khá				
62	2118190015	Nguyễn Thị Thanh	Hiệp	12/07/2000	Nữ	CCQ1810G	Lâm Đồng	83	6.97	Khá				
63	2118100489	Lữ Thị Út	Hường	02/03/2000	Nữ	CCQ1810G	Bình Định	82	6.64	Khá				
64	2118100493	Võ Thị Thùy	Linh	28/07/2000	Nữ	CCQ1810G	Vĩnh Long	82	6.34	Khá				
65	2118100501	Đỗ Trần Thanh	Minh	19/05/2000	Nữ	CCQ1810G	TP.HCM	82	7.19	Khá				
66	2118240188	Hoàng Thị	Oanh	10/12/2000	Nữ	CCQ1810G	Bình Phước	82	7.25	Khá				
67	2118120429	Nguyễn Thị Thùy	Trang	03/12/2000	Nữ	CCQ1810G	Đồng Nai	82	8.05	Khá				
68	2118100538	Nguyễn Thị Hương	Xuân	18/02/2000	Nữ	CCQ1810G	BRVT	82	6.40	Khá				
69	2118190017	Kiều Thúy	Hồng	15/01/2000	Nữ	CCQ1819A	Bình Định	82	7.52	Khá				
70	2118190021	Phạm Thị	Lan	02/07/2000	Nữ	CCQ1819A	BRVT	82	6.71	Khá				
71	2118190024	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/07/2000	Nữ	CCQ1819A	BRVT	82	6.07	Trung Bình				
72	2118190027	Nguyễn Trọng	Nam	01/01/2000	Nam	CCQ1819A	Bình Định	82	7.65	Khá				
73	2118190039	Nguyễn Đỗ Xuân	Quân	18/03/2000	Nam	CCQ1819A	Phú Yên	82	6.58	Khá				
74	2118190043	Hà Hữu	Tài	20/02/2000	Nam	CCQ1819A	Bình Định	82	6.34	Khá				
75	2118190051	Nguyễn Thị	Thùy	02/12/2000	Nữ	CCQ1819A	An Giang	82	7.36	Khá				
76	2119100003	Phan Thị Thu	Hà	02/12/2001	Nữ	CCQ1910A	Bình Định	82	7.13	Khá				
77	2119100005	Đinh Thị Mai	Hoa	12/12/2001	Nữ	CCQ1910A	Tây Ninh	82	6.98	Khá				
78	2119090003	Trần Thị Mỹ	Hoa	05/01/2001	Nữ	CCQ1910A	Quảng Ngãi	82	6.85	Khá				
79	2119100006	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	14/03/2000	Nữ	CCQ1910A	Bình Định	82	7.14	Khá				
80	2119090004	Đặng Thị Kim	Liên	27/05/2001	Nữ	CCQ1910A	Bình Thuận	82	6.48	Khá				
81	2119100411	Phạm Kiều Ái	Ngọc	12/10/2000	Nữ	CCQ1910A	Bình Phước	82	7.88	Khá				
82	2119100010	Lê Nguyễn Hạnh	Nguyên	25/07/2001	Nữ	CCQ1910A	Đồng Nai	82	6.88	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2119100013	Lê Thị Ngọc	Nhi	12/01/2000	Nữ	CCQ1910A	Long An	82	7.16	Khá				
84	2119100017	Đặng Tấn	Phát	05/10/2001	Nam	CCQ1910A	Long An	82	7.03	Khá				
85	2119100018	Ngô Thị	Phương	16/04/2001	Nữ	CCQ1910A	Bình Định	82	6.99	Khá				
86	2119090011	Lê Thị Thanh	Thúy	16/03/2001	Nữ	CCQ1910A	Bình Thuận	82	6.34	Khá				
87	2119100489	Trần Thùy	Trang	10/03/2001	Nữ	CCQ1910A	Bình Định	82	6.93	Khá				
88	2119100027	Trần Hà	Trâm	10/01/2001	Nữ	CCQ1910A	Phú Yên	82	7.09	Khá				
89	2119100026	Võ Hoàng Bảo	Trâm	19/10/2001	Nữ	CCQ1910A	Phú Yên	82	7.07	Khá				
90	2119100031	Bùi Nguyễn Loan	Vân	18/05/2001	Nữ	CCQ1910A	Quảng Ngãi	82	6.79	Khá				
91	2119100032	Nguyễn Thái Thảo	Vy	23/07/2001	Nữ	CCQ1910A	TP.HCM	82	7.08	Khá				
92	2119100036	Nguyễn Thị Quế	Anh	13/01/2000	Nữ	CCQ1910B	Tây Ninh	82	6.36	Khá				
93	2119100038	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	17/02/2001	Nữ	CCQ1910B	Tiền Giang	82	6.58	Khá				
94	2119100039	Nguyễn Thu	Hà	16/08/2001	Nữ	CCQ1910B	Đăk Lăk	82	8.32	Giỏi				
95	2119100043	Mai Hồng	Liên	12/05/2000	Nữ	CCQ1910B	Ninh Thuận	82	6.84	Khá				
96	2119100047	Đặng Cẩm	Ly	02/08/2001	Nữ	CCQ1910B	Phú Yên	82	6.65	Khá				
97	2119100053	Kiều Thảo Uyên	Nhi	05/02/2001	Nữ	CCQ1910B	TP.HCM	82	8.18	Giỏi				
98	2119100055	Trà Ngọc	Phú	02/10/2001	Nữ	CCQ1910B	Tây Ninh	82	7.88	Khá				
99	2119100057	Phạm Tùng	Thắng	04/10/2001	Nam	CCQ1910B	Bến Tre	82	7.99	Khá				
100	2119100059	Dương Thị	Thu	28/06/2001	Nữ	CCQ1910B	Thái Nguyên	82	7.39	Khá				
101	2119100061	Trương Thị Thùy	Trang	28/09/2001	Nữ	CCQ1910B	Bình Định	82	8.22	Giỏi				
102	2119100063	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyên	13/07/2001	Nữ	CCQ1910B	Bình Thuận	82	7.10	Khá				
103	2119100066	Đặng Thị Hồng	Yến	21/11/2001	Nữ	CCQ1910B	Gia Lai	82	7.05	Khá				
104	2119100067	Phạm Thị Lệ	Ánh	18/06/2001	Nữ	CCQ1910C	Quảng Ngãi	82	6.65	Khá				
105	2119100068	Trần Thị Ngọc	Ánh	01/04/2001	Nữ	CCQ1910C	Quảng Ngãi	82	6.70	Khá				
106	2119100071	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	12/12/2001	Nữ	CCQ1910C	Tiền Giang	82	6.93	Khá				
107	2119100072	Phan Thị Bích	Hằng	20/06/2001	Nữ	CCQ1910C	Quảng Ngãi	82	7.36	Khá				
108	2119100074	Trịnh Thị Kiều	Hoanh	17/04/2001	Nữ	CCQ1910C	Quảng Ngãi	82	7.69	Khá				
109	2119100075	Nguyễn Thị Thu	Hồng	02/02/2001	Nữ	CCQ1910C	Bình Định	82	6.50	Khá				
110	2119100076	Đặng Thị Diệu	Hương	02/07/2001	Nữ	CCQ1910C	Đăk Lăk	82	7.41	Khá				
111	2119100077	Nguyễn Thị	Hương	07/08/2001	Nữ	CCQ1910C	Đăk Lăk	82	7.07	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2119100078	Lưu Văn Phượng	Liễu	01/07/2001	Nữ	CCQ1910C	Phú Yên	82	7.20	Khá				
113	2119100079	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	28/03/2001	Nữ	CCQ1910C	Bình Thuận	82	6.68	Khá				
114	2119100082	Lê Thị Hoài	Mến	23/11/2000	Nữ	CCQ1910C	Đồng Nai	82	8.09	Giỏi				
115	2119100083	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyên	09/06/2001	Nữ	CCQ1910C	Bình Định	82	7.22	Khá				
116	2119100084	Đặng Thị Yến	Nhi	01/08/2001	Nữ	CCQ1910C	Bến Tre	82	7.88	Khá				
117	2119100088	Nguyễn Thị Anh	Thi	21/01/2001	Nữ	CCQ1910C	Bến Tre	82	7.30	Khá				
118	2119100090	Huỳnh Thị Thanh	Thúy	11/03/2001	Nữ	CCQ1910C	Long An	82	6.77	Khá				
119	2119100091	Trần Thị	Thúy	06/07/2001	Nữ	CCQ1910C	Quảng Ngãi	82	8.11	Giỏi				
120	2119100092	Lê Thị Cẩm	Thy	20/02/2001	Nữ	CCQ1910C	Bình Định	82	6.83	Khá				
121	2119100094	Nguyễn Thị	Trang	23/04/2001	Nữ	CCQ1910C	Long An	82	6.60	Khá				
122	2119100096	Đặng Thị Kim	Trâm	30/06/2001	Nữ	CCQ1910C	Bình Thuận	82	6.58	Khá				
123	2119100097	Huỳnh Ngọc	Trâm	30/10/2001	Nữ	CCQ1910C	Bến Tre	82	8.72	Giỏi				
124	2119100099	Nguyễn Thị	Tưởng	30/04/2001	Nữ	CCQ1910C	Quảng Ngãi	82	7.05	Khá				
125	2119100104	Nguyễn Thị Thùy	Diệu	08/11/2001	Nữ	CCQ1910D	Đồng Nai	82	7.47	Khá				
126	2119100105	Trương Kỳ	Duyên	17/06/2001	Nữ	CCQ1910D	Đăk Lăk	82	7.73	Khá				
127	2119100106	Cù Anh	Đào	17/07/2001	Nữ	CCQ1910D	Tây Ninh	82	7.37	Khá				
128	2119100110	Dương Thị Mỹ	Hiền	16/10/2001	Nữ	CCQ1910D	TP.HCM	82	7.32	Khá				
129	2119100111	Nguyễn Thị Thu	Hương	18/06/2001	Nữ	CCQ1910D	Đồng Nai	82	7.12	Khá				
130	2119100112	Thái Nữ Phương	Lan	03/12/2001	Nữ	CCQ1910D	Bến Tre	82	7.89	Khá				
131	2119100113	Phùng Thị Kim	Lắm	12/06/2001	Nữ	CCQ1910D	Tây Ninh	82	7.40	Khá				
132	2119100114	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	03/08/2001	Nữ	CCQ1910D	Phú Yên	82	7.33	Khá				
133	2119100118	Nguyễn Thị	Ngân	26/02/2001	Nữ	CCQ1910D	Ninh Thuận	82	6.94	Khá				
134	2119100119	Lê Thị	Ngoan	14/01/2001	Nữ	CCQ1910D	Thanh Hóa	82	6.17	Trung Bình				
135	2119100122	Hồ Thị Tuyết	Nhi	22/12/2001	Nữ	CCQ1910D	Quảng Ngãi	82	6.67	Khá				
136	2119100123	Lê Thị Yến	Nhi	30/04/2001	Nữ	CCQ1910D	Khánh Hòa	82	6.99	Khá				
137	2119100124	Nguyễn Thị Yến	Nhi	19/02/2001	Nữ	CCQ1910D	Bình Phước	82	6.59	Khá				
138	2119100127	Bùi Nguyễn Quỳnh	Như	20/11/2001	Nữ	CCQ1910D	Tiền Giang	82	6.79	Khá				
139	2119100126	Đỗ Châu Quỳnh	Như	04/03/2001	Nữ	CCQ1910D	Quảng Bình	82	6.90	Khá				
140	2119100128	Lưu Thị Thu	Tâm	30/04/2001	Nữ	CCQ1910D	Tiền Giang	82	6.58	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
141	2119100129	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/05/2000	Nữ	CCQ1910D	Tây Ninh	82	7.60	Khá				
142	2119100134	Phạm Thị Thiên	Trúc	20/06/2001	Nữ	CCQ1910D	Quảng Ngãi	82	7.45	Khá				
143	2119100137	Phan Thị Như	Bình	28/02/2001	Nữ	CCQ1910E	Bình Thuận	82	7.22	Khá				
144	2119100142	Trần Thị	Hoàng	29/04/2001	Nữ	CCQ1910E	Bình Định	82	7.60	Khá				
145	2119100143	Nguyễn Phạm Thị Ngọc	Hương	21/07/2001	Nữ	CCQ1910E	Đồng Nai	82	8.25	Giỏi				
146	2119100147	Nguyễn Thị Bé	Mi	14/09/2001	Nữ	CCQ1910E	Bến Tre	82	7.15	Khá				
147	2119100148	Đỗ Thị	Mơ	09/04/2000	Nữ	CCQ1910E	Bình Định	82	7.35	Khá				
148	2119100469	Phạm Thị Như	Quỳnh	01/05/2001	Nữ	CCQ1910E	Quảng Ngãi	82	7.37	Khá				
149	2119100160	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	18/11/2001	Nữ	CCQ1910E	Đồng Nai	82	7.26	Khá				
150	2119100161	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/01/2001	Nữ	CCQ1910E	TP.HCM	82	6.96	Khá				
151	2119100164	Nguyễn Thị	Thương	02/01/2001	Nữ	CCQ1910E	Bình Thuận	82	7.41	Khá				
152	2119100167	Hồ Thị Tuyết	Trinh	19/04/2001	Nữ	CCQ1910E	Bình Định	82	7.27	Khá				
153	2119100170	Phan Thị Kim	Anh	15/10/2001	Nữ	CCQ1910F	BRVT	82	7.35	Khá				
154	2119100172	Lê Thị Ngọc	Bích	19/09/2001	Nữ	CCQ1910F	Bình Phước	82	7.02	Khá				
155	2119100174	Huỳnh Thị Ngọc	Dung	06/10/2001	Nữ	CCQ1910F	Đồng Tháp	82	6.53	Khá				
156	2119100176	Tần Siêu	Đông	06/11/1999	Nam	CCQ1910F	Đồng Nai	82	8.75	Giỏi				
157	2119100177	Trần Huỳnh	Giang	24/10/2001	Nữ	CCQ1910F	Bình Định	82	7.15	Khá				
158	2119100181	Phạm Thị Thu	Hoa	17/12/2001	Nữ	CCQ1910F	Bình Định	82	6.86	Khá				
159	2119100183	Mai Thị	Hương	11/05/1998	Nữ	CCQ1910F	Quảng Bình	82	8.09	Giỏi				
160	2119100187	Đặng Thị Ánh	Ngọc	07/07/2001	Nữ	CCQ1910F	Bình Thuận	82	6.80	Khá				
161	2119100189	Mai Thị Thảo	Nguyên	07/10/2000	Nữ	CCQ1910F	Ninh Thuận	82	7.16	Khá				
162	2119100190	Bùi Phạm Tuyết	Nhung	19/09/2001	Nữ	CCQ1910F	Tiền Giang	82	7.43	Khá				
163	2119100193	Phạm Thị Thanh	Tâm	23/09/2001	Nữ	CCQ1910F	Bình Phước	82	7.15	Khá				
164	2119100194	Trần Phương	Thảo	05/09/2001	Nữ	CCQ1910F	Long An	82	6.73	Khá				
165	2119100198	Bùi Thị Thùy	Trang	21/05/2001	Nữ	CCQ1910F	Bình Dương	82	6.74	Khá				
166	2119100197	Huỳnh Thị Huyền	Trang	25/01/2001	Nữ	CCQ1910F	Bình Định	82	6.81	Khá				
167	2119100199	Cao Thị Bích	Trâm	24/11/2001	Nữ	CCQ1910F	Đồng Nai	82	6.88	Khá				
168	2119100200	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	08/10/2001	Nữ	CCQ1910F	Bình Thuận	82	7.05	Khá				
169	2119100206	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/04/2001	Nữ	CCQ1910G	Đăk Lăk	82	7.45	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
170	2119100207	Nguyễn Hoàng Thùy	Dương	10/04/2001	Nữ	CCQ1910G	BRVT	82	7.93	Khá				
171	2119100209	Nguyễn Thị Như	Hảo	25/12/2001	Nữ	CCQ1910G	Phú Yên	82	7.58	Khá				
172	2119100211	Trần Thị Bé	Hoa	27/08/2001	Nữ	CCQ1910G	Tây Ninh	82	6.94	Khá				
173	2119100213	Cao Thị	Ly	10/05/2001	Nữ	CCQ1910G	Quảng Nam	82	6.91	Khá				
174	2119100214	Nguyễn Thị	Mến	25/10/2001	Nữ	CCQ1910G	Bình Định	82	6.91	Khá				
175	2119100216	Phạm Thị Hằng	Nga	12/07/2001	Nữ	CCQ1910G	Hà Tĩnh	82	7.50	Khá				
176	2119100220	Trần Phương Yến	Nhi	24/11/2001	Nữ	CCQ1910G	Long An	82	6.59	Khá				
177	2119100219	Trần Thị Quỳnh	Nhi	10/04/2001	Nữ	CCQ1910G	Quảng Ngãi	82	7.08	Khá				
178	2119100222	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	12/04/2001	Nữ	CCQ1910G	Quảng Ngãi	82	6.92	Khá				
179	2119100223	Đặng Thị Hoài	Phương	12/08/1997	Nữ	CCQ1910G	Hà Tĩnh	82	8.51	Giỏi				
180	2119100224	Lương Thị Nguyên	Thảo	01/12/2001	Nữ	CCQ1910G	Gia Lai	82	7.82	Khá				
181	2119100232	Lê Thị Diễm	Trinh	23/08/2001	Nữ	CCQ1910G	Lâm Đồng	82	6.51	Khá				
182	2119100235	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	14/10/2001	Nam	CCQ1910G	Quảng Ngãi	82	7.52	Khá				
183	2119100470	Nguyễn Thị	Ái	04/07/2001	Nữ	CCQ1910H	Bình Định	82	6.38	Khá				
184	2119100239	Giáp Thị Vân	Anh	30/06/2001	Nữ	CCQ1910H	Bình Định	82	7.42	Khá				
185	2119100241	Lê Thị	Chi	28/08/2001	Nữ	CCQ1910H	Phú Yên	82	7.62	Khá				
186	2119100242	Thân Thị Thúy	Diễm	22/11/2001	Nữ	CCQ1910H	Quảng Ngãi	82	6.63	Khá				
187	2119100245	Phạm Thị Thùy	Dương	26/05/2001	Nữ	CCQ1910H	BRVT	82	8.51	Giỏi				
188	2119100246	Bùi Thị Ngọc	Hiền	15/03/2001	Nữ	CCQ1910H	Đồng Nai	82	7.60	Khá				
189	2119100248	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	20/12/2001	Nữ	CCQ1910H	Gia Lai	82	8.44	Giỏi				
190	2119100250	Trần Dung Mỹ	Hương	25/10/2000	Nữ	CCQ1910H	Đồng Nai	82	6.92	Khá				
191	2119100251	Trần Thị Thúy	Kiều	20/04/2001	Nữ	CCQ1910H	Quảng Bình	82	7.18	Khá				
192	2119100252	Võ Yến	Linh	06/09/2001	Nữ	CCQ1910H	Tiền Giang	82	8.01	Giỏi				
193	2119100254	Lê Thị Thùy	Loan	20/03/2001	Nữ	CCQ1910H	Quảng Ngãi	82	7.25	Khá				
194	2119100255	Dương Thị	Lợi	05/05/2000	Nữ	CCQ1910H	Đồng Nai	82	7.60	Khá				
195	2119100256	Hoàng Ngọc Khánh	Ly	13/11/2001	Nữ	CCQ1910H	TP.HCM	82	6.96	Khá				
196	2119100257	Bùi Thị Phương	Mai	07/10/2001	Nữ	CCQ1910H	Đồng Nai	84	6.95	Khá				
197	2119100258	Bùi Thị Phương	Nhung	07/10/2001	Nữ	CCQ1910H	Đồng Nai	84	6.82	Khá				
198	2119100264	Mai Thái Minh	Thư	07/02/2001	Nữ	CCQ1910H	Tiền Giang	82	7.18	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
199	2119100266	Phạm Thị Thanh	Tuyền	02/09/2001	Nữ	CCQ1910H	Quảng Ngãi	82	7.39	Khá				
200	2119100270	Trần Thị Thanh	Xuân	20/02/2001	Nữ	CCQ1910H	Bình Định	82	7.16	Khá				
201	2119100271	Huỳnh Thị Như	Ý	15/01/2001	Nữ	CCQ1910H	Ninh Thuận	82	7.33	Khá				
202	2119100272	Đỗ Thị Kiều	Duyên	08/02/2001	Nữ	CCQ1910I	Quảng Ngãi	82	7.06	Khá				
203	2119100273	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	18/11/2001	Nữ	CCQ1910I	Long An	82	7.60	Khá				
204	2119100275	Võ Quỳnh	Giao	24/08/2001	Nữ	CCQ1910I	Bình Thuận	82	7.68	Khá				
205	2119100276	Lê Hồng	Hải	16/01/2001	Nữ	CCQ1910I	TP.HCM	82	7.95	Khá				
206	2119100277	Trịnh Thị Mỹ	Hạnh	23/10/2001	Nữ	CCQ1910I	BRVT	82	8.06	Giỏi				
207	2119100279	Hà Thị Thu	Hiền	15/08/2001	Nữ	CCQ1910I	Ninh Thuận	82	6.93	Khá				
208	2119100280	Lê Thị Thanh	Hồng	22/01/2001	Nữ	CCQ1910I	Huế	82	7.43	Khá				
209	2119100281	Phạm Thị Mỹ	Kiều	10/01/2000	Nữ	CCQ1910I	Quảng Ngãi	82	7.40	Khá				
210	2119100282	Nguyễn Thị Thúy	Linh	27/11/2001	Nữ	CCQ1910I	Bình Định	82	7.46	Khá				
211	2119100283	Báo Nữ Thiên	Lộc	04/01/2001	Nữ	CCQ1910I	Ninh Thuận	82	7.20	Khá				
212	2119100285	Võ Thị	Lời	21/07/2001	Nữ	CCQ1910I	Bình Định	82	7.15	Khá				
213	2119100286	Nguyễn Thị Kim	Luyện	25/10/2001	Nữ	CCQ1910I	Quảng Ngãi	82	7.51	Khá				
214	2119100288	Nguyễn Thị	Mai	18/01/2001	Nữ	CCQ1910I	Hà Tĩnh	82	7.03	Khá				
215	2119100291	Đỗ Thị Thanh	Ngân	19/01/2001	Nữ	CCQ1910I	Lâm Đồng	82	8.50	Giỏi				
216	2119100289	Phạm Dương Hải	Ngân	07/10/2001	Nữ	CCQ1910I	Đăk Lăk	82	8.75	Giỏi				
217	2119100290	Trần Thị Lệ	Ngân	20/06/2001	Nữ	CCQ1910I	Ninh Thuận	82	8.17	Giỏi				
218	2119100292	Phan Thị Ánh	Ngọc	11/01/2001	Nữ	CCQ1910I	Quảng Ngãi	82	7.77	Khá				
219	2119100293	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	22/07/2001	Nữ	CCQ1910I	Gia Lai	82	6.75	Khá				
220	2119100296	Phan Thị Quế	Thanh	25/02/2001	Nữ	CCQ1910I	Long An	82	8.40	Giỏi				
221	2119100298	Nguyễn Thị	Thủy	10/05/2001	Nữ	CCQ1910I	Thanh Hóa	82	8.50	Giỏi				
222	2119100299	Nguyễn Thị Thu	Thủy	07/04/2001	Nữ	CCQ1910I	Đăk Lăk	82	6.97	Khá				
223	2119100300	Đặng Dương Minh	Thư	05/09/2001	Nữ	CCQ1910I	Tiền Giang	82	7.57	Khá				
224	2119100302	Trần Thị Thủy	Tuyên	17/03/2001	Nữ	CCQ1910I	Bình Định	82	7.60	Khá				
225	2119100305	Huỳnh Thị	Xuân	05/11/2001	Nữ	CCQ1910I	Bình Thuận	82	7.00	Khá				
226	2119100307	Lê Thị Ngọc	Ái	06/02/2001	Nữ	CCQ1910J	Quảng Trị	82	8.16	Giỏi				
227	2119100308	Võ Thị Khánh	Băng	01/07/2001	Nữ	CCQ1910J	Long An	82	7.82	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
228	2119100309	Dương Nguyễn Mỹ	Dung	31/07/2001	Nữ	CCQ1910J	Phú Yên	82	7.73	Khá				
229	2119100312	Nguyễn Thị Phương	Hạnh	20/01/2001	Nữ	CCQ1910J	Đăk Lăk	82	6.88	Khá				
230	2119100310	Lê Thị Ngọc	Hảo	07/11/2001	Nữ	CCQ1910J	Phú Yên	82	8.49	Giỏi				
231	2119100314	Đỗ Thúy	Hiền	19/11/2001	Nữ	CCQ1910J	Bình Phước	82	8.48	Giỏi				
232	2119100313	Lê Thị Thảo	Hiền	29/05/2001	Nữ	CCQ1910J	Bình Định	82	7.22	Khá				
233	2119100317	Nguyễn Lê Trúc	Ly	05/03/2001	Nữ	CCQ1910J	Lâm Đồng	82	7.70	Khá				
234	2119100319	Lê Quỳnh Cẩm Trà	Mi	27/11/2001	Nữ	CCQ1910J	Ninh Thuận	82	7.04	Khá				
235	2119100324	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhung	10/11/2001	Nữ	CCQ1910J	Trà Vinh	82	8.21	Giỏi				
236	2119100325	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	01/01/2001	Nữ	CCQ1910J	Bình Định	82	6.81	Khá				
237	2119100331	Trần Tuyết	Thư	06/12/2001	Nữ	CCQ1910J	Tiền Giang	82	7.81	Khá				
238	2119100333	Phạm Thị Thu	Trang	06/10/2001	Nữ	CCQ1910J	Đăk Nông	82	7.64	Khá				
239	2119100334	Đinh Thị	Vân	24/09/2000	Nữ	CCQ1910J	Nghệ An	82	8.04	Giỏi				
240	2119100336	Dương Thị Thúy	Vy	05/06/2001	Nữ	CCQ1910J	Bến Tre	82	8.19	Giỏi				
241	2119100342	Lý Thị	Diễm	12/06/2001	Nữ	CCQ1910K	Tây Ninh	82	8.28	Giỏi				
242	2119100344	Phạm Thị Hương	Giang	17/01/2001	Nữ	CCQ1910K	Bình Dương	82	7.85	Khá				
243	2119100348	Vũ Thị	Hương	22/06/2000	Nữ	CCQ1910K	Lâm Đồng	82	8.36	Khá				
244	2119100349	Mai Thị	Hường	02/12/1999	Nữ	CCQ1910K	Lâm Đồng	84	7.19	Khá				
245	2119100473	Đặng Diễm	My	12/04/2001	Nữ	CCQ1910K	Quảng Ngãi	82	6.70	Khá				
246	2119100354	Trần Ngọc	My	01/10/2001	Nữ	CCQ1910K	Bình Thuận	82	6.66	Khá				
247	2119100356	Võ Hoài Bích	Ngọc	03/12/2001	Nữ	CCQ1910K	Tiền Giang	82	7.15	Khá				
248	2119100358	Nguyễn Thị Thu	Nhiên	30/06/2001	Nữ	CCQ1910K	Gia Lai	82	7.65	Khá				
249	2119100359	Đinh Thị Hồng	Phúc	15/10/2001	Nữ	CCQ1910K	Bình Thuận	82	7.46	Khá				
250	2119100360	Mai Thị Hồng	Thắm	26/02/2001	Nữ	CCQ1910K	Bình Phước	82	8.58	Giỏi				
251	2119100365	Nguyễn Thị Phương	Trang	10/06/2001	Nữ	CCQ1910K	Long An	82	7.41	Khá				
252	2119100368	Lê Thị Thanh	Tuyền	03/01/2001	Nữ	CCQ1910K	Đồng Nai	82	8.55	Giỏi				
253	2119100370	Phan Thị Hồng	Vân	04/08/2001	Nữ	CCQ1910K	Hà Tĩnh	82	7.18	Khá				
254	2119100371	Lưu Thị Thanh	Vỹ	12/05/2001	Nữ	CCQ1910K	Ninh Thuận	82	6.91	Khá				
255	2119100376	Lê Thị	Đào	16/05/2001	Nữ	CCQ1910L	Tiền Giang	82	7.27	Khá				
256	2119100380	Quảng Thị Thu	Hiếu	18/04/2001	Nữ	CCQ1910L	Bình Định	82	7.23	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
257	2119100381	Đỗ Thị Thanh	Hương	17/07/2001	Nữ	CCQ1910L	TP.HCM	82	6.93	Khá				
258	2119100382	Huỳnh Thị Hồng	Linh	27/12/2001	Nữ	CCQ1910L	Bình Định	82	8.17	Giỏi				
259	2119100383	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	17/03/2001	Nữ	CCQ1910L	Đồng Nai	82	7.63	Khá				
260	2119100388	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	15/06/2001	Nữ	CCQ1910L	Tiền Giang	82	7.07	Khá				
261	2119100390	Nguyễn Thị Hồng	Như	09/07/2001	Nữ	CCQ1910L	TP.HCM	82	6.89	Khá				
262	2119100391	Mai Thị Kiều	Oanh	15/07/2001	Nữ	CCQ1910L	Đồng Nai	82	7.94	Khá				
263	2119100392	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	14/03/2001	Nữ	CCQ1910L	Bình Định	82	7.69	Khá				
264	2119100394	Phạm Văn Ngọc	Tân	27/04/1999	Nam	CCQ1910L	Quảng Bình	82	7.66	Khá				
265	2119100395	Lê Thị Phương	Thảo	07/01/2001	Nữ	CCQ1910L	Tiền Giang	82	8.69	Giỏi				
266	2119100397	Lê Thị Thu	Thảo	17/04/2001	Nữ	CCQ1910L	Quảng Ngãi	82	8.89	Giỏi				
267	2119100398	Huỳnh Thị	Thi	20/09/2001	Nữ	CCQ1910L	Bình Định	82	7.86	Khá				
268	2119100399	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	19/04/2001	Nữ	CCQ1910L	Bình Định	82	7.22	Khá				
269	2119100400	Ngô Thị Hồng	Thương	26/04/2001	Nữ	CCQ1910L	Đồng Nai	82	6.81	Khá				
270	2119100403	Huỳnh Hồ Ngọc	Trâm	25/11/2000	Nữ	CCQ1910L	Bình Định	82	7.95	Khá				
271	2119100418	Trần Thúy	An	04/07/2001	Nữ	CCQ1910M	Sóc Trăng	82	7.19	Khá				
272	2119100478	Phan Thị Ngọc	Diễm	13/03/2001	Nữ	CCQ1910M	Ninh Thuận	82	7.92	Khá				
273	2119100419	Huỳnh Thị Thùy	Diện	08/12/2001	Nữ	CCQ1910M	Quảng Nam	82	8.45	Giỏi				
274	2119100420	Phan Thị	Hằng	15/04/2001	Nữ	CCQ1910M	Hà Tĩnh	82	7.61	Khá				
275	2119100438	Trần Thị Thu	Hiền	20/01/2001	Nữ	CCQ1910M	Quảng Bình	82	7.37	Khá				
276	2119100423	Nguyễn Văn	Hòa	15/11/2001	Nam	CCQ1910M	Bình Định	82	7.48	Khá				
277	2119100424	Nguyễn Thị Thanh	Hương	13/11/2001	Nữ	CCQ1910M	Đăk Lăk	82	7.18	Khá				
278	2119100425	Lê Thị	Hường	05/07/2001	Nữ	CCQ1910M	Thanh Hóa	82	7.14	Khá				
279	2119100426	Phạm Thị Thúy	Kiều	09/11/2000	Nữ	CCQ1910M	Phú Yên	82	8.13	Khá				
280	2119100427	Đặng Thị Trúc	Linh	02/03/2001	Nữ	CCQ1910M	Bình Phước	82	7.37	Khá				
281	2119100428	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	13/11/2001	Nữ	CCQ1910M	Tiền Giang	82	8.34	Giỏi				
282	2119100440	Trần Thị	Thu	25/07/2001	Nữ	CCQ1910M	Bình Định	82	8.21	Giỏi				
283	2119100443	Nguyễn Thị Bảo	Trang	29/09/2001	Nữ	CCQ1910M	Long An	82	7.78	Khá				
284	2119100445	Lê Thị	Trâm	08/08/2000	Nữ	CCQ1910M	Bình Định	82	7.67	Khá				
285	2119100447	Báo Thị Hoa	Trúc	05/05/2001	Nữ	CCQ1910M	Ninh Thuận	82	7.02	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
286	2119100449	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	06/07/2001	Nữ	CCQ1910M	Bình Định	82	7.30	Khá				
287	2119100455	Võ Thị Ngọc	Hạ	20/11/2001	Nữ	CCQ1910N	Quảng Ngãi	82	8.43	Giỏi				
288	2119100482	Huỳnh Thị Mỹ	Hiệp	17/10/2001	Nữ	CCQ1910N	Phú Yên	82	7.10	Khá				
289	2119100458	Thuận Hải	Hường	23/08/2001	Nữ	CCQ1910N	Ninh Thuận	82	6.89	Khá				
290	2119100459	Lê Thị	Lành	24/04/2000	Nữ	CCQ1910N	Nghệ An	82	7.84	Khá				
291	2119100461	Nguyễn Đức	Nguyện	15/12/2000	Nam	CCQ1910N	Đăk Lăk	82	7.51	Khá				
292	2119100486	Trương Thị	Nhi	17/03/2001	Nữ	CCQ1910N	Hà Tĩnh	82	7.70	Khá				
293	2119100492	Trần Nguyễn Nhật	Phương	20/07/2001	Nữ	CCQ1910N	Quảng Ngãi	82	6.41	Khá				
294	2119100465	Đỗ Thị Cẩm	Thi	20/03/2000	Nữ	CCQ1910N	Tây Ninh	82	7.22	Khá				
295	2119100467	Võ Thị Thủy	Tiên	08/02/2000	Nữ	CCQ1910N	BRVT	82	7.44	Khá				
296	2119100468	Nguyễn Thị	Tuyết	20/12/2001	Nữ	CCQ1910N	Bình Định	82	7.37	Khá				
297	2119190013	Phan Thành	Long	16/04/1996	Nam	CCQ1919A	Phú Yên	82	8.62	Giỏi				
298	2119190014	Trần Thị Hồng	Mai	13/01/2001	Nữ	CCQ1919A	Phú Yên	82	6.62	Khá				
299	2119190015	Phạm Thị Kim	Ngân	11/10/2001	Nữ	CCQ1919A	Bình Thuận	82	6.29	Khá				
300	2119190017	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	20/10/2001	Nữ	CCQ1919A	Bình Định	82	7.76	Khá				
301	2119190018	Lê Thị Hoài	Thanh	13/01/2001	Nữ	CCQ1919A	Bình Phước	82	6.68	Khá				
302	2119190020	Trần Phương	Thảo	09/12/2001	Nữ	CCQ1919A	Bình Định	82	6.88	Khá				
303	2119190027	Đỗ Thu	Trúc	15/07/2001	Nữ	CCQ1919A	Tiền Giang	82	6.52	Khá				
304	2119190026	Trần Thị Thanh	Trúc	10/01/2001	Nữ	CCQ1919A	Bình Định	82	7.89	Khá				
305	2119190033	Đặng Thị Như	Ý	24/08/2001	Nữ	CCQ1919A	Bình Định	82	6.43	Khá				
306	2119190038	Phạm Thị Kim	Chi	20/10/1999	Nữ	CCQ1919B	Phú Yên	82	6.67	Khá				
307	2119190043	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	01/04/2001	Nữ	CCQ1919B	Đồng Nai	82	7.75	Khá				
308	2119190045	Đặng Thị Diệu	Huyền	18/10/2001	Nữ	CCQ1919B	Bình Phước	82	7.06	Khá				
309	2119190048	Cao Thị	Mai	12/06/2001	Nữ	CCQ1919B	Đồng Nai	82	7.21	Khá				
310	2119190056	Trần Thị Bích	Tâm	10/04/2001	Nữ	CCQ1919B	BRVT	82	7.81	Khá				
311	2119190059	Hà Bảo	Thoa	26/02/2001	Nữ	CCQ1919B	Bình Phước	82	6.80	Khá				
312	2119190060	Nguyễn Khánh	Toàn	20/02/2000	Nam	CCQ1919B	Bình Định	82	6.89	Khá				
313	2119190061	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	02/04/2001	Nữ	CCQ1919B	Đồng Tháp	82	6.59	Khá				
314	2119190138	Nguyễn Thị Thu	Trinh	28/08/2001	Nữ	CCQ1919B	Bình Định	82	7.82	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Kế toán - Tài chính (KT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
315	2119190064	Võ Thị Cẩm	Tú	26/01/2001	Nữ	CCQ1919B	Bình Định	82	7.17	Khá				
316	2119190066	Nguyễn Thị Tường	Vi	10/09/2001	Nữ	CCQ1919B	Bình Thuận	82	6.50	Khá				
317	2119190068	Trà Thị Mỹ	Xuyên	14/01/2001	Nữ	CCQ1919B	Bến Tre	82	6.68	Khá				
318	2119190070	Đoàn Bảo	Ánh	26/01/2001	Nam	CCQ1919C	Bình Phước	82	7.32	Khá				
319	2119190071	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/06/2001	Nữ	CCQ1919C	Bắc Ninh	82	8.21	Giỏi				
320	2119190077	Nguyễn Hồng	Hạnh	21/06/2001	Nữ	CCQ1919C	Bình Định	82	7.90	Khá				
321	2119190081	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/08/2001	Nữ	CCQ1919C	Bình Thuận	82	7.41	Khá				
322	2119190082	Nguyễn Thành	Lập	04/08/2001	Nam	CCQ1919C	Bình Định	82	8.63	Giỏi				
323	2119190087	Nguyễn Thị Lệ	Nguyên	20/04/2001	Nữ	CCQ1919C	Quảng Ngãi	82	6.77	Khá				
324	2119190093	Trần Thị Cao	Thơ	29/11/2001	Nữ	CCQ1919C	Đồng Nai	82	8.31	Giỏi				
325	2119190095	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	08/01/2001	Nữ	CCQ1919C	Quảng Ngãi	82	7.38	Khá				
326	2119190100	Nguyễn Thị Khánh	Vy	24/11/2001	Nữ	CCQ1919C	Bình Phước	82	7.31	Khá				
327	2119190102	Lưu Thị Nguyệt	Bích	09/12/2001	Nữ	CCQ1919D	Bình Định	82	8.32	Giỏi				
328	2119190104	Phạm Thùy	Duyên	05/07/2001	Nữ	CCQ1919D	Tiền Giang	82	7.65	Khá				
329	2119190107	Lê Thị Phượng	Hồng	23/08/2001	Nữ	CCQ1919D	Phú Yên	82	7.42	Khá				
330	2119190110	Nguyễn Thị Ngọc	Lam	04/05/2001	Nữ	CCQ1919D	Phú Yên	82	7.23	Khá				
331	2119190120	Hà Thị Mỹ	Sang	11/08/2001	Nữ	CCQ1919D	Lâm Đồng	82	6.82	Khá				
332	2119190126	Quảng Thị An	Thuyên	28/01/2001	Nữ	CCQ1919D	Ninh Thuận	82	7.48	Khá				
333	2119190127	Trần Thị Huỳnh	Trang	24/12/2001	Nữ	CCQ1919D	TP.HCM	82	7.18	Khá				
334	2120190027	Trần Thị Hoài	Thương	20/07/1999	Nữ	CCQ2019A	Gia Lai	82	7.75	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2117240004	Nguyễn Phước	Bảo	31/07/1998	Nam	CCQ1724A	Đồng Nai	90	6.74	Khá				
2	2117240012	Hoàng Thị Mai	Hương	30/09/1999	Nữ	CCQ1724A	Đăk Lăk	90	7.65	Khá				
3	2117240047	Đỗ Thành	Trí	05/03/1999	Nam	CCQ1724A	Đồng Nai	92	6.67	Khá				
4	2117240049	Lê Thị Kiều	Trinh	07/09/1999	Nữ	CCQ1724A	Đăk Lăk	90	6.40	Khá				
5	2117240081	Trần Thị Mỹ	Linh	20/10/1999	Nữ	CCQ1724B	Bình Định	91	6.24	Trung Bình				
6	2117240087	Lương Thị Mỹ	Ngọc	06/01/1999	Nữ	CCQ1724B	Đăk Lăk	90	6.50	Khá				
7	2117240095	Nguyễn Trần Thị Như	Quỳnh	26/02/1999	Nữ	CCQ1724B	Bình Thuận	91	6.40	Khá				
8	2117240119	Nguyễn Văn	Vũ	22/02/1998	Nam	CCQ1724B	Hà Nam	90	6.28	Khá				
9	2117240168	Nguyễn Huỳnh Mai	Thy	26/07/1999	Nữ	CCQ1724C	Đồng Nai	90	7.12	Khá				
10	2117240173	Trần Thị Ngọc	Trân	07/02/1999	Nữ	CCQ1724C	Đồng Tháp	91	6.49	Khá				
11	2117240177	Phí Hoàng	Trung	16/08/1998	Nam	CCQ1724C	Đồng Nai	90	6.45	Khá				
12	2117240183	Đào Thị Quỳnh	Anh	17/11/1999	Nữ	CCQ1724D	Đăk Lăk	90	6.01	Trung Bình				
13	2117240184	Lê Thùy	Anh	23/08/1999	Nữ	CCQ1724D	TP.HCM	93	7.25	Khá				
14	2117240210	Huỳnh Thị Ngọc	My	25/11/1997	Nữ	CCQ1724D	Bình Thuận	90	6.36	Khá				
15	2117240216	Nguyễn Thị Hoàng	Nhi	23/09/1999	Nữ	CCQ1724D	TP.HCM	92	6.28	Khá				
16	2117240222	Lê Thị Ngọc	Quyên	20/01/1998	Nữ	CCQ1724D	Phú Yên	90	6.46	Khá				
17	2117240240	Đoàn Trúc	Vy	15/02/1999	Nữ	CCQ1724D	Bình Định	90	6.94	Khá				
18	2117240244	Nguyễn Thị Tường	Anh	03/01/1999	Nữ	CCQ1724E	Bình Định	90	6.74	Khá				
19	2117240304	Hà Minh	Anh	25/07/1999	Nữ	CCQ1724F	TP.HCM	90	6.59	Khá				
20	2117240302	Nguyễn Thị Kim	Anh	23/07/1999	Nữ	CCQ1724F	Nam Định	91	7.33	Khá				
21	2117240317	Cù Thị	Liên	05/03/1999	Nữ	CCQ1724F	Nghệ An	90	7.28	Khá				
22	2117240335	Nguyễn Thị Kiều	Quanh	02/12/1999	Nữ	CCQ1724F	Bình Định	90	6.90	Khá				
23	2117240363	Hồ Thị Cẩm	Vi	23/05/1999	Nữ	CCQ1724F	Bình Định	90	6.36	Khá				
24	2117240374	Lê Văn	Đức	02/08/1999	Nam	CCQ1724LA	Quảng Ngãi	90	6.63	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2117240377	Phan Quốc	Khánh	02/09/1998	Nam	CCQ1724LA	Bình Thuận	90	6.94	Khá				
26	2117240388	Nguyễn Triệu Quốc	Thịnh	29/12/1999	Nam	CCQ1724LA	TP.HCM	90	6.58	Khá				
27	2117240395	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	05/12/1999	Nữ	CCQ1724LA	TP.HCM	90	6.50	Khá				
28	2118240005	Nguyễn Thị	Duyên	19/07/2000	Nữ	CCQ1824A	Hà Tĩnh	92	6.75	Khá				
29	2118240007	Lương Ngọc Kim	Đoan	04/04/2000	Nữ	CCQ1824A	Long An	92	6.27	Khá				
30	2118240009	Đặng Thị	Đông	04/09/2000	Nữ	CCQ1824A	Bình Định	92	6.59	Khá				
31	2118240011	Phan Tấn	Giàu	14/07/1998	Nam	CCQ1824A	Trà Vinh	92	6.83	Khá				
32	2118240018	Nguyễn Thị Thu	Khảo	14/06/2000	Nữ	CCQ1824A	TP.HCM	92	6.23	Trung Bình				
33	2118240039	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10/08/2000	Nữ	CCQ1824A	Bắc Giang	92	7.00	Khá				
34	2118240044	Huỳnh Thị Thu	Sương	03/12/2000	Nữ	CCQ1824A	Đồng Nai	92	6.67	Khá				
35	2118240047	Hồ Đỗ Phương	Thảo	13/07/2000	Nữ	CCQ1824A	TP.HCM	92	6.38	Khá				
36	2118240053	Phan Thị Thanh	Thúy	23/01/2000	Nữ	CCQ1824A	Bình Thuận	92	6.71	Khá				
37	2118240058	Ngô Ngọc	Trang	25/08/2000	Nữ	CCQ1824A	Long An	92	6.21	Trung Bình				
38	2118240061	Ngô Xuân	Trang	25/08/2000	Nữ	CCQ1824A	Long An	92	6.08	Trung Bình				
39	2118240060	Trần Thị Thùy	Trang	14/01/2000	Nữ	CCQ1824A	Đồng Nai	92	6.69	Khá				
40	2118240062	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	25/12/1999	Nữ	CCQ1824A	Bình Thuận	92	6.61	Khá				
41	2118240066	Trần Hạ	Vi	22/06/1999	Nữ	CCQ1824A	Bình Định	92	6.53	Khá				
42	2118240072	Sử Thị Như	Ý	04/12/2000	Nữ	CCQ1824A	Ninh Thuận	94	6.78	Khá				
43	2118240073	Lê Thị Kim	Anh	21/02/1999	Nữ	CCQ1824B	TP.HCM	92	6.50	Khá				
44	2118240078	Nguyễn Thị Kim	Bình	06/04/2000	Nữ	CCQ1824B	Tiền Giang	92	6.49	Khá				
45	2118240079	Phạm Thị Bích	Dân	30/11/2000	Nữ	CCQ1824B	Bình Định	92	6.97	Khá				
46	2118240091	Trương Trọng	Hiếu	29/11/1999	Nam	CCQ1824B	BRVT	92	7.38	Khá				
47	2118240097	Nguyễn Thị Hiếu	Kiên	25/03/2000	Nữ	CCQ1824B	Ninh Thuận	92	6.67	Khá				
48	2118240102	Nguyễn Công	Minh	19/03/2000	Nam	CCQ1824B	Khánh Hòa	92	6.53	Khá				
49	2118240103	Trần Ngọc Bảo	Ngân	04/10/2000	Nữ	CCQ1824B	TP.HCM	92	6.16	Trung Bình				
50	2118240125	Thuyền Bích	Trâm	17/01/2000	Nữ	CCQ1824B	TP.HCM	92	6.58	Khá				
51	2118240133	Dương Thị Mỹ	Uyên	23/04/2000	Nữ	CCQ1824B	Trà Vinh	92	7.62	Khá				
52	2118240135	Nguyễn Thụy Tường	Vân	20/02/1999	Nữ	CCQ1824B	Đồng Nai	92	7.71	Khá				
53	2118240140	Bùi Thị Hạ	Vy	26/04/2000	Nữ	CCQ1824B	Bình Dương	92	6.66	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118240146	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	27/05/1999	Nữ	CCQ1824C	Đồng Nai	92	7.39	Khá				
55	2118240147	Đoàn Thị Thủy	Bích	29/06/2000	Nữ	CCQ1824C	Bình Định	92	6.54	Khá				
56	2118240159	Trần Thị Thúy	Hiền	01/10/2000	Nữ	CCQ1824C	Đồng Nai	92	8.09	Khá				
57	2118240164	Nguyễn Song	Hương	13/09/2000	Nữ	CCQ1824C	Tiền Giang	92	6.28	Khá				
58	2118240169	Huỳnh Thị Công	Lý	22/08/2000	Nữ	CCQ1824C	Đồng Nai	92	7.17	Khá				
59	2118240180	Võ Hiệp	Nhất	14/03/2000	Nam	CCQ1824C	Bình Thuận	92	6.32	Khá				
60	2118240187	Lê Thị Mỹ	Nương	13/01/2000	Nữ	CCQ1824C	Bình Định	92	6.47	Khá				
61	2118240189	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	14/12/2000	Nữ	CCQ1824C	Ninh Thuận	92	7.35	Khá				
62	2118240193	Dương Thị	Phượng	08/12/1989	Nữ	CCQ1824C	Quảng Ngãi	92	6.85	Khá				
63	2118240198	Nguyễn Thị	Thảo	14/10/1999	Nữ	CCQ1824C	Đăk Lăk	92	6.76	Khá				
64	2118240208	Đào Thị Mai	Trâm	10/11/2000	Nữ	CCQ1824C	An Giang	92	6.07	Trung Bình				
65	2118240211	Nguyễn Thị Huyền	Trinh	30/10/2000	Nữ	CCQ1824C	Đồng Nai	92	6.83	Khá				
66	2118240213	Nguyễn Công	Trường	15/03/1996	Nam	CCQ1824C	Nghệ An	92	7.94	Khá				
67	2118240223	Nguyễn Thị	Dung	25/06/2000	Nữ	CCQ1824D	Phú Yên	92	6.91	Khá				
68	2118240224	Huỳnh Mỹ	Duyên	12/02/2000	Nữ	CCQ1824D	Đồng Nai	92	7.76	Khá				
69	2118240228	Nguyễn Hoàng	Hiệp	15/11/2000	Nam	CCQ1824D	Đồng Nai	92	7.53	Khá				
70	2118240235	Lê Thị Thiên	Kim	23/02/2000	Nữ	CCQ1824D	Đồng Tháp	92	6.88	Khá				
71	2118240236	Nguyễn Hà	My	13/05/2000	Nữ	CCQ1824D	Đồng Nai	92	7.09	Khá				
72	2118240239	Huỳnh Thị Kim	Ngân	25/09/2000	Nữ	CCQ1824D	Bình Thuận	92	7.17	Khá				
73	2118240246	Trần Thị Thúy	Ngọc	18/09/2000	Nữ	CCQ1824D	Đồng Tháp	92	6.26	Khá				
74	2118240257	Phạm Quỳnh	Như	05/08/2000	Nữ	CCQ1824D	Bình Thuận	92	6.17	Trung Bình				
75	2118240256	Trần Thị Huỳnh	Như	08/05/2000	Nữ	CCQ1824D	Đồng Tháp	92	6.74	Khá				
76	2118240263	Huỳnh Thị Diễm	Quỳnh	02/12/2000	Nữ	CCQ1824D	Bình Định	92	6.88	Khá				
77	2118240294	Nguyễn Mai	Duyên	15/06/2000	Nữ	CCQ1824E	Bình Thuận	92	7.27	Khá				
78	2118240298	Phạm Thị Ngọc	Hân	10/07/2000	Nữ	CCQ1824E	Bình Thuận	93	6.99	Khá				
79	2118240302	Nguyễn Thái	Huy	15/04/2000	Nam	CCQ1824E	Bến Tre	92	7.71	Khá				
80	2118240309	Nguyễn Thị Minh	Lý	02/04/2000	Nữ	CCQ1824E	Bình Định	92	7.13	Khá				
81	2118240312	Phạm Thị Kiều	Ngân	15/01/2000	Nữ	CCQ1824E	Bình Thuận	92	6.55	Khá				
82	2118240318	Mai Thị Hồng	Nhung	06/06/2000	Nữ	CCQ1824E	Bình Phước	92	7.11	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118240320	Đoàn Thị Quỳnh	Như	05/11/2000	Nữ	CCQ1824E	Tây Ninh	92	6.98	Khá				
84	2118240321	Võ Thụy Quỳnh	Như	19/06/1996	Nữ	CCQ1824E	TP.HCM	92	7.14	Khá				
85	2118240325	Đỗ Ngọc	Siêu	20/04/2000	Nữ	CCQ1824E	Bình Định	92	6.06	Trung Bình				
86	2118240333	Nguyễn Thị	Thêm	07/02/2000	Nữ	CCQ1824E	Quảng Nam	92	7.02	Khá				
87	2118240350	Nguyễn Thị Bảo	Uyên	17/07/2000	Nữ	CCQ1824E	Bình Thuận	92	6.38	Khá				
88	2118240354	Ngô Thị Thanh	Vân	23/07/2000	Nữ	CCQ1824E	Bình Định	92	7.12	Khá				
89	2118240353	Trần Ngọc Thanh	Vân	09/07/2000	Nữ	CCQ1824E	TP.HCM	92	8.01	Khá				
90	2118240356	Hảo Thị Bích	Vương	13/12/2000	Nữ	CCQ1824E	Ninh Thuận	92	7.56	Khá				
91	2118240363	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	20/05/2000	Nữ	CCQ1824F	Đăk Lăk	92	6.30	Khá				
92	2118240368	Đỗ Trương Thúy	Diễm	24/04/2000	Nữ	CCQ1824F	Long An	92	6.74	Khá				
93	2118240380	Nguyễn Thị Ngọc	Hiệp	27/04/2000	Nữ	CCQ1824F	Huế	92	6.51	Khá				
94	2118240393	Hoàng Thị Hương	Nhi	07/08/2000	Nữ	CCQ1824F	Cần Thơ	92	7.23	Khá				
95	2118240403	Nguyễn Thị Minh	Tâm	12/10/2000	Nữ	CCQ1824F	Đăk Lăk	92	6.58	Khá				
96	2118240410	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	01/03/2000	Nữ	CCQ1824F	Đồng Nai	92	6.87	Khá				
97	2118240417	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	23/09/1998	Nữ	CCQ1824F	TP.HCM	92	7.86	Khá				
98	2118240426	Nguyễn Thị Kiều	Vân	20/08/2000	Nữ	CCQ1824F	Kiên Giang	92	8.34	Giỏi				
99	2118240427	Đinh Thị	Vi	26/07/2000	Nữ	CCQ1824F	Bình Định	92	7.16	Khá				
100	2118240429	Huỳnh Thị	Xuân	10/03/2000	Nữ	CCQ1824F	Bình Định	92	7.93	Khá				
101	2118240434	Nguyễn Thị Minh	Anh	02/02/2000	Nữ	CCQ1824LA	Đồng Nai	92	8.01	Giỏi				
102	2118240436	Trần Lê Kiều	Diễm	21/02/2000	Nữ	CCQ1824LA	BRVT	92	6.38	Khá				
103	2118240439	Phan Thị Thu	Hiền	04/02/2000	Nữ	CCQ1824LA	Đồng Nai	92	6.97	Khá				
104	2118240443	Bùi Thị Thảo	Ly	28/06/2000	Nữ	CCQ1824LA	Đồng Nai	92	6.70	Khá				
105	2118240446	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/03/1996	Nam	CCQ1824LA	TP.HCM	92	6.82	Khá				
106	2118240449	Ngô Thị Thu	Thảo	16/02/1998	Nữ	CCQ1824LA	Bình Dương	92	6.79	Khá				
107	2118240452	Nguyễn Trần Mai	Trâm	22/01/1999	Nữ	CCQ1824LA	TP.HCM	92	7.03	Khá				
108	2119240032	Đinh Thị Bích	Hạnh	06/11/2001	Nữ	CCQ1924B	Bình Định	92	6.82	Khá				
109	2119240344	Lê Văn	Đức	12/01/2001	Nam	CCQ1924C	Thanh Hóa	92	6.96	Khá				
110	2119240069	Trần Thị	Nhi	05/09/2000	Nữ	CCQ1924C	Tiền Giang	92	7.52	Khá				
111	2119240112	Dương Thị	Cẩm	24/01/2001	Nữ	CCQ1924E	Đăk Lăk	92	7.03	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Ngoại ngữ (NN)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2119240116	Trần Thị Kim	Hiền	15/05/2001	Nữ	CCQ1924E	Lâm Đồng	92	7.75	Khá				
113	2119240183	Võ Hoàng	Nghĩa	09/01/2001	Nam	CCQ1924G	Tiền Giang	92	8.13	Khá				
114	2119240196	Ngô Thị Ngọc	Tuyết	15/07/2001	Nữ	CCQ1924G	Đăk Lăk	92	8.68	Giỏi				
115	2119120561	Nguyễn Bé	Lâm	30/08/2001	Nam	CCQ1924K	Bến Tre	92	8.39	Khá				
116	2119270228	Huỳnh Thị Ngọc	Thanh	20/09/2001	Nữ	CCQ1924K	Lâm Đồng	92	7.73	Khá				
117	2119170302	Lâm Minh	Trọng	04/03/2000	Nam	CCQ1924K	BRVT	92	7.43	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2116120084	Nguyễn Duy	Cường	11/05/1998	Nam	CCQ1612B	Đồng Nai	96	6.51	Khá				
2	2117120069	Trần Trung	Cường	05/01/1999	Nam	CCQ1712B	TP.HCM	80	6.13	Trung Bình				
3	2117120089	Phạm Thị Thùy	Linh	16/03/1999	Nữ	CCQ1712B	Quảng Ngãi	82	6.30	Khá				
4	2117120165	Lê Thị Mỹ	Lợi	01/01/1998	Nữ	CCQ1712C	Quảng Trị	80	5.93	Trung Bình				
5	2117120189	Nguyễn Thị	Thảo	15/11/1999	Nữ	CCQ1712C	Ninh Thuận	80	6.27	Khá				
6	2117120224	Trần Thị Mỹ	Hạnh	23/06/1999	Nữ	CCQ1712D	Đăk Lăk	80	7.43	Khá				
7	2117120225	Phạm Thị Thúy	Hằng	07/05/1999	Nữ	CCQ1712D	TP.HCM	80	6.02	Trung Bình				
8	2117120247	Trần Thị Trúc	Quyên	19/09/1999	Nữ	CCQ1712D	Phú Yên	80	6.62	Khá				
9	2117120251	Phạm Thị Thu	Sương	25/07/1999	Nữ	CCQ1712D	Bình Định	80	6.63	Khá				
10	2117120277	Ngô Phương	Anh	21/06/1999	Nữ	CCQ1712E	Đồng Nai	82	6.26	Khá				
11	2117120279	Võ Thị Kim	Chi	01/07/1999	Nữ	CCQ1712E	Đồng Nai	82	6.40	Khá				
12	2117120297	Nguyễn Thị Thu	Hương	25/09/1999	Nữ	CCQ1712E	Đồng Nai	82	5.97	Trung Bình				
13	2117120312	Nguyễn Kế	Phát	10/04/1998	Nam	CCQ1712E	Bình Định	80	6.00	Trung Bình				
14	2117120324	Ngô Huỳnh Bá	Thông	28/11/1995	Nam	CCQ1712E	Long An	80	6.71	Khá				
15	2117120343	Huỳnh Kim	Yến	10/03/1999	Nữ	CCQ1712E	Kiên Giang	80	6.25	Khá				
16	2117120377	Phạm Văn	Nam	23/11/1999	Nam	CCQ1712F	Thanh Hóa	80	6.34	Khá				
17	2117120385	Tạ Thị Thu	Phương	18/10/1999	Nữ	CCQ1712F	TP.HCM	80	6.10	Trung Bình				
18	2117120389	Trịnh Thị	Quyền	30/10/1999	Nữ	CCQ1712F	Đăk Lăk	80	6.69	Khá				
19	2117120414	Bùi Bảo	Tuyết	07/04/1999	Nữ	CCQ1712F	Khánh Hòa	80	5.99	Trung Bình				
20	2117120436	Trần Văn	Khoa	16/02/1999	Nam	CCQ1712G	Bình Định	80	6.23	Trung Bình				
21	2117120437	Phan Đức	Linh	01/02/1999	Nam	CCQ1712G	Đăk Lăk	80	5.94	Trung Bình				
22	2117120452	Nguyễn Thanh	Phong	06/06/1999	Nam	CCQ1712G	Long An	80	6.95	Khá				
23	2117200013	Lê Thanh	Hà	03/06/1998	Nam	CCQ1720A	Gia Lai	80	6.00	Trung Bình				
24	2117170096	Lê Đức	Hậu	09/02/1999	Nam	CCQ1720A	Lâm Đồng	80	6.29	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2117200038	Lê Nguyễn Nhật	Linh	01/05/1999	Nữ	CCQ1720A	Huế	80	6.46	Khá				
26	2117200066	Nguyễn Thị	Thảo	30/04/1999	Nữ	CCQ1720A	Thanh Hóa	80	5.84	Trung Bình				
27	2117200083	Ngô Ánh Mộng	Tuyền	04/12/1999	Nữ	CCQ1720A	Tiền Giang	80	6.48	Khá				
28	2117200115	Hoàng Đình	Long	04/07/1998	Nam	CCQ1720B	Đăk Lăk	82	5.75	Trung Bình				
29	2117200125	Vũ Ngọc Yến	Nhi	25/04/1999	Nữ	CCQ1720B	TP.HCM	80	6.51	Khá				
30	2117260021	Thái Thị Kim	Hoàn	14/11/1999	Nữ	CCQ1726A	Khánh Hòa	81	7.22	Khá				
31	2117260052	Võ Hoàng	Phúc	28/04/1999	Nam	CCQ1726A	Bình Định	80	6.49	Khá				
32	2117260053	Trương Thị Thanh	Phương	07/10/1999	Nữ	CCQ1726A	Đăk Lăk	80	6.66	Khá				
33	2117260090	Phạm Nguyễn Gia	Bảo	13/07/1999	Nam	CCQ1726B	Đồng Nai	81	6.70	Khá				
34	2117260106	Lê Nữ Hương	Giang	16/06/1999	Nữ	CCQ1726B	Phú Yên	80	6.65	Khá				
35	2117260142	Nguyễn Thị Tố	Quyên	03/09/1999	Nữ	CCQ1726B	Đăk Lăk	80	6.42	Khá				
36	2117260158	Phan Đỗ Việt	Trinh	08/03/1999	Nữ	CCQ1726B	Kiên Giang	81	6.34	Khá				
37	2117260159	Nguyễn Thanh	Trúc	10/01/1999	Nữ	CCQ1726B	Kiên Giang	82	6.52	Khá				
38	2117260165	Phạm Thanh	Tuấn	13/07/1998	Nam	CCQ1726B	Khánh Hòa	80	6.88	Khá				
39	2117260169	Nguyễn Chí	Vỹ	20/01/1999	Nam	CCQ1726B	Phú Yên	83	5.94	Trung Bình				
40	2117270155	Nguyễn Thị	Tiền	14/09/1997	Nữ	CCQ1727B	Quảng Ngãi	80	7.26	Khá				
41	2118120001	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	05/02/2000	Nữ	CCQ1812A	Bình Định	82	6.06	Trung Bình				
42	2118120017	Nguyễn Thị Ái	Hằng	01/01/2000	Nữ	CCQ1812A	Bình Thuận	82	6.21	Trung Bình				
43	2118120058	Đặng Thị Như	Quỳnh	23/04/2000	Nữ	CCQ1812A	Đăk Lăk	82	7.30	Khá				
44	2118120112	Nguyễn Vương	Huỳnh	18/11/2000	Nữ	CCQ1812B	Tây Ninh	82	6.27	Khá				
45	2118120117	Lê	Khôi	06/01/1998	Nam	CCQ1812B	BRVT	82	6.28	Khá				
46	2118120118	Nguyễn Tuấn	Kiệt	01/01/2000	Nam	CCQ1812B	Bình Định	82	6.51	Khá				
47	2118120120	Phan Thị	Lài	15/02/2000	Nữ	CCQ1812B	Bình Định	82	6.98	Khá				
48	2118120121	Nguyễn Thị Bích	Liễu	23/06/2000	Nữ	CCQ1812B	Đồng Nai	82	6.25	Khá				
49	2118120122	Phạm Thị Ái	Linh	10/04/2000	Nữ	CCQ1812B	Quảng Ngãi	82	6.64	Khá				
50	2118120130	Cao Thị Thanh	Ngân	02/09/2000	Nữ	CCQ1812B	Gia Lai	82	6.55	Khá				
51	2118120146	Hồ Thanh	Quyên	13/11/2000	Nữ	CCQ1812B	Bến Tre	82	7.53	Khá				
52	2118120170	Nguyễn Trần Nhật	Trâm	13/03/2000	Nữ	CCQ1812B	BRVT	82	6.38	Khá				
53	2118120189	Nguyễn Hữu	Đạt	12/03/2000	Nam	CCQ1812C	Phú Yên	82	6.68	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118120217	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	01/10/2000	Nữ	CCQ1812C	TP.HCM	82	7.02	Khá				
55	2118120222	Nguyễn Thị Thúy	Nhung	21/04/2000	Nữ	CCQ1812C	BRVT	82	6.57	Khá				
56	2118120228	Nguyễn Thị Linh	Phương	03/11/2000	Nữ	CCQ1812C	Phú Yên	82	6.71	Khá				
57	2118120234	Lê Thị Phương	Thanh	02/01/2000	Nữ	CCQ1812C	Phú Yên	82	6.61	Khá				
58	2118120243	Nguyễn Nhật	Thường	10/11/2000	Nữ	CCQ1812C	Quảng Ngãi	82	6.51	Khá				
59	2118120253	Nguyễn Thị Bích	Trâm	20/09/2000	Nữ	CCQ1812C	TP.HCM	82	6.87	Khá				
60	2118120261	Lê Thị Thu	Uyên	04/10/2000	Nữ	CCQ1812C	BRVT	82	7.25	Khá				
61	2118120264	Hồ Thị	Vân	12/08/2000	Nữ	CCQ1812C	Đăk Lăk	82	7.14	Khá				
62	2118120267	Tạ Ngọc Tường	Vy	16/09/2000	Nữ	CCQ1812C	Đồng Nai	82	6.14	Trung Bình				
63	2118120273	Đỗ Thị Kim	Dung	23/06/2000	Nữ	CCQ1812D	Bình Thuận	82	6.85	Khá				
64	2118120288	Phạm Minh	Hiếu	17/02/2000	Nam	CCQ1812D	Bình Phước	82	6.70	Khá				
65	2118120304	Trần Lê Thu	Ngân	08/12/2000	Nữ	CCQ1812D	TP.HCM	82	6.62	Khá				
66	2118120307	Nguyễn Hòa	Nhi	24/12/2000	Nữ	CCQ1812D	Quảng Ngãi	82	6.73	Khá				
67	2118120312	Nguyễn Thị Lâm	Như	02/08/2000	Nữ	CCQ1812D	Bình Định	82	6.17	Trung Bình				
68	2118120314	Bùi Hoàng	Phong	16/05/2000	Nam	CCQ1812D	Đồng Nai	82	6.66	Khá				
69	2118120324	Võ Văn	Thịnh	10/04/2000	Nam	CCQ1812D	Bình Thuận	82	6.68	Khá				
70	2118120338	Võ Thị Mai	Trinh	02/01/2000	Nữ	CCQ1812D	Bình Định	82	6.17	Trung Bình				
71	2118120351	Trần Từ	Vi	11/08/2000	Nữ	CCQ1812D	Bình Định	82	6.45	Khá				
72	2118120353	Bùi Long	Vũ	28/03/2000	Nam	CCQ1812D	Đăk Nông	84	6.38	Khá				
73	2118120355	Huỳnh Thị	Yến	11/06/2000	Nữ	CCQ1812D	An Giang	82	7.71	Khá				
74	2118120354	Trần Thị Diệu	Yến	02/01/2000	Nữ	CCQ1812D	Bình Thuận	82	6.95	Khá				
75	2118120370	Lưu Gia	Hân	10/09/2000	Nữ	CCQ1812E	Bạc Liêu	82	6.48	Khá				
76	2118120373	Trần Thị Thu	Hoa	26/04/1999	Nữ	CCQ1812E	TP.HCM	82	6.59	Khá				
77	2118120376	Đoàn Thị Kim	Hồng	15/04/2000	Nữ	CCQ1812E	BRVT	82	6.38	Khá				
78	2118120377	Trần Thị Thu	Hồng	26/04/1999	Nam	CCQ1812E	TP.HCM	82	6.59	Khá				
79	2118120378	Khương Trương	Huệ	02/05/2000	Nữ	CCQ1812E	Bình Thuận	82	6.08	Trung Bình				
80	2118120385	Thới Thị Kim	Liên	11/08/2000	Nữ	CCQ1812E	BRVT	82	6.27	Khá				
81	2118120404	Đỗ Thị	Phương	02/01/2000	Nữ	CCQ1812E	Thanh Hóa	82	6.13	Trung Bình				
82	2118120419	Lê Thị	Thoa	06/01/2000	Nữ	CCQ1812E	Bình Thuận	82	6.44	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2118120433	Võ Trần Kiều	Trinh	26/12/1999	Nữ	CCQ1812E	Bình Định	82	7.18	Khá				
84	2118120453	Nguyễn Thị	Diễm	02/06/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Định	82	6.26	Khá				
85	2118120456	Vương Lê Hoàng	Dung	28/12/2000	Nữ	CCQ1812F	Khánh Hòa	82	6.31	Khá				
86	2118120471	Trương Thị Mỹ	Hiền	23/07/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Định	82	7.04	Khá				
87	2118120480	Bùi Thị Thiên	Hương	29/11/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Thuận	82	6.38	Khá				
88	2118120479	Nguyễn Thị Diễm	Hương	10/04/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Định	82	6.41	Khá				
89	2118120483	Trần Thị Mỹ	Linh	05/01/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Định	82	6.73	Khá				
90	2118120496	Vũ Thị Minh	Phượng	23/06/2000	Nữ	CCQ1812F	Bình Phước	82	6.42	Khá				
91	2118120514	Văn Cẩm	Tiên	14/11/1999	Nữ	CCQ1812F	TP.HCM	82	8.12	Khá				
92	2118120529	Bùi Thị	Yến	05/05/2000	Nữ	CCQ1812F	Quảng Ngãi	82	5.99	Trung Bình				
93	2118120535	Nguyễn Thị Quế	Chi	06/05/2000	Nữ	CCQ1812G	Long An	82	6.15	Trung Bình				
94	2118120537	Lương Thị Ngọc	Diễm	10/10/2000	Nữ	CCQ1812G	Bình Định	84	6.31	Khá				
95	2118120542	Lê Quý	Dương	15/08/1999	Nam	CCQ1812G	Quảng Trị	82	6.14	Trung Bình				
96	2118120544	Đỗ Đức	Đạt	01/01/2000	Nam	CCQ1812G	Gia Lai	83	6.63	Khá				
97	2118120547	Lê Đức	Hải	24/01/1999	Nam	CCQ1812G	Đồng Nai	82	7.55	Khá				
98	2118120554	Lê Thị Thu	Hiền	11/10/2000	Nữ	CCQ1812G	Đăk Lăk	82	6.69	Khá				
99	2118120563	Trương Đình	Khanh	01/06/2000	Nam	CCQ1812G	Phú Yên	82	6.15	Trung Bình				
100	2118120564	Huỳnh Thị Ngọc	Lan	11/11/1999	Nữ	CCQ1812G	Đồng Nai	82	7.26	Khá				
101	2118120565	Chu Thị	Liên	22/05/2000	Nữ	CCQ1812G	Bình Phước	82	6.90	Khá				
102	2118120578	Huỳnh Thị Thái	Ngọc	26/03/1999	Nữ	CCQ1812G	Đồng Tháp	82	7.29	Khá				
103	2118120579	Trần Cao	Nguyên	19/05/1997	Nam	CCQ1812G	Gia Lai	82	7.79	Khá				
104	2118120586	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	22/02/2000	Nữ	CCQ1812G	Phú Yên	82	6.84	Khá				
105	2118120588	Nguyễn Thị	Phương	05/09/2000	Nữ	CCQ1812G	Hà Tĩnh	82	6.95	Khá				
106	2118120605	Bùi Thị Yến	Thi	21/12/2000	Nữ	CCQ1812G	Đăk Lăk	82	6.81	Khá				
107	2118120609	Lê Thị	Trang	12/03/2000	Nữ	CCQ1812G	Gia Lai	82	6.25	Khá				
108	2118120610	Nguyễn Lê Thùy	Trang	19/10/2000	Nữ	CCQ1812G	Bình Định	82	7.23	Khá				
109	2118120619	Ngô Thị	Xương	25/01/2000	Nữ	CCQ1812G	BRVT	82	7.55	Khá				
110	2118120631	Trần Đức	Đạt	29/10/2000	Nam	CCQ1812H	TP.HCM	84	6.86	Khá				
111	2118120633	Lê Ngọc Thu	Hàn	04/08/2000	Nữ	CCQ1812H	Phú Yên	82	7.43	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
112	2118120652	Nguyễn Thị	Linh	08/04/2000	Nữ	CCQ1812H	Hải Phòng	82	7.57	Khá				
113	2118120660	Nguyễn Thị Thảo	My	28/12/2000	Nữ	CCQ1812H	Tiền Giang	82	6.67	Khá				
114	2118120658	Trần Thị Hoài	My	17/08/2000	Nữ	CCQ1812H	BRVT	82	7.24	Khá				
115	2118120665	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	23/09/2000	Nữ	CCQ1812H	TP.HCM	82	7.29	Khá				
116	2118120823	Nguyễn Hoàng	Phát	07/10/2000	Nam	CCQ1812H	Long An	82	6.28	Khá				
117	2118120684	Mai Thị Thu	Thảo	03/01/2000	Nữ	CCQ1812H	BRVT	82	6.15	Trung Bình				
118	2118120686	Ngô Trọng	Thiên	18/07/2000	Nam	CCQ1812H	Bình Định	82	6.39	Khá				
119	2118120697	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	24/05/1999	Nữ	CCQ1812H	Tiền Giang	82	7.90	Khá				
120	2118120709	Phạm Hoàng	An	26/05/2000	Nam	CCQ1812I	Phú Yên	82	6.83	Khá				
121	2118120712	Trần Thị	Bình	14/10/2000	Nữ	CCQ1812I	Phú Yên	82	6.28	Khá				
122	2118120715	Nguyễn Thị Huỳnh	Chi	07/03/2000	Nữ	CCQ1812I	Bến Tre	82	7.35	Khá				
123	2118120727	Huỳnh Thị Sinh	Hiên	08/08/2000	Nữ	CCQ1812I	Phú Yên	83	6.71	Khá				
124	2118110029	Vũ Văn	Hoàng	10/09/2000	Nam	CCQ1812I	Bình Thuận	82	6.70	Khá				
125	2118120733	Trần Thị Thúy	Hồng	01/01/2000	Nữ	CCQ1812I	Lâm Đồng	83	6.36	Khá				
126	2118120737	Hồ Thị Ngọc	Hương	29/10/2000	Nữ	CCQ1812I	Bình Thuận	82	7.12	Khá				
127	2118120741	Tô Thanh	Lâm	07/03/2000	Nam	CCQ1812I	Tây Ninh	82	6.69	Khá				
128	2118120742	Nguyễn Thị Thùy	Linh	18/09/2000	Nữ	CCQ1812I	Lâm Đồng	82	6.70	Khá				
129	2118120744	Trương Thị Kim	Loan	20/03/2000	Nữ	CCQ1812I	Tiền Giang	82	6.76	Khá				
130	2118120747	Hàn Công	Minh	28/07/2000	Nam	CCQ1812I	Thanh Hóa	82	6.21	Trung Bình				
131	2118110287	Nguyễn Thành	Nam	11/06/2000	Nam	CCQ1812I	Bình Định	82	6.44	Khá				
132	2118120758	Nguyễn Tất	Phú	29/08/2000	Nam	CCQ1812I	Tiền Giang	82	6.39	Khá				
133	2118120764	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/03/2000	Nữ	CCQ1812I	Quảng Ngãi	82	6.30	Khá				
134	2118170210	Huỳnh Duy	Thái	28/09/2000	Nam	CCQ1812I	Bình Định	82	6.35	Khá				
135	2118170375	Nguyễn Xuân	Thìn	23/05/2000	Nam	CCQ1812I	Đăk Lăk	82	6.53	Khá				
136	2118120772	Đặng Hồng	Thủy	20/01/2000	Nữ	CCQ1812I	Quảng Ngãi	82	6.70	Khá				
137	2118170767	Đỗ Văn	Trường	16/04/2000	Nam	CCQ1812I	Quảng Ngãi	82	6.63	Khá				
138	2118120787	Nguyễn Thị Hoàng	Tuyết	10/03/2000	Nữ	CCQ1812I	Bình Định	82	7.10	Khá				
139	2118200023	Võ Phúc	Hậu	26/08/2000	Nam	CCQ1820A	Bình Định	82	6.07	Trung Bình				
140	2118200025	Lê Minh	Hiếu	13/02/2000	Nam	CCQ1820A	Bình Phước	82	6.95	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
141	2118200028	Lê Thị Việt	Họa	02/06/2000	Nữ	CCQ1820A	Bình Định	82	6.73	Khá				
142	2118200049	Phạm Thị Huyền	Ngân	05/10/1999	Nữ	CCQ1820A	Đồng Tháp	82	7.17	Khá				
143	2118200051	Trần Thị Bích	Ngọc	09/10/2000	Nữ	CCQ1820A	Bình Phước	82	7.05	Khá				
144	2118200057	Phạm Thị Yến	Nhi	08/10/2000	Nữ	CCQ1820A	Cần Thơ	82	7.77	Khá				
145	2118200059	Đặng Thị Hồng	Nhung	04/11/2000	Nữ	CCQ1820A	Long An	82	7.57	Khá				
146	2118200072	Nguyễn Thị Cẩm	Thi	20/07/2000	Nữ	CCQ1820A	Tây Ninh	82	6.65	Khá				
147	2118200078	Nguyễn Anh	Tuân	03/12/2000	Nam	CCQ1820A	Quảng Nam	82	6.74	Khá				
148	2118200082	Nguyễn Minh	Tùng	26/05/2000	Nam	CCQ1820A	Đồng Nai	83	6.23	Trung Bình				
149	2118200085	Trần Văn	Việt	30/12/2000	Nam	CCQ1820A	Bình Định	82	6.34	Khá				
150	2118200096	Võ Thị Kim	Châu	08/03/2000	Nữ	CCQ1820B	Lâm Đồng	84	7.30	Khá				
151	2118200100	Đặng Trần Ngọc	Diễm	19/11/2000	Nữ	CCQ1820B	Đồng Nai	82	7.67	Khá				
152	2118200106	Võ Sông	Hàn	04/04/1999	Nam	CCQ1820B	Quảng Ngãi	82	7.34	Khá				
153	2118200109	Trần Thị Thu	Hậu	16/07/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Định	83	6.30	Khá				
154	2118200113	Nguyễn Thị Ngọc	Hiệp	25/08/2000	Nữ	CCQ1820B	Đồng Nai	82	7.19	Khá				
155	2118200115	Nông Thị Thu	Hường	08/11/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Phước	84	6.98	Khá				
156	2118200118	Nguyễn Mỹ	Lai	02/10/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Thuận	82	6.59	Khá				
157	2118200036	Nguyễn Thị Thu	Liễu	19/06/2000	Nữ	CCQ1820B	Tiền Giang	82	6.64	Khá				
158	2118200140	Lê Hoàng	Phúc	26/07/2000	Nam	CCQ1820B	TP.HCM	82	7.30	Khá				
159	2118200144	Nguyễn Thị Bích	Phượng	07/12/2000	Nữ	CCQ1820B	Đồng Nai	82	6.80	Khá				
160	2118200145	Võ Thanh	Phượng	30/09/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Định	82	6.92	Khá				
161	2118200151	Lê Thị Thanh	Thủy	21/11/2000	Nữ	CCQ1820B	Ninh Thuận	82	7.24	Khá				
162	2118200160	Ngô Thị Tuyết	Trinh	13/05/2000	Nữ	CCQ1820B	Đồng Nai	82	7.61	Khá				
163	2118200166	Trần Thị Ánh	Tuyết	02/02/2000	Nữ	CCQ1820B	Bình Thuận	82	6.02	Trung Bình				
164	2118200168	Phạm Thị Kim	Tươi	25/03/2000	Nữ	CCQ1820B	Bến Tre	82	6.22	Trung Bình				
165	2118200182	Hồ Ngọc Thùy	Dương	03/11/2000	Nữ	CCQ1820C	Bình Phước	82	6.00	Trung Bình				
166	2118200185	Phạm Thị Hương	Giang	27/07/2000	Nữ	CCQ1820C	Đăk Lăk	82	7.15	Khá				
167	2118200190	Đào Đông	Hạ	11/04/2000	Nữ	CCQ1820C	Đồng Nai	86	6.48	Khá				
168	2118200193	Nguyễn Thị Thu	Hiền	19/02/2000	Nữ	CCQ1820C	Bình Định	82	6.89	Khá				
169	2118200202	Lê Quốc	Khương	18/11/2000	Nam	CCQ1820C	Bình Định	82	6.34	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
170	2118200205	Hồ Thị Hương	Lan	17/12/1999	Nữ	CCQ1820C	Bình Phước	82	6.63	Khá				
171	2118240022	Nguyễn Thị Khánh	Ly	23/04/2000	Nữ	CCQ1820C	BRVT	82	7.03	Khá				
172	2118200212	Nguyễn Hạ	My	27/09/2000	Nữ	CCQ1820C	Đồng Nai	82	6.58	Khá				
173	2118200219	Nguyễn Hồ Cẩm	Nguyên	01/03/1999	Nữ	CCQ1820C		82	6.74	Khá				
174	2118200226	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/04/1999	Nữ	CCQ1820C	Đăk Lăk	82	6.22	Trung Bình				
175	2118200235	Đinh Thị Minh	Phương	20/06/2000	Nữ	CCQ1820C	Bình Định	82	6.36	Khá				
176	2118200255	Hoàng Thị Minh	Trang	24/10/2000	Nữ	CCQ1820C	Đồng Nai	82	6.27	Khá				
177	2118200260	Văn Anh	Tuấn	25/03/2000	Nam	CCQ1820C	Quảng Trị	82	6.17	Trung Bình				
178	2118200263	Nguyễn Thị Tường	Vi	25/10/2000	Nữ	CCQ1820C	Bình Định	82	7.08	Khá				
179	2118200268	Trần Thị Kim	Yến	25/02/2000	Nữ	CCQ1820C	Đăk Lăk	82	7.97	Khá				
180	2118200272	Trần Thanh Kim	Châu	04/03/2000	Nữ	CCQ1820D	Ninh Thuận	82	7.13	Khá				
181	2118200273	Đoàn Thị Kiều	Dung	14/06/2000	Nữ	CCQ1820D	Đăk Lăk	82	5.99	Trung Bình				
182	2118200277	Ngô Thị	Đê	26/08/2000	Nữ	CCQ1820D	Ninh Thuận	82	7.31	Khá				
183	2118200279	Nguyễn Hương	Giang	10/10/2000	Nữ	CCQ1820D	Đăk Nông	82	6.91	Khá				
184	2118200288	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	25/10/2000	Nữ	CCQ1820D	Ninh Thuận	82	6.43	Khá				
185	2118200295	Châu Thị Thúy	Kiều	04/11/2000	Nữ	CCQ1820D	Tiền Giang	82	6.65	Khá				
186	2118200304	Thái Thị Thanh	Lựu	16/05/2000	Nữ	CCQ1820D	Bình Định	82	7.05	Khá				
187	2118200311	Trần Thị	Nhi	04/03/2000	Nữ	CCQ1820D	Bình Thuận	82	7.00	Khá				
188	2118200334	Trần Thị Thanh	Thùy	05/05/2000	Nữ	CCQ1820D	Đăk Lăk	82	7.56	Khá				
189	2118200335	Quang Thị Kim	Thủy	01/05/2000	Nữ	CCQ1820D	Bình Phước	82	6.89	Khá				
190	2118200340	Lê Thị Kim	Tiền	10/10/2000	Nữ	CCQ1820D	Gia Lai	82	6.28	Khá				
191	2118200343	Nguyễn Thị Thùy	Trang	24/07/2000	Nữ	CCQ1820D	Bình Định	82	6.57	Khá				
192	2118200357	Võ Thị Mến	Yên	11/01/2000	Nữ	CCQ1820D	Bến Tre	82	7.44	Khá				
193	2118260001	Lê Diệp	Ảnh	15/10/2000	Nữ	CCQ1826A	Khánh Hòa	82	7.75	Khá				
194	2118260008	Phạm Thị Mỹ	Duyên	23/05/2000	Nữ	CCQ1826A	Quảng Ngãi	82	6.78	Khá				
195	2118260011	Trương Tiến	Đạt	26/02/2000	Nam	CCQ1826A	Phú Yên	82	6.44	Khá				
196	2118260012	Trần Thị Ngọc	Điệp	29/04/2000	Nữ	CCQ1826A	Bến Tre	84	6.95	Khá				
197	2118260015	Đặng Thị	Định	18/01/2000	Nữ	CCQ1826A	Quảng Ngãi	82	6.84	Khá				
198	2118260017	Lê Thị Quỳnh	Giang	10/04/2000	Nữ	CCQ1826A	Quảng Ngãi	82	6.86	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
199	2118260020	Chế Thị Thúy	Hằng	10/09/2000	Nữ	CCQ1826A	Quảng Ngãi	82	6.22	Trung Bình				
200	2118260021	Nguyễn Thị	Hậu	20/01/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	6.69	Khá				
201	2118260025	Phan Nguyễn Ngọc	Hiệp	11/01/2000	Nữ	CCQ1826A	TP.HCM	82	7.40	Khá				
202	2118260027	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	20/01/2000	Nữ	CCQ1826A	Phú Yên	84	7.46	Khá				
203	2118260028	Phạm Minh	Hoàng	12/03/2000	Nam	CCQ1826A	Bình Định	82	6.22	Trung Bình				
204	2118260305	Nguyễn Thị	Huệ	08/07/2000	Nữ	CCQ1826A	Nghệ An	82	7.80	Khá				
205	2118260033	Phạm Thị Diễm	Kiều	18/02/1999	Nữ	CCQ1826A	Tiền Giang	82	6.51	Khá				
206	2118260034	Lê Bích	Lanh	08/10/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	6.64	Khá				
207	2118260044	Võ Thị Hoàng	My	30/04/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Thuận	82	6.70	Khá				
208	2118260047	Nguyễn Thị Kim	Ngân	24/06/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Phước	82	6.97	Khá				
209	2118260048	Nguyễn Thị Thu	Ngân	18/04/2000	Nữ	CCQ1826A	TP.HCM	82	6.45	Khá				
210	2118260049	Nguyễn Thị	Nguyên	04/11/2000	Nữ	CCQ1826A	Quảng Bình	82	6.95	Khá				
211	2118260053	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/09/2000	Nữ	CCQ1826A	Bến Tre	83	6.53	Khá				
212	2118260156	Đoàn Thị Quỳnh	Như	12/10/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	6.88	Khá				
213	2118260056	Lê Thị Mi	Ni	16/07/2000	Nữ	CCQ1826A	Phú Yên	82	7.06	Khá				
214	2118260065	Võ Ánh	Sáng	14/02/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	6.39	Khá				
215	2118260066	Phan Thị Hồng	Soan	08/10/2000	Nữ	CCQ1826A	Phú Yên	82	6.99	Khá				
216	2118260069	Nguyễn Thị Trọng	Tâm	20/03/2000	Nữ	CCQ1826A	BRVT	82	7.18	Khá				
217	2118260070	Nguyễn Bích	Thảo	20/01/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	6.49	Khá				
218	2118260075	Lê Thị Kim	Thoa	20/11/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	6.66	Khá				
219	2118260080	Trần Thị Thanh	Thủy	24/04/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Phước	82	7.22	Khá				
220	2118260081	Nguyễn Thị Kim	Thúy	18/03/1999	Nữ	CCQ1826A	Quảng Ngãi	82	7.05	Khá				
221	2118260083	Trần Nguyễn Mỹ	Tiên	09/09/1999	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	7.55	Khá				
222	2118260086	Lê Văn	Toàn	24/08/1999	Nam	CCQ1826A	Bình Định	82	6.56	Khá				
223	2118260092	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	01/03/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Thuận	84	6.96	Khá				
224	2118260093	Nguyễn Thị Hoài	Tú	22/01/2000	Nữ	CCQ1826A	BRVT	82	7.29	Khá				
225	2118260188	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	11/11/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Định	82	6.45	Khá				
226	2118260096	Đỗ Thị Tường	Vy	10/08/2000	Nữ	CCQ1826A	Ninh Thuận	82	6.65	Khá				
227	2118260098	Võ Thị Thu	Xuân	23/02/2000	Nữ	CCQ1826A	Bình Thuận	82	6.69	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
228	2118260102	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/07/2000	Nữ	CCQ1826B	Đăk Lăk	82	6.93	Khá				
229	2118260109	Nguyễn Thị	Duyên	19/03/2000	Nữ	CCQ1826B	Đồng Nai	82	7.21	Khá				
230	2118260108	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	29/10/2000	Nữ	CCQ1826B	Long An	82	7.18	Khá				
231	2118260110	Bùi Thị Bích	Dương	02/01/2000	Nữ	CCQ1826B	Đăk Lăk	82	6.83	Khá				
232	2118260111	Nguyễn Thị Hoàng	Đào	23/02/2000	Nữ	CCQ1826B	Long An	82	6.68	Khá				
233	2118260112	Trần Thị Mỹ	Đào	11/09/2000	Nữ	CCQ1826B	Phú Yên	83	6.37	Khá				
234	2118260115	Huỳnh Ngọc Mỹ	Hảo	12/01/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Định	82	6.57	Khá				
235	2118260116	Trần Quý	Hân	15/06/2000	Nam	CCQ1826B	Bình Định	84	6.87	Khá				
236	2118260118	Lê Thị	Hiệp	28/08/2000	Nữ	CCQ1826B	Quảng Ngãi	82	6.53	Khá				
237	2118260124	Thuận Thị	Huyền	10/05/2000	Nữ	CCQ1826B	Ninh Thuận	82	6.16	Trung Bình				
238	2118260126	Huỳnh Minh	Khương	10/08/2000	Nam	CCQ1826B	Bình Định	82	6.61	Khá				
239	2118260129	Chu Lệ	Linh	27/11/2000	Nữ	CCQ1826B	Đăk Nông	82	6.81	Khá				
240	2118260307	Nguyễn Thị Khánh	Linh	13/05/2000	Nữ	CCQ1826B		84	6.70	Khá				
241	2118260128	Trương Thị Kiều	Linh	16/01/2000	Nữ	CCQ1826B	Quảng Ngãi	82	6.54	Khá				
242	2118260132	Nguyễn Bá	Lộc	24/04/2000	Nam	CCQ1826B	Bình Định	82	6.29	Khá				
243	2118260136	Đỗ Thị Ly	Ly	14/12/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Định	84	6.56	Khá				
244	2118260142	Lê Huỳnh Hoàng	Mỹ	18/01/2000	Nữ	CCQ1826B	BRVT	82	6.46	Khá				
245	2118260154	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	06/02/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Dương	82	6.54	Khá				
246	2118260159	Phóng Din	Phấn	20/04/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Phước	82	6.62	Khá				
247	2118260161	Huỳnh Tấn	Phú	12/09/1999	Nam	CCQ1826B	Đăk Lăk	82	7.00	Khá				
248	2118260162	Huỳnh Thị Thu	Phương	06/08/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Định	82	7.04	Khá				
249	2118260163	Nguyễn	Phượng	04/11/1999	Nam	CCQ1826B	Ninh Thuận	82	7.00	Khá				
250	2118260165	Đoàn Thị Cẩm	Sương	20/11/2000	Nữ	CCQ1826B	Khánh Hòa	82	6.83	Khá				
251	2118260166	Trương Thị Thu	Sương	10/02/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Định	82	7.25	Khá				
252	2118260168	Khê Thị	Thảo	30/11/2000	Nữ	CCQ1826B	Ninh Thuận	82	6.54	Khá				
253	2118260170	Vũ Thị Thu	Thảo	19/10/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Phước	82	6.90	Khá				
254	2118260172	Phan Văn	Thông	06/06/2000	Nam	CCQ1826B	Bình Định	82	7.05	Khá				
255	2118260173	Nguyễn Thị	Thúy	07/11/1999	Nữ	CCQ1826B	Đồng Nai	82	7.27	Khá				
256	2118260174	Nguyễn Thị Anh	Thư	08/10/2000	Nữ	CCQ1826B	Đồng Tháp	82	7.21	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
257	2118260175	Nguyễn Thị Minh	Thư	04/01/2000	Nữ	CCQ1826B	Vĩnh Long	82	6.46	Khá				
258	2118260176	Phùng Thương	Thương	21/11/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Phước	82	7.16	Khá				
259	2118260178	Đỗ Vương Thy	Thy	12/09/2000	Nữ	CCQ1826B	TP.HCM	82	7.29	Khá				
260	2118260180	Trần Thị Thủy	Tiên	26/07/1999	Nữ	CCQ1826B	Đăk Nông	82	6.60	Khá				
261	2118260186	Trịnh Thị Mỹ	Trinh	09/07/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Định	82	6.82	Khá				
262	2118260189	Đàm Phương	Uyên	26/12/2000	Nữ	CCQ1826B	Đăk Lăk	83	6.36	Khá				
263	2118260191	Bùi Mai Trúc	Vi	01/02/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Định	82	7.11	Khá				
264	2118260194	Trương Nguyễn Phương	Vy	08/12/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Thuận	82	7.49	Khá				
265	2118260196	Bùi Thị	Xim	13/07/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Thuận	82	7.15	Khá				
266	2118260199	Phạm Mai Ngọc	Yến	23/06/2000	Nữ	CCQ1826B	Bình Thuận	84	6.93	Khá				
267	2118260201	Lê Thị Ngọc	Anh	14/01/2000	Nữ	CCQ1826C	Đăk Lăk	82	7.54	Khá				
268	2118260200	Nguyễn Minh	Anh	15/09/1999	Nữ	CCQ1826C	Bình Dương	82	7.00	Khá				
269	2118260208	Huỳnh Thị	Diên	12/06/2000	Nữ	CCQ1826C	Khánh Hòa	82	6.48	Khá				
270	2118100008	Trần Thị Bảo	Duyên	28/12/2000	Nữ	CCQ1826C	Phú Yên	82	7.12	Khá				
271	2118260211	Trương Mỹ	Duyên	24/02/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Định	82	6.47	Khá				
272	2118260214	Thái Thị Hồng	Điệp	12/05/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Định	82	6.45	Khá				
273	2118260219	Bùi Thị Diệu	Hằng	04/12/2000	Nữ	CCQ1826C	Khánh Hòa	82	7.10	Khá				
274	2118240087	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	10/11/2000	Nữ	CCQ1826C	Đồng Nai	82	7.06	Khá				
275	2118260225	Trần Nguyễn Kim	Khánh	12/07/2000	Nữ	CCQ1826C	Quảng Ngãi	82	6.89	Khá				
276	2118260227	Trương Trúc	Lâm	21/07/1998	Nữ	CCQ1826C	Tây Ninh	82	7.16	Khá				
277	2118260306	Nguyễn Duy	Lộc	24/08/2000	Nam	CCQ1826C	Bình Định	82	6.58	Khá				
278	2118260235	Phan Thị Út	Mận	19/08/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Định	82	7.43	Khá				
279	2118260236	Phạm Ngọc Diễm	My	23/06/2000	Nữ	CCQ1826C	Tây Ninh	82	7.28	Khá				
280	2118260238	Nguyễn Trung	Nghĩa	28/08/2000	Nam	CCQ1826C	Bình Định	82	6.59	Khá				
281	2118260250	Trương Thị Hoài	Ny	26/07/2000	Nữ	CCQ1826C	Bến Tre	82	7.27	Khá				
282	2118260251	Nguyễn Thị Thiên	Oanh	25/06/1993	Nữ	CCQ1826C	TP.HCM	82	7.10	Khá				
283	2118260256	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/09/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Định	82	6.89	Khá				
284	2118260267	Lý Thanh	Thảo	11/06/2000	Nữ	CCQ1826C	Sóc Trăng	82	7.18	Khá				
285	2118260276	Đặng Thị Lê	Thơ	31/10/2000	Nữ	CCQ1826C	Ninh Thuận	82	6.72	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
286	2118260277	Mai Thị	Thơm	04/04/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Định	82	6.62	Khá				
287	2118260278	Đoàn Thị Hồng	Thu	22/11/2000	Nữ	CCQ1826C	Long An	82	7.13	Khá				
288	2118240411	Châu Thị Thanh	Thúy	10/12/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Định	82	6.75	Khá				
289	2118260280	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/04/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Thuận	82	7.31	Khá				
290	2118260285	Trần Thu	Trang	24/06/2000	Nữ	CCQ1826C	Quảng Ngãi	82	7.02	Khá				
291	2118260287	Nguyễn Hồng	Trâm	19/12/2000	Nữ	CCQ1826C	Long An	82	7.10	Khá				
292	2118260290	Nguyễn Thị Như	Vân	19/07/2000	Nữ	CCQ1826C	Khánh Hòa	82	7.27	Khá				
293	2118260299	Hoàng Thị Như	Ý	14/09/2000	Nữ	CCQ1826C	Đăk Lăk	82	7.09	Khá				
294	2118260298	Nguyễn Thị	Yến	10/10/2000	Nữ	CCQ1826C	Bình Định	84	6.68	Khá				
295	2118270014	Phạm Thị Kim	Hoàn	04/05/2000	Nữ	CCQ1827A	Bình Phước	83	6.33	Khá				
296	2118270026	Nguyễn Thị Hồng	Loan	02/11/2000	Nữ	CCQ1827A	TP.HCM	82	6.91	Khá				
297	2118270030	Nguyễn Hà Thu	Ngân	15/06/2000	Nữ	CCQ1827A	TP.HCM	84	7.14	Khá				
298	2118270058	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	10/08/2000	Nữ	CCQ1827A		82	7.70	Khá				
299	2118270051	Nguyễn Minh	Tâm	26/12/2000	Nam	CCQ1827A	TP.HCM	82	7.32	Khá				
300	2118270055	Ngô Hồng	Thanh	27/01/2000	Nam	CCQ1827A	Tiền Giang	82	6.34	Khá				
301	2118270075	Ngô Hoàng Thảo	Uyên	04/07/2000	Nữ	CCQ1827A	Ninh Thuận	82	6.98	Khá				
302	2118270085	Lý Thị Thúy	An	22/07/2000	Nữ	CCQ1827B	An Giang	82	6.89	Khá				
303	2118270091	Nguyễn Lê Ái	Dung	09/11/2000	Nữ	CCQ1827B	Bình Định	82	6.64	Khá				
304	2118270095	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	19/04/1999	Nữ	CCQ1827B	Bình Phước	82	6.96	Khá				
305	2118270107	Huỳnh Thị Trúc	Hương	09/05/2000	Nữ	CCQ1827B	Tiền Giang	82	6.30	Khá				
306	2118270106	Võ Thị Thu	Hương	13/04/2000	Nữ	CCQ1827B	Tiền Giang	82	6.47	Khá				
307	2118270112	Phạm Thị Như	Lan	16/06/2000	Nữ	CCQ1827B	Bình Định	82	6.61	Khá				
308	2118270122	Nguyễn Huỳnh Xuân	Mai	28/02/2000	Nữ	CCQ1827B	Tiền Giang	82	6.59	Khá				
309	2118270126	Nguyễn Thụy Hồng	Ngọc	22/11/2000	Nữ	CCQ1827B	TP.HCM	82	7.33	Khá				
310	2118270131	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	24/01/2000	Nữ	CCQ1827B	Bình Định	82	7.04	Khá				
311	2118270148	Huỳnh Thị Thanh	Thủy	05/04/2000	Nữ	CCQ1827B	Quảng Ngãi	82	7.07	Khá				
312	2118270149	Hồ Thị Thanh	Thúy	12/10/2000	Nữ	CCQ1827B	Bình Định	82	6.76	Khá				
313	2118270158	Phạm Thị Thu	Trang	08/06/2000	Nữ	CCQ1827B	Đồng Nai	82	6.40	Khá				
314	2118270169	Phan Võ Quế	An	24/07/2000	Nữ	CCQ1827C	TP.HCM	82	7.60	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
315	2118270173	Nguyễn Văn	Chính	10/04/2000	Nam	CCQ1827C	Quảng Ngãi	82	6.27	Khá				
316	2118270188	Nguyễn Thị	Hưng	27/02/2000	Nữ	CCQ1827C	Bình Định	82	6.53	Khá				
317	2118270210	Nguyễn Như	Ngọc	30/10/2000	Nữ	CCQ1827C	TP.HCM	82	6.90	Khá				
318	2118270215	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	21/11/2000	Nữ	CCQ1827C	TP.HCM	82	6.43	Khá				
319	2118270214	Trình Ngọc Tuyết	Nhung	20/08/2000	Nữ	CCQ1827C	Ninh Thuận	82	6.68	Khá				
320	2118270232	Trần Thị Lệ	Thu	13/01/2000	Nữ	CCQ1827C	Phú Yên	82	6.66	Khá				
321	2118270234	Nguyễn Thị	Thùy	30/10/1999	Nữ	CCQ1827C	An Giang	82	6.50	Khá				
322	2118270238	Lương Thị	Thúy	12/10/2000	Nữ	CCQ1827C	Quảng Ngãi	82	7.10	Khá				
323	2118270245	Phan Thị	Trang	06/10/1999	Nữ	CCQ1827C	Đăk Lăk	82	7.30	Khá				
324	2118270248	Nguyễn Thị Huyền	Trân	27/10/2000	Nữ	CCQ1827C	Phú Yên	82	6.80	Khá				
325	2118270249	Lê Trần Tuyết	Trinh	08/08/2000	Nữ	CCQ1827C	Gia Lai	82	7.80	Khá				
326	2118270252	Trần Thị Mỹ	Uyên	05/06/2000	Nữ	CCQ1827C	BRVT	82	6.95	Khá				
327	2118270256	Phạm Thị Kim	Yến	04/03/2000	Nữ	CCQ1827C	Đồng Nai	82	6.44	Khá				
328	2118270260	Lê Thành	Danh	09/10/2000	Nam	CCQ1827D	Quảng Ngãi	82	6.72	Khá				
329	2118270342	Bá Nữ Huyền	Diệu	05/01/2000	Nữ	CCQ1827D		82	6.79	Khá				
330	2118270264	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	12/10/2000	Nữ	CCQ1827D	Bình Định	82	7.31	Khá				
331	2118270266	Nguyễn Hải	Dương	19/03/2000	Nam	CCQ1827D	Bình Định	82	7.06	Khá				
332	2118270276	Đỗ Công	Hậu	18/11/2000	Nam	CCQ1827D	Tiền Giang	82	6.49	Khá				
333	2118270282	Huỳnh Thị Lam	Hòa	18/02/2000	Nữ	CCQ1827D	Quảng Ngãi	82	6.75	Khá				
334	2118030081	Nguyễn Thành	Hòa	10/05/2000	Nam	CCQ1827D	Đồng Nai	82	6.52	Khá				
335	2118110352	Vương Thanh	Hòa	09/08/2000	Nam	CCQ1827D	Tiền Giang	82	6.44	Khá				
336	2118270285	Nguyễn Thị Mỹ	Kiều	21/12/2000	Nữ	CCQ1827D	Bình Định	82	7.56	Khá				
337	2118270292	Bùi Thị	Linh	06/03/2000	Nữ	CCQ1827D	Đăk Lăk	82	6.73	Khá				
338	2118270305	Nguyễn Thu	Nguyệt	26/09/2000	Nữ	CCQ1827D	Bình Định	82	6.45	Khá				
339	2118120417	Huỳnh Nguyễn Thanh	Thiện	21/09/1999	Nam	CCQ1827D	Bình Thuận	82	6.38	Khá				
340	2118170670	Nguyễn Văn	Tiền	04/02/2000	Nam	CCQ1827D	An Giang	82	6.95	Khá				
341	2118270329	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	16/09/2000	Nữ	CCQ1827D	Tiền Giang	82	6.45	Khá				
342	2118270348	Đinh Thị Tố	Uyên	26/05/2000	Nữ	CCQ1827D	Bình Định	82	6.97	Khá				
343	2119120001	Nguyễn Thị Ngọc	Ẩn	26/03/2001	Nữ	CCQ1912A	Phú Yên	82	6.78	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
344	2119120002	Lê Khả	Danh	09/08/2001	Nữ	CCQ1912A	Long An	82	6.65	Khá				
345	2119120003	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	20/04/2001	Nữ	CCQ1912A	Phú Yên	82	7.55	Khá				
346	2119120009	Nguyễn Thị Phượng	Loan	20/03/2001	Nữ	CCQ1912A	Tiền Giang	82	6.77	Khá				
347	2119120010	Nguyễn Thành	Luân	29/08/2001	Nam	CCQ1912A	Bình Phước	82	7.06	Khá				
348	2119120012	Phạm Hoàng Quỳnh	Ly	10/11/2001	Nữ	CCQ1912A	Quảng Ngãi	82	7.01	Khá				
349	2119120011	Trần Thị Phi	Ly	20/04/2001	Nữ	CCQ1912A	Quảng Ngãi	82	6.43	Khá				
350	2119120014	Võ Thị Kim	Ngân	01/11/1999	Nữ	CCQ1912A	Ninh Thuận	82	6.62	Khá				
351	2119120019	Hồ Thị	Tài	16/04/2001	Nữ	CCQ1912A	Đồng Nai	82	7.66	Khá				
352	2119120024	Phạm Quang	Thạch	24/04/2001	Nam	CCQ1912A	Bình Thuận	82	6.84	Khá				
353	2119120621	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21/12/2001	Nữ	CCQ1912A	Lâm Đồng	82	6.77	Khá				
354	2119120026	Lê Bùi Bích	Thủy	15/03/2001	Nữ	CCQ1912A	Bình Định	82	6.91	Khá				
355	2119120028	Nguyễn Thị	Tính	28/04/2001	Nữ	CCQ1912A	Bình Định	82	6.74	Khá				
356	2119120029	Lâm Ngọc Huỳnh	Trang	07/07/2001	Nữ	CCQ1912A	Sóc Trăng	82	7.09	Khá				
357	2119120030	Phạm Thị Bích	Trăm	12/11/2000	Nữ	CCQ1912A	Long An	82	7.60	Khá				
358	2119120035	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	10/05/2001	Nữ	CCQ1912A	Đồng Nai	82	7.16	Khá				
359	2119120037	Nguyễn Thị Kim	Chi	15/08/2001	Nữ	CCQ1912B	Phú Yên	82	7.01	Khá				
360	2119120040	Đặng Ngọc	Hà	16/08/2001	Nữ	CCQ1912B	Quảng Ngãi	82	6.50	Khá				
361	2119120041	Bùi Thị Ngọc	Hân	17/03/2001	Nữ	CCQ1912B	Bình Định	82	7.03	Khá				
362	2119120043	Nguyễn Thị Hoa	Hồng	02/03/2001	Nữ	CCQ1912B	Phú Yên	82	6.75	Khá				
363	2119120623	Lê Thị Thu	Huyền	07/11/2001	Nữ	CCQ1912B	Đồng Nai	82	7.22	Khá				
364	2119120045	Nguyễn Thị Thu	Hương	27/04/2001	Nữ	CCQ1912B	Phú Yên	82	7.24	Khá				
365	2119120047	Văn Thị Thanh	Lịch	07/05/2001	Nữ	CCQ1912B	Bình Định	82	6.77	Khá				
366	2119120049	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	12/06/2001	Nữ	CCQ1912B	Đồng Tháp	82	6.60	Khá				
367	2119120057	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	21/01/2001	Nữ	CCQ1912B	Bình Định	82	6.70	Khá				
368	2119120059	Trần Phước Chánh	Tâm	04/03/2001	Nam	CCQ1912B	BRVT	82	6.51	Khá				
369	2119120061	Ngô Thị Hương	Thanh	30/11/2001	Nữ	CCQ1912B	Bình Phước	82	7.36	Khá				
370	2119120064	Lê Thị Mỹ	Thuận	03/04/2001	Nữ	CCQ1912B	Bình Định	82	7.17	Khá				
371	2119120065	Võ Thị Anh	Thư	23/05/2001	Nữ	CCQ1912B	Long An	82	7.36	Khá				
372	2119120071	Nguyễn Phương	Cầm	10/12/2001	Nữ	CCQ1912C	Phú Yên	82	6.91	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
373	2119120072	Phan Ngọc Trang	Châu	27/11/2001	Nữ	CCQ1912C	Tiền Giang	82	6.75	Khá				
374	2119120074	Mai Lê	Diễm	14/04/2001	Nữ	CCQ1912C	Quảng Ngãi	82	6.70	Khá				
375	2119120075	Trần Thị Mỹ	Diệu	29/07/2001	Nữ	CCQ1912C	Huế	82	6.76	Khá				
376	2119120077	Mai Thị Thùy	Dương	08/08/2001	Nữ	CCQ1912C	Bến Tre	82	7.25	Khá				
377	2119120079	Đặng Tiến	Đạt	18/03/2001	Nam	CCQ1912C	Bình Định	82	6.62	Khá				
378	2119120083	Nguyễn Minh	Hiếu	22/02/2001	Nam	CCQ1912C	Đồng Nai	82	6.66	Khá				
379	2119120084	Trương Thị Cẩm	Huệ	22/03/2001	Nữ	CCQ1912C	Đồng Nai	82	7.12	Khá				
380	2119120088	Trương Thị Thanh	Ngân	12/10/2001	Nữ	CCQ1912C	TP.HCM	82	6.97	Khá				
381	2119120090	Nguyễn Thị Thanh	Nhung	29/10/2001	Nữ	CCQ1912C	Quảng Ngãi	82	6.50	Khá				
382	2119120092	Nguyễn Thị Ngọc	Quyền	11/02/2001	Nữ	CCQ1912C	Bình Thuận	82	6.92	Khá				
383	2119120093	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	04/05/2001	Nữ	CCQ1912C	Quảng Ngãi	82	6.74	Khá				
384	2119120094	Lê Thị Thanh	Tâm	22/07/2001	Nữ	CCQ1912C	Bình Định	82	7.11	Khá				
385	2119120095	Trần Huỳnh Phương	Thanh	30/06/2001	Nữ	CCQ1912C	Bình Thuận	82	6.47	Khá				
386	2119120099	Nguyễn Ngọc	Tính	02/07/2001	Nam	CCQ1912C	Bình Định	82	6.39	Khá				
387	2119120101	Huỳnh Thị Thanh	Trang	20/12/2000	Nữ	CCQ1912C	Bình Định	82	6.88	Khá				
388	2119120103	Nguyễn Đình	Triều	15/07/2001	Nam	CCQ1912C	Phú Yên	82	7.31	Khá				
389	2119120109	Đinh Thị Hương	Giang	03/04/2001	Nữ	CCQ1912D	Gia Lai	82	6.59	Khá				
390	2119120111	Huỳnh Thị Danh	Hận	07/04/2001	Nữ	CCQ1912D	Phú Yên	82	6.67	Khá				
391	2119120116	Hoàng Trần	Huy	15/10/2000	Nam	CCQ1912D	Đăk Lăk	82	6.63	Khá				
392	2119120117	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	28/09/2001	Nữ	CCQ1912D	Bình Phước	82	6.46	Khá				
393	2119120119	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	08/10/2001	Nữ	CCQ1912D	Bến Tre	82	7.95	Khá				
394	2119120120	Trần Thị	Hương	30/11/2001	Nữ	CCQ1912D	Thanh Hóa	82	7.29	Khá				
395	2119120122	Trần Thị	Lắm	10/01/2001	Nữ	CCQ1912D	Bình Thuận	82	7.01	Khá				
396	2119120124	Lương Thị	Luận	20/08/2001	Nữ	CCQ1912D	Bình Định	82	7.51	Khá				
397	2119120127	Đỗ Thị Bích	Phương	12/02/2001	Nữ	CCQ1912D	Gia Lai	82	6.55	Khá				
398	2119120130	Trần Đình	Thái	30/05/2000	Nam	CCQ1912D	Đăk Lăk	82	7.81	Khá				
399	2119120133	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/02/2001	Nữ	CCQ1912D	Bình Định	82	7.05	Khá				
400	2119120134	Hoàng Thị Minh	Thư	17/06/2001	Nữ	CCQ1912D	Đồng Nai	82	6.54	Khá				
401	2119120141	Hoàng Công	Anh	12/07/2001	Nam	CCQ1912E	Nghệ An	82	7.09	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
402	2119120154	Trần Thị Tuyết	Ngân	29/07/2001	Nữ	CCQ1912E	Bình Định	82	6.88	Khá				
403	2119120158	Phạm Thị Như	Quỳnh	08/06/2001	Nữ	CCQ1912E	Tiền Giang	82	7.61	Khá				
404	2119120159	Đặng Thị Hồng	Thắm	06/02/2001	Nữ	CCQ1912E	Bình Định	82	7.01	Khá				
405	2119120164	Bùi Thị Trúc	Thương	03/11/2001	Nữ	CCQ1912E	Tiền Giang	82	7.37	Khá				
406	2119120163	Trần Thị Ái	Thương	27/01/2001	Nữ	CCQ1912E	Bình Định	82	7.23	Khá				
407	2119120166	Mai Thủy	Tiên	08/10/2001	Nữ	CCQ1912E	Bình Phước	82	6.91	Khá				
408	2119120169	Lê Thị	Trúc	20/01/2001	Nữ	CCQ1912E	Bình Định	82	7.16	Khá				
409	2119060005	Nguyễn Thị Kim	Duyên	17/11/2001	Nữ	CCQ1912F	Bình Thuận	82	7.24	Khá				
410	2119120631	Lê Huy	Hiệu	22/06/2000	Nam	CCQ1912F	Lâm Đồng	82	6.79	Khá				
411	2119120183	Trần Thị Xuân	Hoa	12/01/2001	Nữ	CCQ1912F	Đăk Lăk	82	6.76	Khá				
412	2119120186	Nguyễn Thị	Huệ	11/05/2001	Nữ	CCQ1912F	Đăk Lăk	82	6.78	Khá				
413	2119120188	Trương Thị Thanh	Huyền	02/04/2001	Nữ	CCQ1912F	Bình Phước	82	6.91	Khá				
414	2119120194	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	04/06/2000	Nữ	CCQ1912F	BRVT	82	6.39	Khá				
415	2119120196	Lý Thị Kiều	Oanh	01/05/2001	Nữ	CCQ1912F	Bình Phước	82	7.79	Khá				
416	2119120202	Nguyễn Thị Kim	Thùy	17/11/2001	Nữ	CCQ1912F	Bình Thuận	82	7.21	Khá				
417	2119120208	Nguyễn Thị	Trang	23/03/2000	Nữ	CCQ1912F	Nghệ An	82	7.56	Khá				
418	2119120213	Nguyễn Thị	Hằng	05/09/2000	Nữ	CCQ1912G	Quảng Bình	82	7.54	Khá				
419	2119120219	Huỳnh Thị Trúc	Linh	10/09/2001	Nữ	CCQ1912G	Cà Mau	82	7.50	Khá				
420	2119120221	Lê Ái	Mi	25/01/2001	Nữ	CCQ1912G	Cà Mau	82	7.51	Khá				
421	2119120223	Võ Thị Bích	Ngọc	15/01/2000	Nữ	CCQ1912G	Phú Yên	82	7.03	Khá				
422	2119120229	Vy Thanh	Thảo	19/02/2001	Nữ	CCQ1912G	TP.HCM	82	7.01	Khá				
423	2119120632	Nguyễn Huy	Thông	20/04/2001	Nam	CCQ1912G	Tây Ninh	82	7.03	Khá				
424	2119120232	Đặng Sơn Minh	Thư	10/07/2001	Nữ	CCQ1912G	Sóc Trăng	82	6.94	Khá				
425	2119120234	Lê Thiện	Tích	30/10/2001	Nam	CCQ1912G	Phú Yên	82	6.64	Khá				
426	2119120242	Lê Hàn	Vi	16/04/2001	Nữ	CCQ1912G	Bình Định	82	6.65	Khá				
427	2119120635	Nguyễn Thị	Diễm	02/11/2001	Nữ	CCQ1912H	Bình Định	82	7.02	Khá				
428	2119120252	Lê Thanh	Hiển	17/04/1998	Nam	CCQ1912H	Đồng Nai	82	6.69	Khá				
429	2119120636	Vũ Thị	Hòe	12/07/1999	Nữ	CCQ1912H	Hải Dương	82	7.95	Khá				
430	2119120253	Nguyễn Minh	Huy	20/10/2001	Nam	CCQ1912H	Bến Tre	82	8.06	Giỏi				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
431	2119120259	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/08/2001	Nữ	CCQ1912H	Đồng Nai	82	6.88	Khá				
432	2119120258	Nguyễn Thùy	Linh	22/06/2001	Nữ	CCQ1912H	Đồng Nai	82	6.81	Khá				
433	2119120260	Trần Thụy Thanh	Loan	16/04/2001	Nữ	CCQ1912H	BRVT	82	6.74	Khá				
434	2119120261	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	13/11/2001	Nữ	CCQ1912H	BRVT	82	6.64	Khá				
435	2119120263	Nguyễn Thị Thu	Ngân	20/03/2001	Nữ	CCQ1912H	Long An	82	6.65	Khá				
436	2119120271	Đỗ Thị Thanh	Thùy	16/04/2001	Nữ	CCQ1912H	Quảng Ngãi	82	6.93	Khá				
437	2119120270	Phạm Phương	Thùy	03/12/2001	Nữ	CCQ1912H	Bình Dương	82	7.05	Khá				
438	2119120272	Trương Thị Thanh	Thủy	05/03/2001	Nữ	CCQ1912H	Tiền Giang	82	6.90	Khá				
439	2119120280	Nguyễn Thanh	Tuyền	19/01/2001	Nữ	CCQ1912H	Vĩnh Long	82	6.64	Khá				
440	2119120281	Lê Thị Phương	Anh	19/12/2001	Nữ	CCQ1912I	BRVT	82	7.69	Khá				
441	2119120282	Lưu Chí	Bình	27/01/2001	Nam	CCQ1912I	Bình Phước	82	7.42	Khá				
442	2119120288	Nguyễn Thị	Hiếu	25/11/2001	Nữ	CCQ1912I	Bình Định	82	6.78	Khá				
443	2119120289	Nguyễn Thị Xuân	Hiếu	18/07/2001	Nữ	CCQ1912I	Bình Định	82	7.02	Khá				
444	2119120290	Hoàng Thị Kim	Hương	29/09/2001	Nữ	CCQ1912I	TP.HCM	82	6.70	Khá				
445	2119120291	Nguyễn Thị Kim	Hường	12/06/2001	Nữ	CCQ1912I	Đăk Lăk	82	6.68	Khá				
446	2119120296	Đoàn Trần	Minh	22/11/1999	Nam	CCQ1912I	BRVT	82	7.21	Khá				
447	2119120297	Nguyễn Thị Tuyết	My	26/04/2001	Nữ	CCQ1912I	Đăk Lăk	82	7.01	Khá				
448	2119120300	Đỗ Thị Thảo	Ngân	08/09/2001	Nữ	CCQ1912I	Đồng Nai	82	7.06	Khá				
449	2119120299	Võ Nguyễn Kim	Ngân	28/08/2001	Nữ	CCQ1912I	TP.HCM	82	7.22	Khá				
450	2119120302	Nguyễn Văn	Phú	22/12/2001	Nam	CCQ1912I	Huế	82	6.83	Khá				
451	2119120303	Nguyễn Thiên	Phước	01/02/2001	Nam	CCQ1912I	Quảng Ngãi	82	6.71	Khá				
452	2119120309	Doãn Phúc	Thiện	09/02/1999	Nam	CCQ1912I	TP.HCM	82	7.01	Khá				
453	2119120310	Nguyễn Thị Lệ	Thu	26/08/2001	Nữ	CCQ1912I	Bình Định	82	6.36	Khá				
454	2119120312	Nguyễn Thị Cẩm	Tiến	16/10/2001	Nữ	CCQ1912I	BRVT	82	7.59	Khá				
455	2119120315	Trịnh Thị Kim	Tuyền	06/04/1999	Nữ	CCQ1912I	Quảng Ngãi	82	6.91	Khá				
456	2119120639	Ngô Thị	Vui	26/12/2000	Nữ	CCQ1912I	Đăk Lăk	82	6.84	Khá				
457	2119120322	Phạm Hữu	Đan	26/05/2001	Nam	CCQ1912J	An Giang	82	7.00	Khá				
458	2119120323	Nguyễn Văn	Đồng	11/07/2001	Nam	CCQ1912J	Quảng Ngãi	82	7.51	Khá				
459	2119120326	Nguyễn Thị	Huệ	06/11/2001	Nữ	CCQ1912J	Bình Định	82	7.34	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
460	2119120328	Nguyễn Văn	Hùng	13/04/2001	Nam	CCQ1912J	Gia Lai	82	6.88	Khá				
461	2119120331	Nguyễn Thị	Linh	09/06/2001	Nữ	CCQ1912J	Bình Định	82	7.15	Khá				
462	2119120345	Vỏ Thị Cẩm	Tiên	19/08/2001	Nữ	CCQ1912J	Long An	82	7.12	Khá				
463	2119120348	Nông Thị Hồng	Vân	08/04/2001	Nữ	CCQ1912J	Lâm Đồng	82	7.64	Khá				
464	2119120350	Trương Thị Như	Ý	30/10/2001	Nữ	CCQ1912J	Bình Thuận	82	6.60	Khá				
465	2119120349	Đoàn Thị Hải	Yến	01/01/2001	Nữ	CCQ1912J	Lâm Đồng	82	6.97	Khá				
466	2119120352	Trần Nguyễn Phi	Du	07/03/2001	Nam	CCQ1912K	Long An	82	7.94	Khá				
467	2119120353	Nguyễn Hữu	Huy	26/02/2001	Nam	CCQ1912K	TP.HCM	82	7.18	Khá				
468	2119120354	Lê Mai	Khanh	07/06/2000	Nữ	CCQ1912K	Lâm Đồng	82	6.44	Khá				
469	2119120357	Phạm Thị	Liên	09/10/2001	Nữ	CCQ1912K	Đồng Nai	82	6.87	Khá				
470	2119120359	Lê Quang	Long	20/01/2001	Nam	CCQ1912K	Bến Tre	82	6.65	Khá				
471	2119120362	Nguyễn Thị Thu	Nga	27/11/2001	Nữ	CCQ1912K	Đăk Lăk	82	6.51	Khá				
472	2119120364	Bùi Thị Yến	Nhi	05/05/2001	Nữ	CCQ1912K	Bình Định	82	7.20	Khá				
473	2119120642	Hồ Thị	Phương	19/09/2001	Nữ	CCQ1912K	Đăk Lăk	82	6.81	Khá				
474	2119120370	Phạm Chí	Thành	16/06/2001	Nam	CCQ1912K	TP.HCM	82	7.69	Khá				
475	2119120375	Nguyễn Trường	Tồn	16/04/2001	Nam	CCQ1912K	Đăk Lăk	82	7.30	Khá				
476	2119120376	Huỳnh Thị	Trang	17/10/2001	Nữ	CCQ1912K	Tây Ninh	82	7.16	Khá				
477	2119120378	Lê Thanh	Tuấn	18/01/2001	Nam	CCQ1912K	Long An	82	6.56	Khá				
478	2119120380	Đỗ Thị Tường	Vi	21/10/2001	Nữ	CCQ1912K	Bình Định	82	7.28	Khá				
479	2119120385	Nguyễn Thị Ngọc Như	Ý	18/11/2001	Nữ	CCQ1912K	Bình Định	82	7.24	Khá				
480	2119120384	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	16/10/2001	Nữ	CCQ1912K	Bình Định	82	6.49	Khá				
481	2119120383	Trần Thị Kim	Yến	16/06/2001	Nữ	CCQ1912K	Ninh Thuận	82	7.06	Khá				
482	2119120394	Nguyễn Thị Thanh	Liêm	19/10/2001	Nữ	CCQ1912L	Tây Ninh	82	7.45	Khá				
483	2119120395	Vũ Nguyễn Khánh	Linh	04/08/2001	Nữ	CCQ1912L	Đồng Nai	82	7.32	Khá				
484	2119120402	Nguyễn Thị Mị	Nương	12/09/2001	Nữ	CCQ1912L	Long An	82	8.19	Giỏi				
485	2119120406	Nguyễn Thị Ngọc	Thắm	01/01/2000	Nữ	CCQ1912L	Tiền Giang	82	6.80	Khá				
486	2119120643	Phạm Thị	Thi	03/05/2001	Nữ	CCQ1912L	Bến Tre	82	7.29	Khá				
487	2119120411	Nguyễn Thị Thảo	Trâm	20/10/2001	Nữ	CCQ1912L	Quảng Ngãi	82	6.96	Khá				
488	2119120410	Trương Thị Ngọc	Trâm	22/08/2001	Nữ	CCQ1912L	Đồng Nai	82	6.75	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
489	2119120421	Nguyễn Hùng	Anh	20/05/1999	Nam	CCQ1912LA	Bình Thuận	87	8.17	Giỏi				
490	2119120423	Nguyễn Tuấn	Anh	05/03/2001	Nam	CCQ1912LA	Thanh Hóa	87	7.13	Khá				
491	2119120424	Hồ Thị	Châu	12/05/2001	Nữ	CCQ1912LA	Đăk Lăk	87	7.61	Khá				
492	2119120426	Trần Thị Thu	Hà	01/09/2001	Nữ	CCQ1912LA	Đăk Lăk	87	8.18	Giỏi				
493	2119120429	Bùi Thị Bích	Ngân	11/11/2001	Nữ	CCQ1912LA	TP.HCM	87	7.67	Khá				
494	2119120430	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	25/11/2001	Nữ	CCQ1912LA	Bình Thuận	87	7.04	Khá				
495	2119120431	Phạm Thị Yến	Nhi	17/04/2001	Nữ	CCQ1912LA	Bến Tre	87	8.10	Giỏi				
496	2119120432	Phạm Thị Cẩm	Nhung	21/05/2001	Nữ	CCQ1912LA	Đồng Nai	87	7.20	Khá				
497	2119120434	Phạm Thu	Phương	31/12/2001	Nữ	CCQ1912LA	BRVT	87	7.96	Khá				
498	2119120441	Trần Lưu Ngọc	Trà	22/12/2001	Nữ	CCQ1912LA	Đăk Lăk	87	8.01	Giỏi				
499	2119120442	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	11/11/2001	Nữ	CCQ1912LA	BRVT	87	7.16	Khá				
500	2119120444	Nguyễn Hồng	Vân	13/03/2001	Nữ	CCQ1912LA	Tiền Giang	87	7.08	Khá				
501	2119120451	Nguyễn Lê Ngọc	Hiền	01/07/2001	Nam	CCQ1912M	Bình Thuận	82	6.63	Khá				
502	2119120453	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	18/03/2001	Nữ	CCQ1912M	Bình Thuận	82	6.75	Khá				
503	2119120454	Phạm Thị Quỳnh	Hương	10/06/2001	Nữ	CCQ1912M	Bình Thuận	82	6.84	Khá				
504	2119120456	Lê Thị Thúy	Liễu	09/09/2001	Nữ	CCQ1912M	Sóc Trăng	82	7.91	Khá				
505	2119120459	Đặng Thị Ánh	Ngọc	12/09/2001	Nữ	CCQ1912M	Đồng Nai	82	7.62	Khá				
506	2119120463	Đinh Ngọc	Nhi	30/06/2001	Nữ	CCQ1912M	Đồng Nai	82	7.30	Khá				
507	2119120466	Đặng Thị Ngọc	Như	03/12/2001	Nữ	CCQ1912M	BRVT	82	7.67	Khá				
508	2119120472	Huỳnh Thị	Thúy	10/02/2001	Nữ	CCQ1912M	Bình Định	82	8.04	Giỏi				
509	2119120469	Trương Tiểu	Thuyền	17/03/2001	Nữ	CCQ1912M	Long An	82	7.23	Khá				
510	2119120499	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	17/01/2001	Nữ	CCQ1912N	TP.HCM	82	7.58	Khá				
511	2119120505	Võ Thị Thu	Thương	26/10/2001	Nữ	CCQ1912N	Quảng Ngãi	82	7.20	Khá				
512	2119110269	Lê Anh	Trí	01/11/2001	Nam	CCQ1912N	Bình Định	82	7.26	Khá				
513	2119120515	Lê Ngọc	Anh	07/12/2001	Nữ	CCQ1912O	Tây Ninh	82	7.29	Khá				
514	2119120516	Phạm Thị Ngọc	Ánh	04/06/2001	Nữ	CCQ1912O	Quảng Ngãi	82	6.95	Khá				
515	2119120518	Võ Đức	Ân	30/06/2001	Nam	CCQ1912O	Phú Yên	82	6.40	Khá				
516	2119120521	Lưu Thị Diễm	Hằng	20/10/1999	Nữ	CCQ1912O	Ninh Thuận	82	6.90	Khá				
517	2119120525	Phạm Thị Mỹ	Kiều	06/11/2001	Nữ	CCQ1912O	Bình Định	82	7.34	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
518	2119120529	Trần Tú	Loan	04/05/2001	Nữ	CCQ1912O	Quảng Bình	82	7.12	Khá				
519	2119030157	Nguyễn Huỳnh	Nhất	12/12/2001	Nam	CCQ1912O	Phú Yên	82	6.99	Khá				
520	2119120534	Nguyễn Văn	Nhật	20/10/2000	Nam	CCQ1912O	Gia Lai	82	6.45	Khá				
521	2119100085	Huỳnh Trần Quỳnh	Như	25/03/1999	Nữ	CCQ1912O	Phú Yên	82	7.23	Khá				
522	2119110196	Bùi Thị Thu	Thủy	26/09/2001	Nữ	CCQ1912O	Bình Định	82	6.78	Khá				
523	2119120540	Võ Thị Thu	Thủy	25/08/2001	Nữ	CCQ1912O	Phú Yên	82	7.26	Khá				
524	2119120542	Lê Đào Bảo	Trân	27/04/2001	Nữ	CCQ1912O	Long An	82	6.53	Khá				
525	2119120543	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	27/11/2001	Nữ	CCQ1912O	Lâm Đồng	82	7.04	Khá				
526	2119110099	Nguyễn Tấn	Vũ	08/04/2001	Nam	CCQ1912O	Bình Định	82	6.62	Khá				
527	2119120552	Tô Võ Hoài	Diễm	02/08/2000	Nữ	CCQ1912P	TP.HCM	82	7.11	Khá				
528	2119120554	Đặng Thị Thu	Én	20/01/2001	Nữ	CCQ1912P	Bình Định	82	7.20	Khá				
529	2119120558	Nguyễn Thị Ngọc	Hậu	10/04/2001	Nữ	CCQ1912P	Phú Yên	82	6.99	Khá				
530	2119120560	Dương Tuấn	Khanh	20/10/2001	Nam	CCQ1912P	Tây Ninh	82	7.36	Khá				
531	2119120565	Trần Quỳnh	Như	19/08/2001	Nữ	CCQ1912P	Bình Định	82	6.35	Khá				
532	2119260192	Dương Ngọc	Thay	19/12/2001	Nữ	CCQ1912P	Phú Yên	82	6.68	Khá				
533	2119120585	Võ Thị Kim	Anh	04/09/2001	Nữ	CCQ1912Q	Đồng Tháp	82	6.39	Khá				
534	2119120588	Đỗ Thị Ngọc	Diễm	24/03/2001	Nữ	CCQ1912Q	Bình Định	82	7.60	Khá				
535	2119120590	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	20/04/2000	Nữ	CCQ1912Q	Đồng Nai	82	7.28	Khá				
536	2119120592	Trương Thanh	Hiền	24/11/2001	Nữ	CCQ1912Q	TP.HCM	82	7.21	Khá				
537	2119120600	Trần Thị Thu	Nguyệt	26/02/2001	Nữ	CCQ1912Q	Quảng Ngãi	82	6.55	Khá				
538	2119130071	Bùi Thị Yến	Nhi	30/09/2001	Nữ	CCQ1912Q	Bình Định	82	7.09	Khá				
539	2119120607	Vũ Thị	Thơm	02/06/2001	Nữ	CCQ1912Q	Lâm Đồng	82	7.40	Khá				
540	2119120650	Phan Thị Hồng	Thủy	24/07/2001	Nữ	CCQ1912Q	Bình Định	82	7.21	Khá				
541	2119120610	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	15/04/2001	Nữ	CCQ1912Q	Đồng Tháp	82	6.61	Khá				
542	2119120613	Phạm Ngọc	Trường	23/11/2001	Nam	CCQ1912Q	TP.HCM	82	6.81	Khá				
543	2119200001	Nguyễn Thị Hồng	Chi	07/07/2001	Nữ	CCQ1920A	Bình Định	82	6.80	Khá				
544	2119200005	Thân Thị Thúy	Giang	05/08/2001	Nữ	CCQ1920A	Bình Định	82	7.31	Khá				
545	2119200006	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/11/2001	Nữ	CCQ1920A	Bình Định	82	7.20	Khá				
546	2119100004	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22/04/2001	Nữ	CCQ1920A	Quảng Ngãi	82	7.17	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
547	2119200009	Trần Thị	Hương	21/03/2001	Nữ	CCQ1920A	Bình Định	82	7.69	Khá				
548	2119200010	Hồ Nhật	Khang	26/04/2001	Nam	CCQ1920A	Tây Ninh	82	7.04	Khá				
549	2119200011	Trần Văn	Lâm	25/01/2001	Nam	CCQ1920A	Bình Định	82	6.70	Khá				
550	2119200017	Đoàn Thị Bích	Ngọc	18/02/2001	Nữ	CCQ1920A	BRVT	82	7.61	Khá				
551	2119200021	Huỳnh	Như	19/02/2001	Nữ	CCQ1920A	Bình Định	82	6.71	Khá				
552	2119200022	Phạm Thị Mỹ	Nữ	25/04/2001	Nữ	CCQ1920A	Bình Định	82	7.02	Khá				
553	2119200024	Nguyễn Thị Mỹ	Phượng	15/06/2001	Nữ	CCQ1920A	Phú Yên	82	6.96	Khá				
554	2119200026	Phạm Lê Đức	Thịnh	09/04/2001	Nam	CCQ1920A	Quảng Ngãi	82	6.88	Khá				
555	2119200027	Văn Thị Mỹ	Thùy	15/05/2001	Nữ	CCQ1920A	Bình Định	82	7.50	Khá				
556	2119200028	Ngô Thị Thanh	Thúy	12/03/2001	Nữ	CCQ1920A	Bình Định	82	6.90	Khá				
557	2119200029	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	05/03/2001	Nữ	CCQ1920A	Tây Ninh	82	6.92	Khá				
558	2119200036	Nguyễn Thị Kim	Duyên	09/05/2001	Nữ	CCQ1920B	Bình Định	82	6.48	Khá				
559	2119200037	Phan Tấn	Đạt	30/12/2000	Nam	CCQ1920B	Tây Ninh	82	6.78	Khá				
560	2119200038	Thân Phan Thành	Đạt	17/09/2001	Nam	CCQ1920B	TP.HCM	82	7.44	Khá				
561	2119200039	Lê Quốc	Đoàn	15/02/2001	Nam	CCQ1920B	Bình Phước	82	7.00	Khá				
562	2119200042	Trần Hồng	Hạnh	28/02/2001	Nữ	CCQ1920B	Đăk Lăk	82	6.63	Khá				
563	2119200041	Nguyễn Thị Như	Hảo	23/11/2001	Nữ	CCQ1920B	Đồng Nai	82	7.36	Khá				
564	2119200043	Bùi Thị Ngọc	Liên	16/12/2001	Nữ	CCQ1920B	Bến Tre	82	7.57	Khá				
565	2119200047	Huỳnh Thị Yến	My	28/08/2001	Nữ	CCQ1920B	Bình Định	82	7.62	Khá				
566	2119120048	Huỳnh Thị Tuyết	Nga	01/02/2001	Nữ	CCQ1920B	Phú Yên	82	6.99	Khá				
567	2119200049	Lê Thị	Nghĩa	01/06/2001	Nữ	CCQ1920B	Bình Định	82	7.33	Khá				
568	2119200052	Phan Thị Huỳnh	Như	25/04/2001	Nữ	CCQ1920B	Bến Tre	82	7.97	Khá				
569	2119200057	Trần Thị Thanh	Thu	05/12/2001	Nữ	CCQ1920B	Bình Định	82	7.47	Khá				
570	2119200061	Trần Thị Đoan	Trang	17/11/1998	Nữ	CCQ1920B	Hà Tĩnh	82	7.28	Khá				
571	2119200062	Trần Huỳnh	Trâm	20/10/2001	Nữ	CCQ1920B	Phú Yên	82	7.23	Khá				
572	2119200063	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	18/01/2001	Nữ	CCQ1920B	Bình Định	82	6.56	Khá				
573	2119200065	Thân Đức	Trung	02/02/2001	Nam	CCQ1920B	Đồng Nai	82	6.63	Khá				
574	2119200077	Lê Trọng	Lâm	06/08/2001	Nam	CCQ1920C	Bình Định	82	7.00	Khá				
575	2119200078	Nguyễn Thị Kim	Ngân	02/03/2001	Nữ	CCQ1920C	Long An	82	6.88	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
576	2119200080	Phan Thị Tuyết	Ngân	12/02/2001	Nữ	CCQ1920C	Long An	82	6.90	Khá				
577	2119200079	Trần Thị Thúy	Ngân	07/02/2001	Nữ	CCQ1920C	Bình Định	82	7.33	Khá				
578	2119200081	Phan Thị	Ngọc	10/02/2001	Nữ	CCQ1920C	Nam Định	82	7.39	Khá				
579	2119200082	Thạch Vũ Minh	Nguyệt	12/06/2001	Nữ	CCQ1920C	Đồng Nai	82	6.90	Khá				
580	2119200083	Nguyễn Thị Phương	Nhi	01/08/2001	Nữ	CCQ1920C	Phú Yên	82	6.87	Khá				
581	2119200086	Nguyễn Lê Hồng	Nhung	17/07/2001	Nữ	CCQ1920C	Ninh Thuận	82	7.00	Khá				
582	2119200092	Lê Thị	Tâm	20/11/2001	Nữ	CCQ1920C	Bình Định	82	6.70	Khá				
583	2119200095	Lê Thị Hồng	Thúy	26/04/2001	Nữ	CCQ1920C	Bình Định	82	7.41	Khá				
584	2119200096	Đoàn Thị Thanh	Tiền	02/06/2001	Nữ	CCQ1920C	Tiền Giang	82	7.46	Khá				
585	2119200098	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2001	Nữ	CCQ1920C	Quảng Ngãi	82	6.54	Khá				
586	2119200099	Bùi Thị Thùy	Trang	10/11/2001	Nữ	CCQ1920C	Đồng Nai	82	7.29	Khá				
587	2119200101	Đoàn Lê Tiến	Trường	19/06/2000	Nam	CCQ1920C	TP.HCM	82	7.11	Khá				
588	2119200104	Huỳnh Nhật	Ý	02/09/2001	Nam	CCQ1920C	Bình Định	82	6.62	Khá				
589	2119200107	Hoàng Phượng	Dung	15/06/2001	Nữ	CCQ1920D	Lâm Đồng	82	7.66	Khá				
590	2119200111	Võ Thúy	Hằng	04/05/2001	Nữ	CCQ1920D	Quảng Ngãi	82	7.43	Khá				
591	2119200116	Bùi Nguyễn Trúc	Linh	21/10/1999	Nữ	CCQ1920D	Bình Dương	82	7.42	Khá				
592	2119200117	Võ Ngọc Lưu	Lý	20/12/1999	Nữ	CCQ1920D	Phú Yên	82	7.43	Khá				
593	2119200119	Nguyễn Thị	Minh	24/06/2001	Nữ	CCQ1920D	Quảng Ngãi	82	6.99	Khá				
594	2119200122	Văn Thị Thu	Nguyệt	31/10/2001	Nữ	CCQ1920D	Đăk Lăk	82	7.20	Khá				
595	2119200125	Nguyễn Thị Yến	Nhi	04/08/2001	Nữ	CCQ1920D	Bến Tre	82	6.61	Khá				
596	2119200123	Vũ Thị Thùy	Nhi	24/10/2001	Nữ	CCQ1920D	Đăk Lăk	82	7.10	Khá				
597	2119200130	Đinh Thị	Thủy	10/02/2001	Nữ	CCQ1920D	Bình Định	82	7.04	Khá				
598	2119200131	Mai Thị Minh	Thư	28/07/2001	Nữ	CCQ1920D	Bến Tre	82	6.88	Khá				
599	2119200132	Trần Thị	Thương	20/07/2001	Nữ	CCQ1920D	Lâm Đồng	82	7.11	Khá				
600	2119200133	Tống Thị Việt	Tiền	28/07/2001	Nữ	CCQ1920D	Bình Định	82	6.69	Khá				
601	2119200134	Lê Thị Ngọc	Trinh	15/10/2001	Nữ	CCQ1920D	Phú Yên	82	6.45	Khá				
602	2119200135	Phan Thanh	Trúc	01/07/2001	Nữ	CCQ1920D	Tây Ninh	82	7.34	Khá				
603	2119200136	Quản Thị	Uyên	18/12/2001	Nữ	CCQ1920D	Lâm Đồng	82	6.81	Khá				
604	2119200139	Ngô Xuân	Cường	10/10/2001	Nam	CCQ1920E	TP.HCM	82	7.14	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
605	2119200144	Lê Thị Bích	Huyền	16/04/2000	Nữ	CCQ1920E	Long An	82	7.55	Khá				
606	2119200151	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	20/04/2001	Nữ	CCQ1920E	Bình Định	82	6.77	Khá				
607	2119200155	Đặng Tấn Quyên	Nguyên	10/01/2001	Nữ	CCQ1920E	Bình Thuận	82	7.15	Khá				
608	2119200154	Phạm Quốc	Nguyên	19/09/2001	Nam	CCQ1920E	Phú Yên	82	6.31	Khá				
609	2119200156	Võ Thị Ánh	Nguyệt	17/12/2001	Nữ	CCQ1920E	BRVT	82	6.52	Khá				
610	2119200161	Hồ Thị Trúc	Qui	05/02/2001	Nữ	CCQ1920E	Bình Định	82	6.90	Khá				
611	2119200169	Lê Thị Yến	Vy	04/06/2001	Nữ	CCQ1920E	Bình Định	82	7.13	Khá				
612	2119200175	Dương Thanh	Chiến	20/05/2001	Nam	CCQ1920F	Bình Định	82	8.11	Giỏi				
613	2119200178	Lê Thị Hoàng	Hảo	22/10/2001	Nữ	CCQ1920F	Phú Yên	82	7.35	Khá				
614	2119200183	Phạm Thị Thanh	Mai	06/01/2001	Nữ	CCQ1920F	Bình Định	82	7.21	Khá				
615	2119200186	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	01/02/2001	Nữ	CCQ1920F	Long An	82	7.24	Khá				
616	2119200189	Lâm Ngọc	Oanh	09/09/2001	Nữ	CCQ1920F	Đồng Nai	82	7.34	Khá				
617	2119200193	Nguyễn Như	Quỳnh	13/01/2001	Nữ	CCQ1920F	Bình Dương	82	8.10	Giỏi				
618	2119200194	Trần Thị Như	Quỳnh	07/10/2001	Nữ	CCQ1920F	Gia Lai	82	7.43	Khá				
619	2119200198	Nguyễn Huệ Kim	Thanh	17/09/2001	Nữ	CCQ1920F	Đồng Nai	82	7.57	Khá				
620	2119200200	Nguyễn Thị Thùy	Trang	16/09/2001	Nữ	CCQ1920F	Đồng Nai	82	7.50	Khá				
621	2119200203	Tăng Thị Thùy	Trinh	10/06/2001	Nữ	CCQ1920F	Phú Yên	82	7.51	Khá				
622	2119200263	Nguyễn Xuân	Trường	02/11/2001	Nam	CCQ1920F	Bình Định	82	7.01	Khá				
623	2119200205	Lê Thị Trà	Vi	16/10/2001	Nữ	CCQ1920F	Bình Định	82	7.39	Khá				
624	2119200208	Nguyễn Thị Hương	Giang	30/09/2001	Nữ	CCQ1920G	Tiền Giang	82	7.02	Khá				
625	2119200215	Đặng Thị	Liên	31/07/2001	Nữ	CCQ1920G	Bình Phước	82	6.71	Khá				
626	2119120151	Lê Thị Thúy	Liễu	15/01/2001	Nữ	CCQ1920G	TP.HCM	82	6.92	Khá				
627	2119200219	Đặng Thị Kiều	My	23/07/2001	Nữ	CCQ1920G	Long An	82	7.16	Khá				
628	2119200218	Nguyễn Thị Diễm	My	12/05/2001	Nữ	CCQ1920G	Quảng Ngãi	82	7.00	Khá				
629	2119200230	Đỗ Thành Hoa	Tranh	14/07/2001	Nữ	CCQ1920G	Kiên Giang	82	7.36	Khá				
630	2119200233	Trần Mai Thanh	Trúc	11/06/2001	Nữ	CCQ1920G	Bến Tre	82	7.59	Khá				
631	2119200237	Trần Tường	Vy	22/03/2001	Nữ	CCQ1920G	BRVT	82	7.07	Khá				
632	2119200238	Đặng Thị Thùy	Ân	16/06/2001	Nữ	CCQ1920H	Đăk Lăk	82	7.98	Khá				
633	2119200244	Nguyễn Thị	Hiền	20/10/2001	Nữ	CCQ1920H	Bình Định	82	7.39	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
634	2119200245	Trần Tấn	Hiệp	16/03/2001	Nam	CCQ1920H	Quảng Ngãi	82	6.64	Khá				
635	2119200247	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	23/03/2001	Nữ	CCQ1920H	Quảng Bình	82	6.95	Khá				
636	2119200268	Cao Thị	Liên	17/02/1999	Nữ	CCQ1920H	Ninh Thuận	82	7.27	Khá				
637	2119200269	Nguyễn Thị Chúc	Ly	14/02/2001	Nữ	CCQ1920H	Long An	82	7.69	Khá				
638	2119200251	Lê Thị Kiều	Nga	05/07/2001	Nữ	CCQ1920H	BRVT	82	6.77	Khá				
639	2119200253	Hoàng Thị Như	Ngọc	21/10/2001	Nữ	CCQ1920H	Đồng Nai	82	7.31	Khá				
640	2119200256	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	06/06/2001	Nữ	CCQ1920H	Tây Ninh	82	7.45	Khá				
641	2119240131	Văn Chúc	Thương	01/10/2001	Nữ	CCQ1920H	Gia Lai	82	7.11	Khá				
642	2119200273	Nguyễn Thị Thảo	Vy	12/02/2001	Nữ	CCQ1920H	Bình Định	82	6.31	Khá				
643	2119260002	Trần Nguyễn Ngọc	Ánh	10/02/2001	Nữ	CCQ1926A	Bình Định	82	7.34	Khá				
644	2119260003	Nguyễn Huệ	Bình	25/12/2001	Nữ	CCQ1926A	Bình Định	82	7.35	Khá				
645	2119260009	Lê Huỳnh Mỹ	Hiền	10/01/2001	Nữ	CCQ1926A	Quảng Ngãi	82	6.91	Khá				
646	2119260020	Lê Thị Thúy	Nga	11/11/2000	Nữ	CCQ1926A	BRVT	82	7.05	Khá				
647	2119260031	Tạ Thị Thanh	Thùy	16/10/2001	Nữ	CCQ1926A	Quảng Ngãi	82	6.73	Khá				
648	2119260032	Trần Thị Kim	Thúy	15/11/2001	Nữ	CCQ1926A	Phú Yên	82	6.46	Khá				
649	2119260038	Phạm Thị Thùy	Trinh	14/02/2001	Nữ	CCQ1926A	Bình Định	82	7.21	Khá				
650	2119260040	Nguyễn Thị Hương	Xuân	14/05/2001	Nữ	CCQ1926A	Quảng Trị	82	6.71	Khá				
651	2119260044	Từ Thị Hồng	Diễm	23/01/2001	Nữ	CCQ1926B	Ninh Thuận	82	6.96	Khá				
652	2119260045	Lê Huỳnh Từ	Duy	19/08/2001	Nữ	CCQ1926B	Bình Định	82	7.89	Khá				
653	2119260046	Phan Thị Mỹ	Duyên	26/10/2001	Nữ	CCQ1926B	Bình Định	82	6.80	Khá				
654	2119260056	Lê Thị Hà	My	20/10/2001	Nữ	CCQ1926B	Phú Yên	82	7.57	Khá				
655	2119260059	Trần Thị Tuyết	Ngân	26/11/2001	Nữ	CCQ1926B	Bình Thuận	82	6.85	Khá				
656	2119260063	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	13/04/2001	Nữ	CCQ1926B	Phú Yên	82	7.12	Khá				
657	2119260075	Đinh Thị Phương	Uyên	25/03/2000	Nữ	CCQ1926B	Đồng Nai	82	7.35	Khá				
658	2119260076	Vũ Ngọc	Vy	27/06/2001	Nữ	CCQ1926B	Đồng Nai	82	6.69	Khá				
659	2119260078	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	15/07/2001	Nữ	CCQ1926B	Cần Thơ	82	7.35	Khá				
660	2119260081	Huỳnh Thị Kim	Chi	21/06/2001	Nữ	CCQ1926C	Bình Định	82	7.67	Khá				
661	2119260087	Nguyễn Thị Thúy	Hà	20/11/2001	Nữ	CCQ1926C	Bình Định	82	7.02	Khá				
662	2119260091	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/03/2001	Nữ	CCQ1926C	Quảng Ngãi	82	7.21	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
663	2119260097	Đỗ Thị Ngọc	Lam	06/02/2001	Nữ	CCQ1926C	An Giang	82	6.87	Khá				
664	2119260098	Võ Thị Hồng	Loan	03/09/2001	Nữ	CCQ1926C	Phú Yên	82	7.64	Khá				
665	2119260100	Châu Hải	My	11/07/2001	Nữ	CCQ1926C	Bến Tre	82	7.12	Khá				
666	2119260101	Nguyễn Thị Trà	My	20/06/2000	Nữ	CCQ1926C	Gia Lai	82	7.44	Khá				
667	2119260104	Lê Thị Thanh	Nhã	22/06/2001	Nữ	CCQ1926C	Bình Định	82	6.92	Khá				
668	2119260112	Trương Thị Kim	Thư	08/08/2000	Nữ	CCQ1926C	Bình Thuận	82	7.14	Khá				
669	2119260120	Nguyễn Thị Tường	Vy	30/04/2000	Nữ	CCQ1926C	Quảng Ngãi	82	7.15	Khá				
670	2119260123	Lê Thị Lệ	Chi	11/01/2001	Nữ	CCQ1926D	Bình Định	82	6.85	Khá				
671	2119260135	Đào Lê Thùy	Linh	15/11/2001	Nữ	CCQ1926D	Bình Định	82	7.30	Khá				
672	2119260138	Bá Thập Nữ An	Na	08/02/2001	Nữ	CCQ1926D	Ninh Thuận	82	6.77	Khá				
673	2119260141	Thái Thị Yến	Nhi	09/10/2001	Nữ	CCQ1926D	Bình Định	82	6.69	Khá				
674	2119260148	Đặng Thị Kim	Thảo	10/12/2001	Nữ	CCQ1926D	Đồng Nai	82	6.72	Khá				
675	2119260152	Nguyễn Thị	Thủy	26/06/2001	Nữ	CCQ1926D	Bình Định	82	6.83	Khá				
676	2119260153	Bùi Thị Ngọc	Thương	13/06/2001	Nữ	CCQ1926D	Đồng Nai	82	7.82	Khá				
677	2119260157	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	25/05/2001	Nữ	CCQ1926D	Đồng Nai	82	7.75	Khá				
678	2119260174	Trần Thị Thiên	Hương	28/11/2001	Nữ	CCQ1926E	Lâm Đồng	82	7.33	Khá				
679	2119260178	Trịnh Thị Trà	My	07/07/2001	Nữ	CCQ1926E	Bình Định	82	7.11	Khá				
680	2119260201	Trần Thị Như	Ý	08/06/2001	Nữ	CCQ1926E	BRVT	82	6.99	Khá				
681	2119260203	Phạm Hồ Ngọc	Châu	10/09/2001	Nữ	CCQ1926F	Đồng Nai	82	6.92	Khá				
682	2119260220	Vũ Thị Thùy	Linh	05/02/2001	Nữ	CCQ1926F	Phú Yên	82	6.84	Khá				
683	2119260223	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	19/06/2001	Nữ	CCQ1926F	Bình Định	82	7.62	Khá				
684	2119260236	Hàng Thị Minh	Thắm	03/04/2001	Nữ	CCQ1926F	Ninh Thuận	82	6.98	Khá				
685	2119260237	Trần Thanh	Trâm	24/09/2001	Nữ	CCQ1926F	Bến Tre	82	7.85	Khá				
686	2119260246	Hồ Linh Cát Loan	Châu	26/06/2001	Nữ	CCQ1926G	Đồng Nai	82	7.28	Khá				
687	2119260256	Đỗ Thị Bích	Luyến	20/08/2001	Nữ	CCQ1926G	Phú Yên	82	7.44	Khá				
688	2119260257	Phạm Thị	Nga	15/06/2001	Nữ	CCQ1926G	Bình Định	82	7.49	Khá				
689	2119260258	Bùi Thị Kim	Ngân	14/10/2001	Nữ	CCQ1926G	Tiền Giang	82	6.94	Khá				
690	2119260261	Nguyễn Thị Tú	Nhi	31/10/2001	Nữ	CCQ1926G	Gia Lai	82	7.59	Khá				
691	2119260267	Võ Thị Kim	Thành	12/04/2001	Nữ	CCQ1926G	Bình Định	82	7.23	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
692	2119260268	Phạm Thị Thu	Thiên	14/07/2001	Nữ	CCQ1926G	Phú Yên	82	8.02	Giỏi				
693	2119260271	Hứa Thị Thanh	Thủy	28/06/2001	Nữ	CCQ1926G	Bến Tre	82	6.97	Khá				
694	2119260273	Trương Thị Tuyết	Trâm	27/11/2001	Nữ	CCQ1926G	Bình Định	82	7.39	Khá				
695	2119260274	Bùi Thị Lệ	Trinh	13/10/2001	Nữ	CCQ1926G	Bình Định	82	7.28	Khá				
696	2119260284	Nguyễn Quốc	Đạt	10/02/2001	Nam	CCQ1926H	Bình Định	82	6.94	Khá				
697	2119170311	Tô Văn	Giàu	18/10/2001	Nam	CCQ1926H	TP.HCM	82	7.83	Khá				
698	2119260294	Trần Thị	Mỹ	16/07/2001	Nữ	CCQ1926H	Hà Tĩnh	82	6.99	Khá				
699	2119260298	Mai Thị Yến	Như	18/12/2000	Nữ	CCQ1926H	Gia Lai	82	7.34	Khá				
700	2119260305	Nguyễn Thị Khoa	Thi	23/11/2001	Nữ	CCQ1926H	BRVT	82	6.23	Trung Bình				
701	2119260314	Đoàn Huỳnh	Trân	22/01/2001	Nữ	CCQ1926H	Bình Định	82	6.76	Khá				
702	2119260332	Phan Thanh	Tuấn	25/06/2001	Nam	CCQ1926H	Bình Định	82	6.67	Khá				
703	2119260319	Nguyễn Ý	Vy	22/09/2001	Nữ	CCQ1926H	Bình Định	82	6.57	Khá				
704	2119270003	Nguyễn Thị Thanh	Hào	10/03/2001	Nữ	CCQ1927A	Bình Định	82	6.73	Khá				
705	2119270006	Nguyễn Thị Như	Hằng	04/09/2001	Nữ	CCQ1927A	Bình Định	82	8.13	Giỏi				
706	2119270007	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	02/05/2001	Nữ	CCQ1927A	Bình Định	82	6.61	Khá				
707	2119270008	Ung Thị Mỹ	Hòa	10/09/2001	Nữ	CCQ1927A	Bình Định	82	7.23	Khá				
708	2119270009	Trịnh Thị Kim	Hồng	07/12/2001	Nữ	CCQ1927A	Quảng Ngãi	82	7.46	Khá				
709	2119270011	Đoàn Quốc	Huynh	17/10/2000	Nam	CCQ1927A	Đồng Nai	82	8.02	Giỏi				
710	2119270012	Huỳnh Thị Kim	Hương	04/01/2001	Nữ	CCQ1927A	Quảng Ngãi	82	6.88	Khá				
711	2119270031	Võ Thị	Tuyền	07/04/2001	Nữ	CCQ1927A	Phú Yên	82	6.60	Khá				
712	2119270035	Võ Bội	Bội	06/09/2001	Nữ	CCQ1927B	Bến Tre	82	7.74	Khá				
713	2119270038	Võ Thị	Hà	24/09/2001	Nữ	CCQ1927B	Quảng Ngãi	82	7.11	Khá				
714	2119270041	Hồ Thị Mỹ	Hiền	18/10/2001	Nữ	CCQ1927B	Bình Định	82	7.73	Khá				
715	2119270044	Nguyễn Hoàng	Lâm	04/03/1999	Nam	CCQ1927B	Tiền Giang	82	7.44	Khá				
716	2119270046	Hà Thị Mỹ	Linh	10/02/2001	Nữ	CCQ1927B	Bình Định	82	6.68	Khá				
717	2119270050	Cao Lê Kiều Vi	Na	20/12/2001	Nữ	CCQ1927B	Quảng Ngãi	82	6.94	Khá				
718	2119270049	Trần Thị My	Na	04/06/2001	Nữ	CCQ1927B	Bình Định	82	6.88	Khá				
719	2119270051	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	20/12/2001	Nữ	CCQ1927B	Bình Định	82	7.44	Khá				
720	2119270053	Hồ Văn	Phận	24/12/2001	Nam	CCQ1927B	Bình Định	82	8.15	Giỏi				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
721	2119270054	Trần Văn	Quý	19/08/2001	Nam	CCQ1927B	Đăk Nông	82	7.38	Khá				
722	2119270055	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	20/04/2001	Nữ	CCQ1927B	Bình Định	82	6.93	Khá				
723	2119270056	Trần Thị Mỹ	Thắm	04/04/2001	Nữ	CCQ1927B	Bình Định	82	7.74	Khá				
724	2119270061	Tạ Thị Thu	Thủy	28/08/2001	Nữ	CCQ1927B	Quảng Ngãi	82	6.56	Khá				
725	2119270059	Trần Võ Thị Thanh	Thủy	24/10/2001	Nữ	CCQ1927B	Đồng Nai	82	7.40	Khá				
726	2119270076	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Hương	28/09/2001	Nữ	CCQ1927C	Ninh Thuận	82	7.75	Khá				
727	2119270078	Phan Thị Mai	Loan	03/12/2000	Nữ	CCQ1927C	An Giang	82	7.30	Khá				
728	2119270082	Phan Thị Út	Mừng	28/06/2001	Nữ	CCQ1927C	Phú Yên	82	6.71	Khá				
729	2119270084	Nguyễn Thị Thúy	Nga	14/10/1999	Nữ	CCQ1927C	Hậu Giang	82	8.01	Giỏi				
730	2119270086	Võ Thị Yến	Nhi	03/09/2001	Nữ	CCQ1927C	Quảng Ngãi	82	6.59	Khá				
731	2119270087	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	04/09/2001	Nữ	CCQ1927C	Quảng Ngãi	82	7.33	Khá				
732	2119270088	Cao Thị Thanh	Phương	01/07/2001	Nữ	CCQ1927C	Tây Ninh	82	7.08	Khá				
733	2119270089	Nguyễn Thị Bích	Phượng	07/07/2001	Nữ	CCQ1927C	Bình Định	82	6.63	Khá				
734	2119270090	Lê Thị Kim	Quyên	10/10/2001	Nữ	CCQ1927C	Bình Định	82	7.07	Khá				
735	2119270092	Lê Văn	Tài	11/12/1998	Nam	CCQ1927C	Bình Định	82	7.40	Khá				
736	2119270096	Đỗ Thị Mai	Thi	17/01/2000	Nữ	CCQ1927C	An Giang	82	7.47	Khá				
737	2119270097	Đặng Thị Mỹ	Thu	30/04/2001	Nữ	CCQ1927C	Bình Định	82	7.31	Khá				
738	2119270099	Trần Thị Thanh	Tiền	26/07/2001	Nữ	CCQ1927C	Bình Định	82	7.15	Khá				
739	2119270102	Phạm Văn	Trường	27/02/2001	Nam	CCQ1927C	Bình Định	82	7.19	Khá				
740	2119270104	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	08/12/2001	Nữ	CCQ1927D	TP.HCM	82	7.06	Khá				
741	2119270108	Nguyễn Thị Thu	Hiền	13/10/2001	Nữ	CCQ1927D	Long An	82	7.00	Khá				
742	2119270111	Huỳnh Quốc	Hóa	24/02/2001	Nam	CCQ1927D	Bình Định	82	6.64	Khá				
743	2119270116	Hồ Nhật	Lệ	30/01/2001	Nữ	CCQ1927D	Bình Định	82	7.32	Khá				
744	2119270117	Võ Thị Kim	Liên	27/04/2000	Nữ	CCQ1927D	Đồng Nai	82	6.52	Khá				
745	2119270118	Lê Thị Trà	My	04/05/2001	Nữ	CCQ1927D	BRVT	82	7.23	Khá				
746	2119270119	Bùi Hữu	Nghĩa	10/03/1995	Nam	CCQ1927D	Cần Thơ	82	7.60	Khá				
747	2119270122	Đinh Thị Kiều	Oanh	12/07/2000	Nữ	CCQ1927D	Bến Tre	82	6.87	Khá				
748	2119270130	Nguyễn Minh	Thư	29/03/2001	Nữ	CCQ1927D	Bến Tre	82	7.74	Khá				
749	2119270174	Trần Thị	Hoàng	20/06/2000	Nữ	CCQ1927F	Bình Định	82	6.95	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Quản trị kinh doanh (QT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
750	2119270216	Nguyễn Thị Quỳnh	Kim	07/03/2001	Nữ	CCQ1927G	Phú Yên	82	7.17	Khá				
751	2119270219	Phan Thuỳ	Linh	03/03/2001	Nữ	CCQ1927G	Cà Mau	82	7.87	Khá				
752	2119270251	Trần Thị	Loan	08/01/2001	Nữ	CCQ1927H	Đồng Nai	82	7.35	Khá				
753	2120120064	Phan Thị Thu	Thủy	26/10/1995	Nữ	CCQ2012B	Bình Phước	84	6.72	Khá				
754	2120120088	Trần Bảo	Quốc	11/04/2001	Nam	CCQ2012C	Bình Định	82	8.55	Giỏi				
755	2120120089	Lê Tuấn	Sơn	19/09/2001	Nam	CCQ2012C	Bình Định	82	8.17	Giỏi				
756	2120120125	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	16/07/2002	Nữ	CCQ2012D	Ninh Thuận	82	7.37	Khá				
757	2120120383	Lê Thị Tố	Yên	01/03/2002	Nữ	CCQ2012K	Đồng Nai	82	7.25	Khá				
758	2120120681	Vũ Thị Bích	Đào	01/12/1999	Nữ	CCQ2012L	Lâm Đồng	82	7.34	Khá				
759	2120120420	Nguyễn Thị	Chi	23/04/2002	Nữ	CCQ2012M	Thái Bình	82	7.03	Khá				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TPHCM
QUẢN LÝ TỐT NGHIỆP
-oOo-

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ thông tin (TT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
1	2117110012	Trịnh Tiến	Đạt	17/11/1999	Nam	CCQ1711A	Cần Thơ	92	6.16	Trung Bình				
2	2117110016	Lữ Đăng	Hoàng	16/07/1999	Nam	CCQ1711A	Thanh Hóa	93	5.77	Trung Bình				
3	2117110027	Võ Huy	Khánh	25/12/1999	Nam	CCQ1711A	Ninh Thuận	92	6.91	Khá				
4	2117110029	Lê Gia	Lai	20/03/1998	Nam	CCQ1711A	Khánh Hòa	91	6.29	Khá				
5	2117110034	Trần Quốc	Lợi	07/09/1999	Nam	CCQ1711A	Phú Yên	92	6.13	Trung Bình				
6	2117110037	Nguyễn Văn	Nghiệp	22/05/1999	Nam	CCQ1711A	Đăk Lăk	92	6.96	Khá				
7	2117110053	Đỗ Hoàng	Thiện	31/03/1999	Nam	CCQ1711A	Đồng Nai	91	7.09	Khá				
8	2117110069	Nguyễn Thị Cẩm	Vy	24/10/1999	Nữ	CCQ1711A	BRVT	97	6.30	Khá				
9	2117110078	Lê Thị Ngọc	Dung	17/08/1999	Nữ	CCQ1711B	Bình Thuận	92	6.67	Khá				
10	2117110143	Nguyễn Thành	Công	03/10/1998	Nam	CCQ1711C	Bình Phước	90	5.99	Trung Bình				
11	2117110150	Phạm Quý	Được	22/10/1995	Nam	CCQ1711C	Bình Thuận	92	6.27	Khá				
12	2117110151	Nguyễn Trường	Giang	01/09/1999	Nam	CCQ1711C	Bến Tre	92	6.31	Khá				
13	2117110153	Lương Khánh	Hội	18/09/1999	Nam	CCQ1711C	Bình Thuận	91	6.29	Khá				
14	2117110161	Nguyễn Anh	Kiệt	10/01/1998	Nam	CCQ1711C	Bình Định	91	6.50	Khá				
15	2117110164	Trần Ngọc Như	Long	16/02/1996	Nam	CCQ1711C	Quảng Ngãi	92	6.70	Khá				
16	2117110181	Đào Anh	Sáng	08/10/1999	Nam	CCQ1711C	Đăk Lăk	91	6.21	Trung Bình				
17	2117110182	Nguyễn Hồng	Sơn	16/09/1998	Nam	CCQ1711C	Tiền Giang	91	6.54	Khá				
18	2117110208	Nguyễn Hoàng	Vị	01/05/1999	Nam	CCQ1711C	Ninh Thuận	90	6.10	Trung Bình				
19	2117110248	Nguyễn Đức	Phú	23/04/1999	Nam	CCQ1711D	BRVT	92	6.69	Khá				
20	2117110268	Nguyễn Thanh	Trung	03/02/1999	Nam	CCQ1711D	Bình Định	92	6.50	Khá				
21	2117110269	Nguyễn Thành	Trung	16/10/1999	Nam	CCQ1711D	Đồng Nai	93	6.64	Khá				
22	2117110271	Võ Hồng Minh	Tuấn	16/10/1999	Nam	CCQ1711D	Đồng Nai	92	6.17	Trung Bình				
23	2117110285	Mai Hoài	Duy	17/06/1999	Nam	CCQ1711E	Bình Thuận	92	6.45	Khá				
24	2117110289	Nguyễn Văn	Hào	06/03/1999	Nam	CCQ1711E	Bình Định	92	7.47	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ thông tin (TT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
25	2117250004	Võ Thị	Lê	24/03/1998	Nữ	CCQ1711E	Quảng Ngãi	91	6.23	Trung Bình				
26	2117110311	Nguyễn Cao	Mạnh	24/10/1999	Nam	CCQ1711E	Phú Yên	92	8.14	Giỏi				
27	2117110314	Trần Thị Thế	Ngọc	27/11/1999	Nữ	CCQ1711E	Bình Dương	92	6.01	Trung Bình				
28	2117110321	Phan Anh	Quốc	11/02/1999	Nam	CCQ1711E	Khánh Hòa	92	6.40	Khá				
29	2117110343	Nguyễn Ngọc	Tiến	12/01/1998	Nam	CCQ1711E	Bình Định	91	7.21	Khá				
30	2117110192	Trần Minh	Thắng	06/12/1999	Nam	CCQ1722A	Bình Định	91	6.21	Trung Bình				
31	2118110002	Đặng Bảo	Ân	10/09/2000	Nam	CCQ1811A	Ninh Thuận	92	8.33	Giỏi				
32	2118110007	Nguyễn Ca	Din	15/04/2000	Nữ	CCQ1811A	Phú Yên	92	6.24	Trung Bình				
33	2118110010	Hồ Khánh	Duy	09/08/2000	Nam	CCQ1811A	Long An	92	6.28	Khá				
34	2118110031	Trần Gia	Hùng	20/03/1997	Nam	CCQ1811A	Bình Định	92	7.13	Khá				
35	2118110032	Đặng Thị	Hương	20/12/2000	Nữ	CCQ1811A	Bình Định	92	6.50	Khá				
36	2118110070	Lê Nhật	Linh	24/11/2000	Nữ	CCQ1811A	Long An	92	6.69	Khá				
37	2118110063	Dương Lê Minh	Tấn	23/05/2000	Nam	CCQ1811A	Long An	94	6.12	Trung Bình				
38	2118110064	Lê	Thành	21/06/2000	Nam	CCQ1811A	Đăk Lăk	94	7.02	Khá				
39	2118110001	Trần Kim	Thành	12/11/2000	Nam	CCQ1811A		93	6.29	Khá				
40	2118110071	Phạm Thị Anh	Thư	17/01/1999	Nữ	CCQ1811A	Tiền Giang	92	6.99	Khá				
41	2118110103	Đoàn Văn	Hiển	04/10/2000	Nam	CCQ1811B		92	6.47	Khá				
42	2118110110	Tăng Văn	Hội	22/09/2000	Nam	CCQ1811B	Bình Định	92	6.38	Khá				
43	2118110113	Mai Đức	Hùng	10/01/2000	Nam	CCQ1811B	Bình Định	92	6.87	Khá				
44	2118110118	Nguyễn Văn	Khoai	28/09/2000	Nam	CCQ1811B	Bình Định	92	6.74	Khá				
45	2118110125	Nguyễn Thành	Long	18/05/2000	Nam	CCQ1811B	Bình Định	94	6.96	Khá				
46	2118110128	Hồ Minh	Lượng	17/04/2000	Nam	CCQ1811B	Bến Tre	93	6.59	Khá				
47	2118110142	Huỳnh Thanh	Phương	27/08/2000	Nam	CCQ1811B	Bình Định	94	6.42	Khá				
48	2118110156	Lê Việt	Tình	14/01/2000	Nam	CCQ1811B	Đăk Lăk	92	6.39	Khá				
49	2118110169	Lâm Như	Ý	21/07/2000	Nữ	CCQ1811B	Bình Thuận	92	6.36	Khá				
50	2118110177	Ngô Đức	Cương	22/08/2000	Nam	CCQ1811C	Nghệ An	92	6.92	Khá				
51	2118110203	Nguyễn Ngọc	Hưng	02/05/2000	Nam	CCQ1811C	Bình Định	92	6.95	Khá				
52	2118110206	Nguyễn Phùng Duy	Linh	11/04/2000	Nam	CCQ1811C	Bình Định	92	7.00	Khá				
53	2118110208	Trần Thanh	Lợi	15/02/2000	Nam	CCQ1811C	Bình Định	94	6.88	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ thông tin (TT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
54	2118110209	Nguyễn	Luân	01/06/2000	Nam	CCQ1811C	Bình Định	92	6.97	Khá				
55	2118110212	Tô Thị Diễm	My	03/09/2000	Nữ	CCQ1811C	Tiền Giang	92	6.86	Khá				
56	2118110217	Nguyễn Hồng	Nhật	25/04/2000	Nam	CCQ1811C	Đăk Lăk	92	6.40	Khá				
57	2118110220	Huỳnh Thị Nhã	Phương	09/08/2000	Nữ	CCQ1811C	Bến Tre	93	7.77	Khá				
58	2118110222	Nguyễn Văn	Quyên	14/03/2000	Nam	CCQ1811C	Bình Định	93	6.58	Khá				
59	2118110224	Đỗ Ngọc	Tâm	15/09/2000	Nam	CCQ1811C	Bình Phước	93	6.64	Khá				
60	2118110271	Nguyễn Thanh	Hóa	11/07/1999	Nam	CCQ1811D	Bình Định	93	6.27	Khá				
61	2118110274	Trịnh Đức	Hùng	02/01/1999	Nam	CCQ1811D	Bình Dương	92	7.52	Khá				
62	2118110272	Đan Khang	Huy	08/10/1999	Nam	CCQ1811D	Ninh Thuận	92	6.71	Khá				
63	2118110279	Nguyễn Hồ Anh	Lâm	16/11/2000	Nam	CCQ1811D	Bình Thuận	93	7.35	Khá				
64	2118110288	Trượng Thanh	Nguyễn	22/10/2000	Nam	CCQ1811D	Ninh Thuận	92	6.96	Khá				
65	2118110293	Lại Văn	Ơn	25/10/2000	Nam	CCQ1811D	Đăk Lăk	92	6.22	Trung Bình				
66	2118110348	Huỳnh Đông	Hận	25/10/1999	Nam	CCQ1811E	Quảng Ngãi	92	6.60	Khá				
67	2118110363	Nguyễn Thị Hoài	Linh	20/07/2000	Nữ	CCQ1811E	Bình Định	92	6.61	Khá				
68	2118110370	Đào Văn	Minh	16/11/2000	Nam	CCQ1811E	Bình Dương	96	7.94	Khá				
69	2118170591	Mai Văn	Quân	01/10/2000	Nam	CCQ1811E	Đăk Lăk	92	6.67	Khá				
70	2118050048	Lê Hoàng	Thiện	02/07/2000	Nam	CCQ1811E	Tiền Giang	92	7.10	Khá				
71	2118110397	Nguyễn Hồ Phi	Trường	06/07/2000	Nam	CCQ1811E	Bình Định	94	6.35	Khá				
72	2118110405	Đặng Hùng	Vấn	02/11/2000	Nam	CCQ1811E	Bình Định	93	6.66	Khá				
73	2119110019	Trương Trịnh Nhật	Linh	06/05/2001	Nam	CCQ1911A	Bình Định	92	6.46	Khá				
74	2119110037	Nguyễn Duy	Cảnh	08/12/2001	Nam	CCQ1911B	Đồng Tháp	92	6.67	Khá				
75	2119110046	Ngô Thị	Huỳnh	01/10/2001	Nữ	CCQ1911B	Bình Định	92	7.19	Khá				
76	2119110049	Trảo Thanh	Lâm	21/03/2001	Nữ	CCQ1911B	Bình Định	92	7.84	Khá				
77	2119110058	Huỳnh Thị Kim	Thuận	16/07/2001	Nữ	CCQ1911B	Ninh Thuận	92	6.79	Khá				
78	2119110063	Đỗ Thị Minh	Trang	02/10/2001	Nữ	CCQ1911B	Đồng Tháp	92	6.94	Khá				
79	2119110077	Trần Nhã	Linh	25/11/2001	Nữ	CCQ1911C	Bình Định	92	7.56	Khá				
80	2119110078	Phạm Nguyễn Thành	Long	20/09/2001	Nam	CCQ1911C	Tiền Giang	92	7.46	Khá				
81	2119110105	Thọ Thị Thu	Hà	21/11/2001	Nữ	CCQ1911D	Ninh Thuận	92	7.69	Khá				
82	2119110106	Hồ Diên	Hoàng	02/01/2000	Nam	CCQ1911D	Nghệ An	92	7.01	Khá				

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO KHOA

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022 (Tốt nghiệp đợt 2 năm 2022)

*** Đây là thông tin làm bằng tốt nghiệp. SV kiểm tra kỹ thông tin của mình, nếu điều chỉnh cần liên hệ trực tiếp Phòng Quản lý đào tạo.**

Khoa: Công nghệ thông tin (TT)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Mã lớp	Nơi sinh	TC tổng	ĐTBTN	Xếp loại	Số văn bằng	Ngày cấp	Số vào sổ	Ký tên
83	2119110113	Diệp Thế	Nguyên	17/04/2000	Nam	CCQ1911D	Bến Tre	92	7.16	Khá				
84	2119110124	Trần Công	Tiệp	21/02/2001	Nam	CCQ1911D	Quảng Ngãi	92	6.64	Khá				
85	2119110130	Nguyễn Xuân	Trường	15/12/1998	Nam	CCQ1911D	Lâm Đồng	92	7.68	Khá				
86	2119110138	Đặng Ngọc Kim	Cương	03/12/2001	Nữ	CCQ1911E	Bình Định	92	7.37	Khá				
87	2119110147	Phạm Văn	Kiên	20/10/2001	Nam	CCQ1911E	Bình Thuận	92	7.47	Khá				
88	2119110149	Phạm Minh	Phát	01/12/2001	Nam	CCQ1911E	Bình Định	92	7.87	Khá				
89	2119110151	Nguyễn Thị	Phượng	23/04/2001	Nữ	CCQ1911E	Bình Thuận	92	6.92	Khá				
90	2119110157	Trương Văn	Thân	24/07/2001	Nam	CCQ1911E	Ninh Thuận	92	7.33	Khá				
91	2119110158	Trần Quang	Tiến	13/11/2001	Nam	CCQ1911E	Đồng Nai	92	7.47	Khá				
92	2119110167	Đặng Thế	Vinh	05/11/2001	Nam	CCQ1911E	Đồng Tháp	92	7.83	Khá				
93	2119110168	Nguyễn Tiến	Vỹ	04/09/2001	Nam	CCQ1911E	Đồng Nai	92	7.65	Khá				
94	2119110212	Phạm Đình	Điểm	11/06/2001	Nam	CCQ1911G	Bình Định	92	7.48	Khá				
95	2119110230	Đinh Trọng	Thành	02/08/2001	Nam	CCQ1911G	Kiên Giang	92	7.16	Khá				
96	2119110245	Nguyễn Trung	Hậu	21/04/2001	Nam	CCQ1911H	Tây Ninh	92	7.59	Khá				
97	2119110247	Phan Trung	Kiên	17/12/2001	Nam	CCQ1911H	An Giang	92	6.90	Khá				
98	2119110260	Phan Quốc	Phụng	11/06/1994	Nam	CCQ1911H	Phú Yên	92	8.55	Giỏi				
99	2119110263	Ngô Hoài	Sơn	14/12/1994	Nam	CCQ1911H	Phú Yên	92	7.87	Khá				
100	2119110353	Trịnh Quang	Vinh	24/07/1998	Nam	CCQ1911H	Thanh Hóa	92	7.44	Khá				
101	2119110310	Đỗ Văn	Bình	18/11/2000	Nam	CCQ1911J	Ninh Bình	92	6.78	Khá				
102	2119110316	Lê Thị Ngọc	Hân	22/01/1999	Nữ	CCQ1911J	Bắc Ninh	92	8.00	Giỏi				

TP.HCM, Ngày 11 tháng 08 năm 2022

Người lập biểu